

LỜI GIỚI THIỆU



Trước năm 1945, danh từ **BỬU SƠN KỶ HƯƠNG** và **TỨ ÂN HIẾU NGHĨA** ngay tại hai tỉnh Long Xuyên và Châu Đốc là vùng phát tích mà chỉ được nói khẽ với nhau trong dân gian, ở xa đến, người hiếu kỳ không sao tìm ra tông tích.

BỬU SƠN KỶ HƯƠNG, TỨ ÂN HIẾU NGHĨA quả thật là mùi trầm hương từ thâm sơn cùng cốc bay vọng ra rồi tản mát trên không gian lờ mờ như mây khói! Không sao nhận định rõ nó được!

Tại sao có cảnh ngộ ly kỳ như thế, dù rằng, đây là hai Tôn phái như muôn ngàn Tôn phái khác! Không chi lạ, đó là hậu quả của sự lòng bất, truy nã cố tình tiêu diệt của nhà cầm quyền thuộc địa thời đó.

Từ năm 1862 trở đi, đã lâu rồi, do những sự thù ghét, những vu cáo đê hèn của kẻ vong

bổn, chánh quyền thuộc địa đã coi Tôn phái **BỬU SƠN KỲ HƯƠNG** và sau đó Hệ phái **TỨ ÂN HIẾU NGHĨA**, là một sự phục hưng của **BỬU SƠN KỲ HƯƠNG** dưới một hình thức hơi khác một tí là hai tổ chức của các "Gian Đạo Sĩ" dưới hình thức Tôn phái để mưu đồ "Cần Vương" lật đổ Chánh Quyền Pháp tại Nam Kỳ Lục Tỉnh này!

Có quả vậy chăng? Xin thưa: Sự thật hoàn toàn sai hẳn, Phật Giáo **BỬU SƠN KỲ HƯƠNG** và Hệ Phái **TỨ ÂN HIẾU NGHĨA** quả thật là một hình thức của phái Thiên Tông đem áp dụng cho dân tộc Việt, theo khuôn khổ của tinh thần dân tộc Việt. Chỉ có thể thôi và chỉ có thể mà nhà cầm quyền Pháp ghét cay, ghét đắng, cố tiêu diệt cho bằng được. Bởi lẽ, đường lối ấy đi ngược lại với chánh sách vong bản hóa dân tộc Việt, để rồi đời đời ngự trị trên mảnh đất này!

Nhưng, “*Mitu sự tại Nhân, thành sự tại Thiên*”. Người muốn vậy mà trời nào cho vậy,

cho nên năm 1945 nhà cầm quyền Pháp phải "cuốn gói ra đi" mà không một lời từ giả nào với dân tộc Việt!

Bất chiến tự nhiên thành. Phải chăng Cụ Trạng **Nguyễn Bình Khiêm** đã cho dân tộc ta hay trước lâu rồi. Lại nữa, nhị vị Giáo Tổ hai Tôn Phái nói trên là Đức **Phật Thầy Tây-An** và **Đức Bốn Sư** là hai bậc phi phàm "vị lai, quá khứ" đều thông, thì hà tất lại đi làm cái việc miễn cưỡng là: "Nấu cát mà mong thành cơm" để rồi chung qui cốt hại lửa củi! Vậy gán cho hai Ngài xúi giục dân lành làm loạn, chẳng những là một sai lầm quá lớn mà lại còn thêm một tội lỗi thiêng liêng đối với hai bậc Chân Nhân hạ phàm, cốt yếu cứu dân cứu nước, bằng lối giáo hóa chúng sanh hướng về con đường Thánh thiện từ xưa mà giống nòi thấm nhuần là "**Học Phật Tu Nhân**".

Quyển: **PHẬT GIÁO BỬU SƠN KỲ HƯƠNG** Hệ Phái **TỨ ÂN HIẾU NGHĨA** mà chúng tôi hân hạnh giới thiệu với chư tôn sẽ

trình bày đầy đủ những chi tiết chứng minh quan niệm trên, và quả thật là một sử liệu vô giá về hai Tôn phái này. Ước mong đám mây mờ che lấp hai Hệ Phái nói trên, từ nay không còn nữa và hai Hệ Phái được đánh giá đúng mức trong pho lịch sử nước nhà, như hai tiết điệu trong đại nhạc thái hòa.

Trân trọng xin có lời giới thiệu

TRẦN VĂN QUẾ

(Nguyên Giáo Sư trường Sư Phạm, Giảng Sư Đại Học **Vạn Hạnh** và Đại Học **Văn Khoa** tại Sài Gòn)

LỜI NGƯỜI BIÊN SOẠN



Từ lâu chúng tôi có ý sưu tập tài liệu để biên khảo tập sách nói về Hệ Phái **Tứ Ân Hiếu Nghĩa**, là một Hệ phái quan trọng của **Phật Giáo Bửu Sơn Kỳ Hương**.

Nhưng ngày tháng trôi qua, những tài liệu ấy vẫn nằm yên trong tủ sách. Vì có nhiều lý do mà chúng tôi chưa dám rờ động tới mở tài liệu đó, nhất là lý do mặc cảm:

Tuổi đời quá ít, tuổi đạo rất non, học vấn nông cạn, sợ không đủ sức biên khảo một quyển sách Đạo. Sợ trình bày không đủ và tế nhị một giáo thuyết cao sâu, một giáo thuyết đã từng đua chen truyền bá trong một thời vô cùng khó khăn, và từng chịu đựng sự chèn ép của một giáo thuyết khoa học tân tiến, vẫn vượt qua những khó khăn ấy mà trưởng thành và vững mạnh cho đến ngày nay.

Gần đây có nhiều ngoại cảnh đưa đến, nung chí chúng tôi gác lại mọi sự dè dặt, tự tin để mạnh dạn mà biên khảo ra quyển sách này:

1. Có những quyển sách và bài báo viết về Hệ Phái **Tứ Ân Hiếu Nghĩa** không được đầy đủ và rõ ràng lắm.

2. Nhờ nhiều bạn giúp cho những tài liệu quý giá, và khuyến khích chúng tôi, nhất là các bạn thuộc Hệ Phái **Tứ Ân Hiếu Nghĩa**.

3. Có những người không biết từ trước ở đâu và làm gì? Nay bỗng dựng lợi dụng danh nghĩa **Bửu Sơn Kỳ Hương** hoặc **Tứ Ân Hiếu Nghĩa** mà tuyên bố này nọ, khác nào kẻ đi buôn dùng vốn người khác để làm ăn riêng tư.

4. Hiến Pháp nền Đệ Nhị Cộng Hòa đã thực sự tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, nên cũng cần trình bày rõ ràng đường lối tu học của Hệ Phái **Tứ Ân Hiếu Nghĩa**, để khỏi âm thầm mai một những người công dân tốt, họ đã từng sống qua nhiều thời gian khổ sở, chết chóc do các trào

lưu bạo ngược gây ra. Và một nền đạo rất nhu hòa thuần hậu, một giáo lý "bất võ trang, bất bạo động" tuyệt đối tín ngưỡng vào thuyết huyền vi.

Vì những lẽ nêu trên, chúng tôi không ngại mọi khuyết điểm mà thành tâm biên khảo và cho nó ra đời. Trong khi những sách khảo luận về Tôn giáo đã tràn ngập trên thị trường sách báo, tác giả là những người kiến thức sâu rộng, những nhà thông thái.

"Vạn sự khởi đầu nan" chúng tôi tin tưởng rằng sự khuyết điểm nếu có trong quyển sách này thì độc giả bốn phương cũng như những bậc cao thâm về Phật học sẽ giúp chúng tôi vào lần tái bản.

HÀ TÂN DÂN

LỜI NGƯỜI TÁI BẢN



Nhân kỷ niệm 124 năm ngày **Đức Bổn Sư Ngô Lợi** viên tịch (13 tháng 10 năm Canh Dần 1890 – 13 tháng 10 năm Giáp Ngọ 2014). Chúng con, những người dân nước Việt may mắn được sống trên dãy đất phù sa, bồi đắp bởi con sông Cửu-Long linh thiêng trải dài khắp đồng bằng châu thổ. Được thừa hưởng di sản bờ cõi rộng lớn cả vùng đất phương Nam nói chung và vùng đất Bảy Núi huyền bí nói riêng mà các bậc tiền nhân đã khai mở, để lại cho hậu thế. Chỗ dựa tinh thần của chúng con đó là Giáo lý cao sâu mầu nhiệm của chư vị **Tổ, Thầy** nối truyền từ đời này sang đời khác, đó là một di sản văn hóa đặc trưng của dân tộc Việt.

Đức Bổn Sư Ngô Lợi là một trong những bậc tiền nhân sinh ra giữa thời kỳ tao loạn, nhiễu nhương của đất nước dưới sự xâm lược của thực dân Pháp, đã gắn bó trọn cuộc đời với

vùng đất Bảy Núi huyền bí, phát huy tư tưởng **Tứ Ân Hiếu Nghĩa** của **Phật giáo Bửu Sơn Kỳ Hương** và Đức **Phật Thầy Tây-An** nhằm giáo dục con dân nước Việt giác ngộ các giáo điều của Đức **Phật Thích Ca Mâu Ni** chỉ dạy để gìn giữ giống nòi **Tổ Tiên Hồng Lạc** và bảo vệ mảnh đất phương Nam đã bao đời khai mở, biết bao máu xương của Ông, Cha tô đậm dải non sông hùng vĩ.

Nhận thấy sự ích lợi của quyển sách trong việc mở rộng tầm nhìn cho công chúng trong vấn đề Đạo pháp mang đậm nét thuần Việt của tư tưởng **Tứ Ân Hiếu Nghĩa** và Hệ Phái **Bửu Sơn Kỳ Hương** cũng như công lao của **Đức Bốn Sư Ngô Lợi** nên chúng tôi thành tâm biên khảo và cho tái bản quyển sách này.

Kính mong tác giả biên soạn **Hà Tân Dân**, hoan hỷ chấp thuận cho chúng tôi tái bản quyển sách này.

Mạch Thanh Hải

A – PHÂN QUÁ KHỨ

I. THỜI KỲ KHAI SÁNG.

Căn cứ theo các tài liệu Phật sử, từ trước các Tông phái Nhà Phật từ Ấn Độ, Trung Hoa truyền sang nước Việt Nam như: Thiền phái **Quang Bích, Lâm Tế**... Đến các Tông phái thành lập tại Việt Nam, như : Thiền phái **Thảo Đường, Trúc Lâm Yên Tử** ... Không có Hệ phái nào gánh chịu nhiều khó khăn như Đức **Phật Thầy Tây-An** khai sáng Hệ phái **BỬU SƠN KỲ HƯƠNG** (1849-1856). Tuy nhiên sự khai sáng Hệ phái **Tứ Ân Hiếu Nghĩa** của **Đức Bổn Sư** ở núi Tượng (1879-1890) còn gian nan khốn khó hơn nhiều.

Bởi thời gian ấy, đất nước vừa thoát qua cảnh nội chiến huynh đệ tương tàn giữa chúa **Tây Sơn** và chúa **Gia Long**. Non nước đã tả tơi, mọi mối giềng kỷ cương đều rách nát, các tầng lớp người thời hậu chiến đó, như vừa trải qua cơn ác mộng. Đa số người tu chỉ còn nhớ những

câu **Phật hiệu** để vái van khi gặp cảnh khó khăn tai ách, những triết thuyết cao siêu của **Phật giáo** nói chung phần nhiều đã chìm trong quên lãng, khi thanh bình trở lại, phải lo tu bổ chùa chiền, chép lại kinh điển đã thất lạc trong hồi lửa binh, ít có người rảnh rỗi mà nghiên cứu những lẽ nhiệm mầu, hoặc sáng tác ra những tác phẩm có nội dung Quốc hồn, Quốc túy, hầu hướng dẫn người **Phật tử** hăng hái việc bảo vệ quê hương, đoàn kết để kiến thiết xứ sở như đời **Lý đời Trần**.

Hơn nữa, từ vua **Gia Long** xây dựng quốc gia cho triều đại nhà **Nguyễn**, có nhiều thay đổi trong vấn đề Văn hóa Giáo dục. Nhà vua triệt để nâng đỡ Nho giáo, trọng thư văn, khuyến khích Sĩ phu vào đường Cử nghiệp, chọn từng lớp khoa bảng vào việc trị nước chăn dân, các tổ chức chùa chiền của **Phật giáo** vào hàng phụ thuộc.

Phật giáo tuy còn được xem là Quốc giáo, nhưng trên thực tế, người ta xem giới Sư Sãi là

hạng "*Thầy cúng*" để dùng vào việc tế tự, cầu siêu, đảo vỏ mà thôi. Theo văn thơ, Chiếu, Chế, Biểu của các trào vua nhà **Nguyễn** tuy vẫn còn sùng kính Tam giáo (**Nho, Thích, Lão**) xem ba giáo này đồng hạng như nhau, nhưng bên trong vẫn xem thường đạo **Phật**. Các vị văn thần lúc bấy giờ có nhiều lời mỉa mai tạc bịa chế giễu, cũng không phải là chuyện bịa đặt vu khống. Lý do đất nước giặc giã, tao loạn triền miên, tạo ra một số thầy tu "Hổ mang" ần dương nương **Phật**, gây ra lắm điều xằng bậy, làm cho bại hoại cửa Già Lam "*Một con sâu làm sâu nồi canh*" khiến cho người đời lánh xa dần **Phật giáo**.

Lúc bấy giờ lại có sự truyền bá mạnh mẽ của **Thiên Chúa Giáo** vào toàn cõi Việt Nam, các nhà truyền giáo của phái này, phần nhiều là những nhà thông thái, bác học, hết lòng phục vụ theo đường lối của Tòa Thánh. Họ đem những cái hay, cái lạ của Âu Châu sang giáo hóa dân ta, đồng thời truyền bá giáo thuyết của

Đức **Chúa Trời**. Do đó, những người vào Đạo đầu tiên thuộc thành phần học thức, sang cả, quý phái, quan chức, điền chủ .v.v... khiến cho **Phật giáo** đi lên vào cái thế thụ động.

Hơn nữa, **Phật giáo** "lúc bấy giờ không có những nhà Sư trụ cột có thể nối gót theo Sư **Vạn Hạnh** đời **Lý**, Sư **Giác Hoàng** đời **Trần** để hướng dẫn đa số **Phật tử** trở nên Đại Hùng Đại Lực trong vấn đề cứu nước cứu dân để làm sáng tỏ chân truyền của **Phật giáo** Việt Nam trong thời binh lửa.

Điều kiện bên ngoài đã không mấy thuận tiện cho **Phật giáo**, thêm nội tình hư nát, đạo lý của Nhà **Phật** chỉ còn là một bóng mờ. Thậm chí có vị quyền thần lúc bấy giờ thốt lên câu nói vô cùng chua chát:

"Thầy chùa là bọn ngu dốt, trốn sâu lậu thuế, lười biếng, phần nhiều đáng tội bêu đầu. Trái lại, các Cố đạo người Âu là những người thông thái siêng năng, lại giàu có. Họ mở rộng

lòng bố thí trợ giúp kẻ bần nhơn cô quả. Họ trọng nề pháp luật của Triều Đình".

Như thế đủ thấy tinh thần của **Phật giáo** đã suy di tận gốc, mọi người đã xem thường, khinh rẻ, như thế, việc Đức **Phật Thầy Tây An** và **Đức Bổn Sư** khai sáng ra Hệ phái **Bửu Sơn Kỳ Hương** và **Tứ Ân Hiếu Nghĩa** nó khó khăn đến mức độ nào?

Hơn nữa, kể từ năm **Đức Bổn Sư** khai đạo (1867) cho đến năm Ngài nhập diệt (1890) trong nước giặc giã rối ren, triều đình vừa dẹp xong nơi này thì chỗ khác lại nổi lên như ong vỡ tổ. Thêm hậu quả của Hòa Ước năm Nhâm Tuất (1862) do triều đình ký nhượng cho Pháp, với những điều kiện thất lợi cho bên ta, khiến cho Sĩ phu trong nước căm hờn cho là điểm nhục Quốc Thể, nên nổi lên chống giặc khắp nơi:

- Ông **Trương Công Định** lập chiến khu chống Pháp tại vùng Gò Công, Gia Định, Định Tường.

- Ông **Nguyễn Trung Trực** vùng Tân An và Kiên Giang.
- Ông **Nguyễn Hữu Huân** vùng Mỹ Tho và Cần Thơ.
- Ông **Thiên Hộ Dương** vùng Cao Lãnh, Tháp Mười.
- Ông **Phan Tôn, Phan Liêm** vùng Vĩnh Long và Trà Vinh.
- Ông **Trần Văn Thành** (Cố Quán Thành) vùng biên giới Châu Đốc và An Giang.

Còn những vị hào sĩ khởi nghĩa từng nhóm nhỏ không sao kể xiết. Bởi giặc Pháp đánh chiếm thành Gia-Định vào năm 1859. Năm 1861 đánh chiếm Định Tường, Thủ Dầu Một và Tây Ninh. Năm 1862 đánh chiếm Biên Hòa và Vĩnh Long, Bản Hòa Ước Nhâm Tuất (1862) ra đời là triều đình có dụng ý nhượng bộ Pháp để chuộc lại hai tỉnh Biên Hòa và Vĩnh Long. Do đó, mới có hậu quả như đã nêu trên, các vị anh hùng liệt sĩ tranh đấu với giặc Pháp mãi như

thế đó kéo dài suốt mười năm, mới tạm yên dưới gót giày của Thực dân Pháp!

Những anh hùng chống lại thực dân, chỉ riêng lực lượng của ông **Trần Văn Thành** là có liên hệ với **Phật Giáo Bửu Sơn Kỳ Hương** và **Tứ Ân Hiếu Nghĩa** rất nhiều. Nguyên ông **Thành** là một vị cao đồ của Đức **Phật Thầy Tây An**, phần lớn nghĩa sĩ dưới tay ông chỉ huy đều thuộc tín đồ **Phật Giáo Bửu Sơn Kỳ Hương**. Ông mở chiến khu Bảy Thưa tại vùng Nhà Láng (Thất Sơn) dựa lưng vào Bảy Núi mà kháng chiến chống Pháp đến lực lượng cuối cùng và tan rã vào khoảng năm 1873. Bao nhiêu nghĩa sĩ khi thoát khỏi sự khủng bố của giặc, đều rút vào rừng sâu núi thẳm để tránh bọn tay sai chỉ điểm. Do đó việc truyền bá giáo lý **Tứ Ân Hiếu Nghĩa**, sắp xếp lại đạo lý luân thường của **Đức Bản Sư** đã sẵn khó lại càng khó hơn.

Loạn lạc triền miên, khiến cho trật tự kỷ cương của xã hội đảo lộn. Lòng người đã trải

qua lăm cơn ác mộng, nơm nớp lo sợ cho thân sống, còn thiết chi đến đạo lý luân thường. Có chăng, những cụ lão dưới đèn khuya nhắc tích những chiến công oai hùng của các bậc tiền nhân, những cái hay cái đẹp về thuần phong mỹ tục của ông bà lớp trước, giờ đây con cháu nên noi theo ...

Dẫu ai cố giữ gìn nề nếp lễ nghi cổ truyền, cũng khó tránh khỏi ngoại cảnh vật chất nó chi phối. Lẽ sinh tồn nó buộc con người trở thành thụ động, mặc cho thời thế chuyển xoay, đại đa số người chỉ biết thủ phận cầu an, xâu đi thuê đóng.

Riêng vấn đề tín ngưỡng cũng không dám tự do tổ chức, tự do hành đạo, ngoài sự sắp xếp của nhà cầm quyền Pháp. Bởi thế, xã hội Việt Nam lúc bấy giờ lại nảy sinh ra những lớp người mới :

1. Hạng người chạy theo bợ đỡ ngoại nhân, dùng đủ mảnh khóc khủng bố đồng bào để tạo nhà cao cửa rộng, ăn sung mặc sướng.

2. Hạng người vì nước non dân tộc, chống lại mọi hình thức xâm lăng, áp bức.
3. Hạng người mua quan bán chức, tìm mọi cách dựa nương với quan thầy Tây để làm Chủ nhân ông.
4. Đa số người chạy loạn, từ tỉnh này đến tỉnh khác, bồng bế vợ con tìm nơi rừng sâu núi thẳm mà lánh nạn, hằng ngày bù đầu lo kiếm miếng sống, chỉ trông chờ phép nhiệm mầu cứu độ cho qua nạn ách.

Phải chăng, vì thời thế và tôn ti trật tự đảo lộn, dân tình nhe nhóc đói khổ. **Đức Bốn Sư** mở đạo dạy đời để cứu nhân độ thế, sắp xếp lại đạo lý luân thường. Và che chở cho những người yêu nước đang bị giặc khủng bố. Hướng dẫn những người đạo tâm đi đến Chân, Thiện, Mỹ. Diu dắt những kẻ si mê trở về nẻo chính?



1. LƯỢC SỬ ĐỨC BỐN SƯ

Ngài tiếp nối hoằng hóa Phật giáo Bửu Sơn Kỳ Hương với danh xưng Hệ phái "Tứ Ân Hiếu Nghĩa"

Đức Bốn Sư đản sanh tại Quận Mỗ Cày (Kiến-Hòa) lúc giờ Ngọ, ngày mùng 5 tháng 5 năm Tân Mão (1831). Ngài họ **Ngô**, nữ danh là **Viện**. Khi lớn lên có húy danh là **Lợi**. Phụ thân Ngài tên **Nhàn** làm nghề thợ mộc. Quê quán trước kia ở xã Bình An (Định Tường). Khi mẫu thân Ngài thọ thai mới dời gia đình về Mỗ Cày. Ngài sinh chẳng bao lâu thì phụ thân qua đời. Ngài sống với bà mẹ góa cho đến lúc trưởng thành.

Chưa biết rõ thiếu thời sự sinh hoạt ngoài đời của Ngài ra sao, do căn duyên nào mà Ngài hiểu đạo, và truyền bá giáo lý **Tứ Ân Hiếu Nghĩa** cho người đời **Học Phật Tu Nhân** đến ngày nay.

Mãi đến ngày 29 tháng 4 năm Tân Hợi (1851) Ngài được 20 tuổi, sáng tác ra quyển kinh đầu tiên tên "**BÀ LA NI KINH**" để dạy người đời tu niệm.

Từ đó đến năm Bính Dần (1866) giáo sử có ghi Ngài truyền đạo và ra Kinh giảng hằng năm. Nhưng không ghi rõ Ngài truyền đạo nơi nào? Đến năm Đinh Mão (1867) vào lúc giờ Ngọ ngày rằm tháng 5 bỗng nhiên Ngài mê man 7 ngày đêm (đi thiếp). Khi tỉnh dậy thì hành động của Ngài khác lạ, như đã rửa sạch tâm trần, chứng đắc đạo quả, mà dạy người đời hành đạo.

Đến năm Canh Ngọ (1870) Ngài được 39 tuổi mới Phát Phái Qui Y cho thiện tín.

Ngày 15 tháng giêng năm Nhâm Thân (1872) Ngài cho họp tất cả ghe thuyền của tín đồ lại, ngược dòng sông Cửu Long đi đến xã An Lộc, tổng An Lương thuộc tỉnh An Giang để phổ biến giáo pháp ở vùng này. Và cũng bắt

đầu từ đây Ngài đi Ta-bà khắp xứ ⁽¹⁾. Qua tháng 7 cùng năm Ngài mới cất tại xã Bình Long một cảnh chùa.

Tháng giêng năm Bính Tý (1876) giờ Thìn, ngày 19 Ngài truyền lệnh cho một vị cao đồ tên **Trần Tịnh** đi trước vào núi Tượng (Thất Sơn) sắp đặt trước nơi Ngài đã điểm chỉ, tiếp theo đó, Ngài hướng dẫn số đông tín đồ vào núi Tượng trăm thảo, khai hoang thiết lập chùa miếu và mở thôn ấp mới. Năm ấy Ngài được 45 tuổi và đang truyền đạo tại Cù Lao Ba (xã Vĩnh Thành, quận An Phú, tỉnh Châu Đốc hiện nay).

⁽¹⁾Trong thời gian Ngài đi Ta-bà rất trùng hợp với Ông Sư Vãi bán khoai đi khuyen đời tu niệm; Chưa dám quả quyết Ông Sư Vãi và Đức Bốn Sư là một, nhưng có sự trùng hợp thời gian cũng như Sấm Giảng, xin trích đoạn đầu Sấm Người Đời của Sư Vãi:

Hạ ngưng giáp tý đầu năm. Gắm trong thiên hạ không an chỗ nào ! Lại thêm lục tỉnh tân trào. Nhon điên số bộ biết bao nhiều người, Thấy vui mà chẳng dám cười: Bơ vợ tôi, chúa gắm đời không cha, Có người ở Cù Lao Ba, **Phật** sai xuống thế mới ra cứu đời .v.v...

Ngày 23 tháng tư năm Kỷ Mão (1879) Ngài truyền thọ phép Tâm niệm Bồ Đề cho tất cả tín đồ. Bất luận Thiện nam hay Tín nữ thủy đều trì niệm bình đẳng như nhau.

Niệm xong pháp này liền ghi số lượng vào sổ để điền vào sổ điệp cúng. Công quỹ này gọi là "**Pháp Công Cứ**" (sẽ dẫn giải vào phần Hạnh đạo trong những chương sau).

Góp nhặt những tài liệu sẵn có, phối kiểm cùng những lời truyền tụng, cuộc đời và công nghiệp của **Đức Bốn Sư** có thể chia ra làm năm thời kỳ :

- Thời kỳ thứ nhất, từ đản sinh đến tử ngộ (Tân mao 1831 - Đinh mao 1867).
- Thời kỳ thứ nhì, từ tử ngộ đến lập thôn An Định tại núi Tượng (1867 - Bính tý 1876).
- Thời kỳ thứ ba, từ khai hoang lập thôn ấp tại núi Tượng để phổ biến sâu rộng giáo thuyết **Tứ Ân Hiếu Nghĩa** (1876 – Canh ngọ 1879).
- Thời kỳ thứ tư, từ phổ biến giáo lý đến pháp nạn (1879 – Giáp thân 1884).

– Thời kỳ thứ năm, từ tái thiết chùa miếu đến **Đức Bốn Sư** viên tịch (1884 – Canh Dần (1890)).

Tóm lại, từ lúc Ngài đản sinh vào năm Tân Mão (1831) đến khi chứng đắc đạo quả vào năm Đinh Mão (1867), trong 36 năm đó không được biết rõ hành trạng của Ngài.

Từ khi Ngài chứng đắc đạo quả đến năm hướng dẫn tín đồ vào núi Tượng (xã Ba Chúc Quận Tịnh Biên, tỉnh Châu Đốc hiện nay) để khai hoang lập thôn ấp (1867 – 1876), trong 9 năm đó Ngài truyền đạo tại Cù Lao Ba. Đồng thời, Ngài đi Ta bà khắp nơi, biến dạng thay hình đủ từng lớp người để hòa mình vào nếp sống của dân chúng mà truyền đạo.

Ngài thiết lập thôn ấp và truyền bá giáo pháp tại núi Tượng được 14 năm. Viên tịch vào ngày 13 tháng 10 năm Canh Dần (1890) Thọ 59 tuổi. Sinh hoạt ngoài đời 20 năm, truyền bá đạo pháp 39 năm.



2. SỰ TƯƠNG QUAN GIỮA THỜI GIAN DẠY ĐẠO VÀ ĐỊA ĐIỂM THIẾT LẬP CHÙA MIẾU.

Nhìn vào thời gian **Đức Bản Sư** truyền giáo và lập giáo, chúng ta sẽ thấy là thời kỳ đen tối nhất trong lịch sử nước Việt Nam. Vì vào năm Giáp Tuất (1874) giặc Pháp đã chiếm toàn cõi Đông Dương nói chung. Nước Việt Nam nói riêng. Mọi sự vật thay đều đổi thay. Mọi kỷ cương trong nước đều đảo lộn. Những nơi đô thị sung túc thì đầy dẫy bóng dáng người ngoại quốc. Nơi thôn quê, những nơi nào có chút màu mỡ thì dấu chân của bọn quan lại tham ô, cường hào, ác bá giẫm nát. Phần còn lại là những nơi núi rừng hẻo lánh sinh lầy, đồng chua nước mặn. Những nơi này, đồng bào có thể tránh được gót sắt của bọn tham tàn và những miếng mồi ngon của ngoại nhân câu nhử. Có lẽ do đó mà Ngài chọn nơi đây để thiết lập lại kỷ cương và tiện việc sắp xếp lại đạo lý luân thường. Và che chở cho những nghĩa sĩ

Cần Vương, vì chống Pháp mà sa cơ về đây ẩn lánh.

Hơn nữa, người tu theo **Tứ Ân Hiếu Nghĩa** phải đền trả Bốn Ơn sâu, trong ấy có Ân Quốc Vương Thủy Thổ. Nếu muốn đền trả ơn Quốc Vương Thủy Thổ và ân Đồng Bào Nhơn Loại, thì không thể "Xuất Thế Gian" tự tu lấy bản thân, mà phải "Nhập Thế Gian" mà lo cho Đại gia đình Quốc Gia Dân Tộc đang hồi nghiêng ngửa. Xin trích một đoạn Ngài định nghĩa chữ Trung trong giảng Ngũ giáo:

“Một trung thờ Phật kính Thầy

Hai trung thờ Chúa mình gây chớ than ⁽²⁾

Ba trung Phụ Mẫu lưỡng toàn

Ấy là ba chữ rõ ràng chẳng sai”

Ngài còn kêu gọi đoàn kết, thương yêu nhau trên tinh thần xã hội bằng những lời bác ái thống thiết :

(²) Thuở trước ở theo tam cương của đạo nho: Quân Sư Phụ. Ba ngôi này ngôi vua đứng đầu, hơn nữa thuở đó các phong trào Văn Thân, Cần Vương cũng chủ trương đánh đuổi giặc để phục quốc cho nhà Vua.

**“Xin đừng ỷ phú hiếp bần
Ỡ mình sang trọng hiếp phần cô đơn
Nhơn sanh Thiên số bố dân
Sang giàu thì trọng cơ bần thì khinh!”**

Ngài khuyên tín đồ tự lực cánh sinh, khai mở đất đai trồng tủa mà nuôi thân, đốn cây rừng, lấy cát đá núi cất nhà mà ở, chung lưng, đấu cật giúp đỡ nhau mà lo tu niệm. Đừng ỷ lại vào người khác, mình tự lo tự cứu lấy mình. Nhất là không nên tham sang giàu, do tiền của ngoại nhân ban cho.

Tài liệu còn ghi rõ khi Ngài hướng dẫn tín đồ vào núi Tượng một số rất đông, nhưng không rõ số lượng là bao nhiêu? Chỉ ghi nhận rằng: Người quá đông, nhà cất san sát như "bánh ếch sắp trên sàng".

Sau khi Ngài khai sơn, trăm thảo xong, liền truyền cho tín đồ đốn cây, cắt tranh tạm cất chùa để thờ phượng (nền chùa **Phi Lai** hiện nay) và cất nhà cho Bá gia (Ngài gọi tín đồ là Bá gia) che mưa, đỡ nắng.

Đến tháng 10 năm Đinh Sửu (1877) **Đức Bổn Sư** mới chém gỗ, khởi công xây cất chùa miếu; Vào tháng 11 năm này, Ngài cho thượng lương một lượt hai ngôi Đình và Chùa. Đình **An Định** (phía trước) thờ trăm quan cự thần, anh linh liệt sĩ. Chùa **Phi Lai** (phía sau) thờ Trần Điều, Chư **Phật** nơi giữa chánh điện và thờ Tiền hiền, Hậu hiền ở hai bên⁽³⁾. Sau khi dựng xong ngôi chùa chính, Ngài mới phát họa sơ đồ thành lập thôn **An Định**⁽⁴⁾.

Theo sơ đồ của Ngài trước nhất là lập thôn **An Định**, thôn này chung quanh hòn núi Tượng hiện nay (có nơi gọi là Bạch Tượng sơn). Đến ngày mùng một tháng 6 năm Canh Thìn (1880) Ngài cho thiết lập thêm hai ngôi miếu: **Sơn**

(3) Chùa Phi Lai và Đình An Định tái thiết lại lần thứ hai vào ngày 19.1 năm Giáp Thân (1884) để có đủ chỗ cho thập phương bốn đạo đến lễ bái.

(4) Đức Bổn Sư qui tụ tín đồ thiết lập làng mới gọi là An Định Thôn, cho đến năm Tân Ty (1881) nhà cầm quyền Pháp mới hợp thức hóa cho thôn này, người làm xã trưởng đầu tiên tên là Lân.

Thần và Mã Châu. Hai ngôi miếu cũng chung quanh hòn núi Tượng.

Đến năm Nhâm Ngọ (1882), công việc mở mang đường sá, thiết lập chùa miếu tại thôn **An Định** tạm xong, Ngài bèn hướng dẫn tín đồ đến khai mở khoảng giữa núi Tượng và núi Dài về hướng Tây Nam để thiết lập thôn mới khác, tên là thôn **An Hòa** (hiện nay hai thôn này là ấp **An Định** và **An Hòa** thuộc xã **Ba Chúc** quận Tịnh Biên tỉnh Châu Đốc). Ngài di dân, lập xã **An Hòa** xong, đến ngày 15 tháng 4 cùng năm, Ngài cho thượng lương ngôi Chùa **Phổ Đà** để tín đồ tại thôn **An Hòa** lễ bái chung.

Cũng vào năm (1882), sau khi thành lập thôn **An Hòa** xong, Ngài bèn trở về thôn **An Định** lo thiết lập ngôi Chùa **Tam Bửu**. Giờ Tý, ngày 16 tháng 12 làm lễ thượng lương. Chùa **Tam Bửu** là nơi Ngài thường trụ cũng như tư gia của mọi người, nên trong Bá gia của Ngài gọi là **Tam Bửu Thường Trụ**, đó là ngôi Chùa **Tam Bửu** hiện nay.

Năm sau Quý Mùi (1883), Ngài phân công và sắp xếp cho những vị cao đồ trông nom hai thôn đã thành lập xong. Ngài hướng dẫn số tín đồ khác đi lần theo chân núi Dài về hướng Tri Tôn, cho khai hoang nơi địa điểm này, thành lập thêm thôn khác gọi là Thôn **An Thành** (nay thuộc xã Lương Phi, quận Tri Tôn, Châu Đốc). Khi sắp xếp nơi ăn chốn ở cho tín đồ xong, Ngài cho làm lễ thượng lương ngôi **Châu Linh Tự** vào giờ Dần ngày 29 tháng 10 năm Quý Mùi (1883). Đây là ngôi chùa chánh để cho tín đồ thôn **An Thành** thường ngày lễ bái.

3. HÌNH THỨC HÀNH ĐẠO CỦA HỆ PHÁI TỬ ÂN HIẾU NGHĨA

Người tín đồ Hiếu Nghĩa trước khi vào đạo phải biết sơ qua tôn chỉ và nghi thức. Vì ngoài việc trau tâm sửa tánh ra, đạo Hiếu Nghĩa rất nhiều nghi lễ cúng kiến và tụng niệm. Nếu chưa biết sơ qua nghi thức hành đạo thì rất dễ

chán nản. Do đó, ít có người đi suốt con đường đạo sự cho đến ngày xác thân là tục.

a – Tôn chỉ:

Tôn chỉ của Đạo là "**Học Phật Tu Nhân**" cho người cư sĩ tại gia: Không cấm việc dựng vợ gả chồng, tự do kinh doanh, tự do sinh kế theo khả năng nghề nghiệp của mình, miễn là không xâm phạm đến tự do của người khác. Không phải bắt buộc trường trai khổ hạnh nhưng hạn chế sát sanh. Và cử ăn 12 con Giáp (như Chuột, Heo, Gà, Trâu, Dê .v.v...).

Kính trọng chung Tam giáo (**Phật, Thánh, Tiên**) xem ba giáo này cùng một gốc. Cúng dường, trì niệm theo hình thức **Phật giáo**, lễ nghi, học vấn, văn tự theo hình thức **Nho giáo**. Rèn luyện Tinh Khí Thần gần với **Lão giáo**.

b – Nghi thức:

Ngày đầu vào Đạo phải đến chùa van vái tự nguyện qui y nhập đạo. Do ông Trò của gánh mình qui y, (*Từ ngày **Đức Bốn Sư tịch diệt***

những người được kế tiếp xem sóc giềng mối đạo gọi là ông Trò) cấp phát **Lòng phái** cho người đã qui y. **Lòng phái** này có bốn phần:

– Tờ **Lòng phái** chánh bằng giấy vàng, trong ấy có viết rõ tên họ, năm tháng thọ phái qui y, và một bài kinh khoảng 100 chữ. Người qui y thọ phái phải học thuộc lòng (Bài kinh này gọi là **Lòng phái**).

– Một tờ giấy vàng nhỏ, hình chữ nhật có in trên đó bốn chữ **Bửu Sơn Kỳ Hương** bằng triện son.

– Một tờ nguyên khổ giấy vàng, in trên đó nhiều bùa chú, gọi là **Tiên Sanh Thế Độ**.

– Một tờ bằng vải tây đỏ, phỏng độ 3 x 6 tấc, in trên đó chữ bùa lớn, màu xanh. Gọi là **Tiên Sanh Thái Kiệt**.

Thờ Phụng: Giữa nhà có bàn nhị đẳng (mặt bàn có hai tầng). Trên hết thờ **Quan Thánh Đế Quân**, từng kế thờ **Hội Đồng Thượng Phật** dưới chòi có một bản kinh (rời) ngoài lư hương ra, hai bên có chuông mõ, chính

giữa một bộ kinh cúng dường 13 quyển. Vách phía bên phải có một bàn nhỏ thờ **Tam giáo**. Bên trái có bàn nhỏ riêng thờ **Cửu Phẩm Liên Hoa**. Bên dưới bàn nhị đẳng có bàn nhỏ thờ **Thập Phương**.

Trong cùng bên phải thờ **Nội Ngoại** thân thuộc bên chồng. Bên trái thờ **Nội Ngoại** thân thuộc bên vợ. Ngoài cửa (chính giữa thờ **Tiền Hiền**. Hai bên thờ **Tả Hữu Mạng Thần**.

Trước sân có bàn **Thông Thiên** chia làm hai tầng. Tầng trên thờ **Chánh Đức Thiên La Thần**. Tầng dưới thờ **Thổ Trạch Long Thần**.

Trên bàn **Tiền Hiền** thường có một khay lễ, trong khay có nơi cắm đèn nhang và hoa, ba chung nước và một cái đĩa tằm trâu cau.

Nếu thờ đúng theo nghi thức của đạo, thì nhà người tín đồ cũng như một ngôi chùa, mỗi lần thắp nhang phải trên 10 cây.

c. Trang phục:

Người tín đồ quy y nhập đạo phải thí phát (cạo đầu) trái lại còn để tóc dài, bới lên, mỗi người tối thiểu phải có chiếc áo dài bằng vải màu đen (không nên dùng hàng lụa) để lễ bái ở chùa, hoặc đi cúng dường nơi nhà các thân bằng. Khi đến phải đi chân đất, không được mang giày dép vào chùa.

d – Hành đạo:

Phần nhiều người cho rằng: Những người tu hành là những người khác hơn các giới ngoài đời, là người hiền đức, hoặc người tu hành là để gọi chung cho những người tuân theo giới luật của một giáo thuyết nào đó. Nhưng phân tách theo nghĩa đen: Tu là trau dồi bản thân cho riêng mình, hoặc theo một giáo điều mà mình phục tùng. Hành là hành đạo, hành theo nhân đạo hoặc theo quy tắc căn bản của một giáo thuyết mình tôn thờ. Như thế người tu sĩ đã theo giáo thuyết **Tứ Ân Hiếu Nghĩa** thì phải tuân theo sự hành đạo.

Công Phu Bái Sám: Người vào đạo, trước tiên phải học thuộc mặt chữ (chữ Hán) quyển **Linh Sơn Hội Thượng Kinh**, vì quyển kinh này là nghi thức cúng dường sơ đẳng của đạo, công phu đầu hôm, sớm mai hoặc các nghi thức cúng dường hay nhật tụng, thường trích trong quyển kinh này.

Niệm Pháp (hay lần tràng hạt): Mỗi tín đồ thấy đều có một xâu chuỗi bằng hạt Bồ Đề hoặc hạt Kim Cang (108 hạt) gọi là **niệm Pháp trường**. Khi lần mỗi hạt là tâm niệm một lần **Phật hiệu**. Xong một bận là niệm đủ 108 lần **Phật hiệu**. Niệm bảy bận (mỗi bận một danh xưng **Phật hiệu** khác nhau) như vậy mới xong một "thất" Pháp. Mỗi thời cúng, người tu sĩ tối thiểu phải niệm ba thất Pháp. Mỗi thất Pháp còn phải niệm theo ba quyển kinh, tùy theo lễ cúng. Thiện nam, Tín nữ niệm kinh hiệu khác nhau.

Sử Thập Điều (tuân mười điều):

1 – **Tuân Luật Thượng Sư** (*tuân theo luật Thầy dạy*).

2 – **Báo Đáp Tiên Linh** (*báo đáp công ơn ông bà đã khuất*).

3 – **Lễ Phụ Tử Cang** (*lễ phép đạo nghĩa Cha con*).

4 – **Lễ Quân Thân Cang** (*Lễ phép đạo nghĩa Chúa Tôi*).

5 – **Lễ Thập Phương Phật** (*Lễ bái: Chư Phật mười Phương*).

6 – **Lễ Báo Ân Tam Bảo** (*Lễ trả ơn Phật, Pháp, Tăng*).

7 – **Nghĩa Đáp Ân Sư** (*Trả nghĩa ơn Thầy*).

8 – **Tín Nghĩa Thân Bằng** (*Giữ tín nghĩa với bà con lối xóm*).

9 – **Tác Phu Thê Cang** (*giữ tình nghĩa vợ chồng*).

10 – **Tạ Ân Hậu Thổ** (*Trả ơn tác đất ngọn rau*).

đ. Cúng dường:

Ngoài những công phu, xử thế ra, người tín đồ **Tứ Ân Hiếu Nghĩa** còn phải thường xuyên cúng dường để báo đáp công ơn các bậc tiền nhân – Sự tử như sự sinh, sự vong như sự tồn – Mỗi tín đồ hằng năm phải cúng dường nhiều lễ, để cầu siêu cho các bậc tiền nhân được siêu sinh tịnh độ. Do đó, mỗi năm người tín đồ chẳng luận sang, hèn, nghèo, giàu, đều phải có những lễ cúng dường.

Lễ Cúng Đoan Ngọ: Sau khi cúng mừng 5 tháng 5 xong, mỗi gia đình phải chọn một ngày để cúng Đoan Ngọ, thường thì hay chọn ngay ngày cúng giỗ cho ông bà. Trước nhất, gia chủ phải sắm khay lễ đến trình tại Chùa **Tam Bửu**, kế đến trình tại nhà ông Trò của gánh mình đã quy y. Sau rớt, đến trình với ông Cư Sĩ (người thường làm số điệp cho gia đình mình) nhờ ông này làm số điệp cúng.

Đến ngày cúng, ngoài việc mời thân bằng đến tụng niệm cầu siêu, gia chủ phải đi làm lễ

thỉnh điệp những nơi đã trình qua. Trong điệp ghi đủ danh sách những vong nhân bên Nội, Ngoại, Chồng và Vợ. Phẩm chất cúng gồm có: Hương, Hoa, Trà, Quả và sáu bảng giấy tiền cộng với vàng bạc, giấy ngũ sắc, giấy trắng xếp lại từng phần, mỗi vong nhân một phần. Về thực phẩm có chi cúng nấy, không bắt buộc. Nhưng, đặc biệt phải có hai món: Bánh Đúc và Xôi Xeo. Khi cúng xong, người Cư sĩ có trách nhiệm lập thành một cuốn sách cúng cho bá gia của mình, sách và điệp giống y nhau. Điệp đốt đi, sách để lưu lại cho gia đình người cúng giữ. Bộ kinh cúng dường gồm 11 quyển, trong đó có 3 quyển **Hiếu Nghĩa Kinh** (Thượng, Trung, Hạ), người Cư sĩ chỉ tụng một quyển Thượng cho Lễ Đ oan Ngọ.

Lễ Cúng Chánh Đán: Từ nội dung đến hình thức lễ cúng này cũng không khác Lễ Cúng Đ oan Ngọ, chỉ khác là người Cư sĩ tụng kinh **Hiếu Nghĩa** quyển Trung. Mùa tiết **Cúng Chánh Đán** từ tháng giêng đến cuối tháng ba.

Lễ Cúng Đối Kỳ: Đối Kỳ là ngày giỗ cho Ông Bà hay Cha Mẹ. Hình thức lễ này cũng như những lễ cúng đã nêu trên, nhưng nội dung sự cúng kiến thu hẹp hơn. Vì những lễ cúng trên có nhiều vong linh, nên sự cúng kiến có tánh cách là "Đám Giỗ Hội" nên phải mời nhiều thân bằng để được nhiều Pháp thí. Lễ Đối Kỳ chỉ có một vong linh, nên hạn chế từ việc mời thân bằng đến phẩm vật cúng dường. Dĩ nhiên, người Cư sĩ phải niệm **Hiếu Nghĩa Kinh**, quyển hạ và cũng không quên "Bánh Đúc, Xôi Xeo".

Ngoài các lễ cúng chính yếu đã nêu trên còn rất nhiều lễ cúng Thượng, Trung và Hạ ngươn, ngày rằm, ngày vía, bốn mùa tám tiết Quan, Hôn, Tang, Tế .v.v...



II. TỨ ÂN HIẾU NGHĨA VÀ HỌC PHẬT TU NHÂN

Tứ Ân có nghĩa là bốn ân:

- Ân **Tổ Tiên Cha Mẹ**.
- Ân **Đất Nước** (hay Quốc Vương thủy thổ)
- Ân **Tam Bảo** (Phật, Pháp, Tăng).
- Ân **Đồng Bào Nhơn Loại**.

Hiếu nghĩa: Có hiếu với tổ tiên cha mẹ, có nghĩa với đồng bào trong xã hội, “*Thiên kinh vạn điển hiếu nghĩa vi tiên*”, có nghĩa là: Muôn ngàn kinh điển nghĩa thảo làm đầu. Xin trích một đoạn kệ, trong **Kinh Siêu Thăng**:

我今歸正覺，超離地獄門
上報四重恩，下濟三途苦
若人見聞者，必發菩提心。

Ngã kim qui chánh giác, siêu ly địa ngục môn
Thượng báo tứ trọng ân, hạ tế tam đồ khổ
Nhược như kiến vân giả, tất phát Bồ đề tâm.

Đoạn kinh trên có nghĩa là: “Người xử tròn **Tứ Ân Hiếu Nghĩa** tức là đã đưa vong linh của tiền nhân trở về nẻo chánh, khỏi sa vào địa ngục. Vì trên đã đền đáp bốn ân sâu, dưới cứu vớt ba đường khổ⁽⁵⁾. Ai nghe được kinh này thấy đều phát sinh tâm Bồ Đề”. Ngoài vấn đề công truyền bằng hình thức ra, **Đức Bốn Sư** rất chú trọng vào Tâm truyền. Ngài giáo hóa cho tín đồ bằng phương pháp “Học Phật Tu Nhân”. Rèn luyện cho người Cư sĩ tại gia tu tâm dưỡng tính.

1. TU NHÂN.

Người vào đạo **Hiếu Nghĩa** tức là muốn **Học Phật**, nhưng muốn **Học Phật** thì trước phải **Tu Nhân**. Có câu: “**Nhân Đạo bất tu, Tiên Đạo viễn hỷ**” có nghĩa là: Muốn tu theo đạo Tiên trước phải trau giồi cái đạo làm người, đạo làm người tu không xong thì khó mong tu Tiên cho thành được.

(5) Tam đồ khổ: Đọa địa ngục, ngã quỷ và Súc sanh.

Bởi thế, người quy y theo **Tứ Ân Hiếu Nghĩa** hằng ngày phải lưu tâm xử thế cho tròn Bốn Ân đã nêu trên. Về phương diện **Hiếu Nghĩa** chẳng những đền ơn đáp nghĩa cho người sống mà còn phải báo đáp công ơn người đã khuất. Xin trích một đoạn **Hiếu Nghĩa Kinh** (quyển hạ).

上是父氣生，下此母血養
天地陰陽會，父母氣血和
是故生我等，陰陽同受享
天地人同道，父母義最高

**Thượng thị phụ khí sanh, hạ thủ mẫu huyết dưỡng
Thiên địa âm dương hội phụ mẫu khí huyết hòa
Thị cố sanh ngã đẳng, âm dương đồng thọ hưởng
Thiên địa nhưn đồng đạo, phụ mẫu nghĩa tối cao.**

Đoạn kệ trên đây có nghĩa là: “Thân hình ta do sự phối hợp âm dương của cha mẹ mà sanh ra. Do đó, công ơn cha mẹ lớn rộng như Trời Đất, ta phải lo đền trả nghĩa cao dày ấy. Làm đúng như thế mới đúng là Tu Nhân, xứng

đáng đạo làm người. Xong đạo làm người mới nói đến chuyện Học Phật”.

2. HỌC PHẬT.

Về **Học Phật**, người tín đồ đạo **Tứ Ân Hiếu Nghĩa** khỏi phải "Ly gia cắt ái" nghĩa là khỏi phải lìa gia đình, xa người thân thuộc đến chùa am, rời thế tục. Mà được ở lại gia đình hòa hợp với nếp sống ngoài xã hội, với tánh cách người "Cư Sĩ tại gia".

Trước hết, người Cư sĩ tại gia phải thành tâm thiện niệm Lục tự **Di Đà**. Ngoài giờ sinh kế ra, người Cư sĩ thường dùng đến xâu Pháp tay (xâu chuỗi 18 hạt) để định tâm tưởng niệm **Phật hiệu**. Xin trích một đoạn kệ trong **Kinh Bàn Đào**:

若提妙法離種種，手開銀鎖妙重重
轉轉輪輪羅漢將，天增降福絕無窮

Bồ đề diệu pháp ly chũng chũng

Thủ khai ngân tỏa diệu trùng trùng

**Chuyển chuyển luân luân La Hán tướng
Thiền tăng giáng phước tuyệt vô cùng .**

Lược dịch :

**Phép niệm Bồ Đề là các khổ
Tay lần tràng hạt dứt dây oan
Xoay trở về ngôi La Hán tướng
Ổn trên ban phước diệt lòng trần.**

Tương truyền rằng: mỗi lần trong đạo có việc hệ trọng, hoặc **Đức Bốn Sư** sắp truyền thọ một bí Pháp, sau khi Ngài đi thiếp (do đó mà người đời gọi Ngài một biệt hiệu riêng là **Ông Năm Thiếp**) tỉnh lại, Ngài mới truyền thọ cho tín đồ. Bởi đó, trong **Hiếu Nghĩa Kinh** có đoạn kệ như sau :

向上丁卯歲，五月日午延
轉我身去俗，七日夜低迷
寂然回喚醒，解脫洗塵心
教人從善道，口說普流傳

**Hưởng thượng Đinh mảo tuế, ngũ ngoạt nhứt ngo diên
Chuyển ngã thân khử tục, thất nhứt dạ đê mê
Tịch nhiên hồi hoàn tỉnh, giải thoát tẩy trần tâm
Giáo nhưn tùng thiện đạo, khẩu thuyết phổ lưu truyền
Lược dịch :**

**Trở lại năm Đinh mảo, đúng ngày ngo tháng năm
Ta trở mình lìa tục, hôn mê bảy ngày đêm
Bỗng nhiên hồi tỉnh dậy, giải thoát sạch lòng trần
Dạy người theo đạo thiện, giáo truyền khắp muôn dân.**

Ngài dạy cho người tín đồ Tu Nhân để dọn mình cho việc Học Phật rất tinh vi, công quả chuyên trì niệm Pháp phối hợp với cơ duyên hành lễ cúng dường. Sự truyền giáo Ngài cũng tùy theo căn cơ của từng lớp người mà hóa độ. Những vị Cao đồ, Cư sĩ có học lực khá có kiến thức sâu rộng về đạo pháp, thì tụng niệm và nghiên cứu những quyển kinh có ý nghĩa cao xa, như: **Kinh Thiên Đô, Âm Chất, Siêu Thăng, Phổ Độ Bàn Đào** .v.v... Phần đông những tín đồ có thừa đạo quả mà kém về học vấn, cứ thành tâm tụng niệm mỗi một quyển

Kinh Linh Sơn Hội Thượng mà tu hành, cũng đủ chứng đắc đạo quả.

Một trong những quyển kinh chú cúng dường, có bản **Hườn Sanh Kinh** bằng chữ Nôm, hay nói cách khác, bản kinh này bằng Việt ngữ (truyền rằng kinh này có từ lúc **Đức Bốn Sư** mới mở đạo). Xin trích một đoạn **Hườn Sanh Kinh** :

**Hườn sanh trần thế, Lập kế Thánh vương
Thân thể nhiều nương, người đương thay đổi
Phép Trời làm nổi, thân thể nghiêm trang
Hối kíp lo toan, thay đời lập trị
Phật Trời hiệp nghị, mới có Hội này ...**

Tóm lại, dầu người tín đồ có trình độ khá, hoặc kém học vấn, Ngài vẫn luôn luôn xem bình đẳng như nhau, mà giá trị cao thấp của mỗi người là so vào công quả rèn tâm sửa tánh, và có thực hành đúng theo tôn chỉ của **Tứ Ân Hiếu Nghĩa** hay không? Xin trích một đoạn kệ

sau đây, khi Ngài chứng quả pháp niệm Bồ Đề cho một vị tín đồ :

菩提念念永無苦，得法成身福放誰
解脫迷塵甘露酒，摩訶般若密心持

Nguyên văn bài kệ:

**Thất minh thất ám lưỡng hê nghi,
Phương thốn thường tôn bất khả khi
Mạc vị Thiên cao Thánh Thần viễn,
Yếu tu tiên quý tự gia tri
Bồ đề niệm niệm vĩnh vô khổ!
Đắc pháp thành thân phước phóng thì.
Giải thoát mê trần cam lồ sái,
Ma ha bát nhã mật tâm trì ⁽⁶⁾**

Lược dịch :

**Gắng công trì niệm Bồ Đề
Hậu gieo quả phúc, tìm về Tây phương
Nhành dương liễu, rưới tình thương
Gọi ơn giải thoát mọi đường khổ đau.**

(⁶) 8 câu kệ này sau được tín đồ đạo Hiếu Nghĩa tạc vào cột gạch trước chùa Tam Bửu.

Phép niệm Bồ Đề là phương cách chung cho người tín đồ, cũng là điều căn bản tu học cho người Cư sĩ tại gia. Trong Giảng **Ngũ Giáo** Ngài chân thành khuyến niệm như sau:

Khá khuyên lớn bé trẻ già
Ân cần kính chuỗi Di Đà hôm mai
Gắng công niệm Phật đừng sai
Cầu cho phụ mẫu Như Lai dựa kê ...

Phương pháp truyền đạo của **Đức Bổn Sư** rất giản dị, không mấy khác hơn các vị Tổ của Thiên Tông. Ngài khai tâm cho tín đồ cũng bằng cách "Dĩ tâm truyền tâm", trì niệm Lục tự **Di Đà** làm căn bản. Khi truyền giáo cũng dùng lối thuyết pháp như **Đức Thích Ca Mâu Ni**, chớ không hề chép ra thành kinh điển. Nhưng trong số tín đồ của Ngài có nhiều vị quán thông **Phật pháp**, am hiểu văn học, mới ghi những giáo thuyết của Ngài ra thành sấm kệ, mô phỏng theo đường lối giáo hóa của Ngài viết ra thành kinh điển. Khi viết xong quyển kinh, hoặc sấm

giảng mới dâng lên Ngài duyệt xét lại. Ngoài những vị cao đồ này ra, còn có những vị đạo hữu của Ngài, không biết từ đâu tới giúp cho Ngài về phần kinh điển rất nhiều.

Tương truyền rằng: có một vị đạo hữu thường đến với Ngài biệt hiệu của ông này là **Tam Giáo Hỏa Lâu**, nhủ danh là **Nguyễn Hội Chơn**. Ông này tánh khí rất cương trực và nóng nảy, nhưng về **Phật học** ông hiểu rất cao siêu, về văn học ông rất lâu thông uyên bác. Do đó, đại đa số kinh của Hệ phái **Tứ Ân Hiếu Nghĩa Đức Bốn Sư** đều giao cho ông sáng tác rồi trình cho Ngài xem và chỉnh đốn lại.

3. DO ĐÂU CÓ DANH XỨNG “TỨ ÂN HIẾU NGHĨA”?

Theo giáo thuyết căn bản của Ngài có những câu :

... Bây giờ hết nổi nói năng
Ở sao cho đặng lòng bằng như xưa
Xưng Thầy, xưng Đạo thì chừa

Hôm mai gìn giữ muối dưa cho thường ...

Lúc còn tại thế, **Đức Bản Sư** thường khuyên rằng tín đồ nên giữ đức tính khiêm tốn. Không nên tự cao tự đại trong việc tu thân, xử thế phải thận trọng ngôn ngữ lúc xã giao, khuyến thiện. Mặc dầu Ngài được người đời kính nể, xem Ngài như là vị **Hoạt Phật** đương thời, nhưng Ngài rất khiêm nhượng không hề xưng Thầy xưng Đạo với ai, nên tín đồ thấy đều noi theo ý thức đó.

Đối với tín đồ, Ngài cũng rất giữ lễ độ, từ tốn. Trọng người tuổi tác vào hàng chú bác, những người tuổi trẻ Ngài vẫn gọi là anh chị như ngoài thế tục. Tín đồ Ngài gọi là bá gia. Không bao giờ Ngài tỏ ra là một "Bậc Sư" hoặc một vị "Giáo Chủ". Do đó, có lắm người đến quy y và bạch với Ngài xin cho biết danh xưng của mỗi đạo gọi là gì ? Ngài chỉ đáp vẫn tất gọi là "Đạo Thờ Ông Bà". Từ đó đồng bào khi nhắc đến nền đạo của Ngài thấy đều gọi chung là

Đạo Thờ Ông Bà. Nhưng do nguyên nhân nào lại có danh xưng là đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa?

Tuy bề ngoài gọi là Đạo Thờ Ông Bà, nhưng trọng tâm hành đạo vẫn nhằm thẳng vào sự "**Học Phật Tu Nhân**" và báo đáp "**Tứ Ân Hiếu Nghĩa**". Xin trích một đoạn trong giảng **Ngũ Giáo** :

**Ông bà khởi chốn lao lung
Cũng nhờ con cháu gắng tu Bồ Đề
Tứ ân cúng kiến bốn bề
Sớ tiêu có chữ đệ về phân minh ⁽⁷⁾**

Dầu cho tín đồ cố gắng mà giải thích theo ý của Ngài là nên "Đạo Ông Bà" nhưng sự tụng niệm không một bài kinh kệ nào xa rời thuyết **Tứ Ân Hiếu Nghĩa**.

Tình trạng đó kéo dài cho đến sau ngày **Đức Bốn Sư** viên tịch. Nhà cầm quyền Pháp đến điều tra và hạch hỏi, bắt buộc người tu theo Đạo Ông Bà phải chánh thức khai lý lịch, mục

(7) Trích trong một đoạn Sấm giảng Ngũ giáo của Đức Bốn Sư.

đích của đạo ra sao ? để chúng tiện việc lập hồ sơ theo dõi báo cáo, hành động của những người theo đạo. Do đó, các vị truyền nhân buộc lòng phải khai danh xưng là: 四恩孝義 TỨ ÂN HIẾU NGHĨA. Và người tu tại gia lấy sự 學佛修人 HỌC PHẬT TU NHƠN làm phương châm hành đạo.



III – SỰ LIÊN HỆ CÁC HỆ PHÁI PHẬT GIÁO BỬU SƠN KỲ HƯƠNG.

Người tu theo Phật giáo **Bửu Sơn Kỳ Hương**, hoặc tôn kính bốn chữ **Bửu Sơn Kỳ Hương** thấy đều nhìn nhận rằng: Hệ phái **Tứ Ân Hiếu Nghĩa** và hệ phái Đức **Phật Trùm** ở núi Tà Lôn (Tri Tôn) từ một gốc nơi Phật giáo **Bửu Sơn Kỳ Hương** của Đức **Phật Thầy Tây An** mà ra.

Các tu sĩ đó viện cứ rằng: Sự liên hệ của **Bửu Sơn Kỳ Hương** cũng giống như các phái Thiên Tông của Tàu (như Lâm Tế, Tào Động, Quy Ngưỡng, Pháp Nhãn ...) cũng từ giáo hệ Thiên Tông của Sơ Tổ **Bồ Đề Đạt Ma** mà roi truyền hàng bao thế kỷ. Nhưng xét ra, sự roi truyền của hai giáo hệ (**Thiên Tông** của Trung Hoa, **Bửu Sơn Kỳ Hương** của Việt Nam) có đôi phần khác nhau. Thiên Tông của Trung Hoa dầu có biến dạng thay hình nhiều lần, nhưng sự chân truyền Y Bát vẫn liên tục. Dầu cho nội bộ có chia rẽ thành Nam, Bắc phái, sự truyền giáo

có cải cách thế nào chẳng nữa, người tín đồ Thiên phái vẫn tôn thờ Đức **Bồ Đề Đạt Ma** là Sơ Tổ. Và "Đồ nòi" của Thiên Tông được kế tục truyền bá không hề gián đoạn.

Về **Phật giáo Bửu Sơn Kỳ Hương**, chưa ai được biết rõ sự liên hệ thực tế giữa Đức **Bốn Sư** và Đức **Phật Thầy** như thế nào? Hai vị **Hoạt Phật** này là một? Hay Đức **Bốn Sư** được truyền thọ bí pháp? Hay Đức **Bốn Sư** là hóa thân của **Phật Thầy**? Tại sao đại đa số Tu Sĩ cho rằng cùng một gốc?

Chúng tôi xin đưa ra đây một vài điểm dị biệt và những điểm tương đồng:

1. NHỮNG ĐIỂM DỊ BIỆT.

Có những điểm khác biệt (nếu không nói là tương phản) về sự truyền bá giáo lý, nghi thức hành đạo giữa Đức **Phật Thầy** và Đức **Bốn Sư**; ví dụ:

- Đức **Phật Thầy** không chuộng Thỉnh, Âm, Sắc, Tướng.

- Đức **Bốn Sư** thì dạy tụng kinh, cúng dường (chuông mõ) thờ phượng hình ảnh (thờ tượng Quan Đế) dùng số, điệp, thiêu giấy tiền vàng bạc, niệm pháp, lẩn chuỗi, phân biệt Cư Sĩ, Ông Gánh, Ông Trò, .v.v...
- Đức **Phật Thầy** chỉ trì niệm Di Đà, giản dị kinh chú, giản dị nghi thức hành lễ .v.v...
- Đức **Bốn Sư** lại dạy niệm nhiều kinh chú, học văn tự, lễ bái đa Thần, người tín đồ để tóc dài .v.v...

Bao nhiêu điểm khác biệt đó, cũng đủ làm cho những người mến đạo không khỏi thắc mắc nghi ngờ sự liên hệ giữa **Bửu Sơn Kỳ Hương** và **Tứ Ân Hiếu Nghĩa** cùng một gốc.

Chúng tôi xin đưa ra những điểm mà phần đông người đồng đạo cho rằng trùng hợp, nên họ đặt trọn niềm tin là hai **hệ phái** cùng chung một gốc:

2. NHỮNG ĐIỂM TƯƠNG ĐỒNG VÀ TRÙNG HỢP.

Dẫu có những điểm khác biệt rõ ràng qua nghi thức hành đạo, nhưng trọng tâm tu học của **Tứ Ân Hiếu Nghĩa** chẳng những không sai thuyết gốc **Bửu Sơn Kỳ Hương** mà còn có nhiều điểm bổ khuyết cho **Phật giáo Bửu Sơn Kỳ Hương** thêm phần phong phú:

- Phát phái thâm nhận tín đồ vào đạo bằng ấn son có bốn chữ **BỬU SƠN KỲ HƯƠNG** in trên giấy vàng.
- Căn bản truyền đạo vẫn là **HỌC PHẬT TU NHÂN** và báo đáp **TỬ ĐẠI TRỌNG ÂN**.
- Chánh điện ngôi chùa chánh (Phi Lai Tự) vẫn thờ **Trần Điều**.
- Thuyết giáo bằng thơ bài, lời lẽ bình dân giản dị nhưt là lối văn vần (thượng lục hạ bát) rất thích hợp với dân tộc tính, ai ai cũng có thể hiểu được.

- Thu phục những người chưa vào đạo bằng công quả xã hội: Trị bệnh cứu người rất linh diệu, và nói lên những sai lầm của đương sự.
- Thuyết phục những người ngang bướng, bất phục tùng lẽ phải, bằng cách tiên tri những việc đã qua và hậu quả mà họ đã gây ra, khiến họ phải phục tùng, quy y hướng thiện.
- Không hề vướng bận lợi danh, hoặc thu nhận sự đền ơn trả nghĩa bằng tiền bạc.
- Đức **Phật Thầy** đản sanh vào giờ Ngọ ngày rằm tháng 10 năm Đinh Mão (1807) Đức **Bốn Sư** mê man 7 ngày đêm (đi thiếp) cũng vào giờ Ngọ ngày rằm năm Đinh Mão (1867) lúc tỉnh dậy thì Ngài tỏ ngộ, quy y dạy đạo cho tín đồ. Có điều khác nhau là cách một chu kỳ 60 năm.

Căn cứ vào những điểm tương đồng và trùng hợp, chúng ta có thể tin rằng: Hai vị **Hoạt Phật** có sự liên hệ với nhau rất nhiều. Nhưng tại sao nghi thức hành đạo có nhiều điểm khác nhau? Các vị cao đồ trong hệ phái này có đưa

ra một số dẫn chứng để chúng ta cùng tìm hiểu nguyên nhân.

3. DO ĐÂU CÓ NHỮNG ĐIỂM KHÁC NHAU?

Dựa theo tài liệu **Phật sử**, mỗi khi thay đổi danh xưng hoặc vị Chưởng giáo thì đường lối tu học, thuyết giáo cũng có ít nhiều sửa đổi. Ví như: Thiền phái **Thảo Đường** của đời **Lý**, có đôi phần khác hơn Thiền phái **Trúc Lâm Yên Tử** của đời **Trần**. Thiền phái của đời **Lê** có khác hơn Thiền Phái đời **Nguyễn** .v.v... Sự thay đổi có nhiều nguyên nhân, vì hoàn cảnh xã hội, phong tục cũng có. Vì canh tân cho phù hợp với dân sinh cũng có, hoặc bị cường quyền bắt buộc cũng có. **Phật giáo Bửu Sơn Kỳ Hương** cũng không thoát ra ngoài những công lệ đó.

Hướng chi Đức **Bốn Sư** truyền bá giáo lý **Tứ Ân Hiếu Nghĩa** nhằm vào thời kỳ đen tối nhất trong lịch sử Việt Nam, từ lúc phôi thai đến trưởng thành thấy đều thường xuyên ngâm đắng nuốt cay dưới gót giày của thực dân Pháp (1767 – 1890). Vấn đề tụng niệm mõ chuông

cúng dường số điệp, chắc hẳn là thi hành đúng theo chỉ dụ của **Nguyễn** triều. Ví như Đức **Phật Thầy Tây An**, Ngài giản dị hóa **Phật Giáo Bửu Sơn Kỳ Hương**, không gõ mõ tụng kinh, chỉ chuyên trì niệm **Phật** để cho phần đông tín đồ nông thôn kém học dễ tu. Ngài không chuộng Thỉnh, Âm, Sắc, Tướng. Nhưng khi Ngài về chùa Tây An (núi Sam) lệnh triều đình bắt buộc phải thờ hình cốt, gõ mõ tụng kinh, đúng rập khuôn của phái Thiên Tông Lâm Tế Ngài vẫn phải tuân. Đức **Bản Sư** vẫn giữ đúng như thế, cho tròn ơn Quốc Vương thủy thổ, và tạo ra một hình thức tu học giống Thiên phái, để che mắt bọn tay sai của giặc Pháp. Vì họa chúng tố cáo Ngài là "gian đạo sĩ" nên bao giờ chúng cũng hạ lệnh theo dõi để bắt Ngài.

Tuy Ngài chủ trương tụng niệm chuông mõ rình rang, nhưng nội dung kinh điển không bao giờ sai lạc với thuyết **Học Phật Tu Nhân**, cũng như không quá lệ thuộc vào kinh điển của nhà Thiên. Vả lại, nội dung tu học Ngài đã bày

bác gặt gao Thinh, Âm, Sắc, Tướng trái lại hình thức hành đạo lại sử dụng Thinh, Âm, Sắc, Tướng. Dĩ nhiên, trong ấy ắt có nhiều nguyên nhân. Xin trích một đoạn bài kệ trong **Kinh Siêu Thăng** :

出世爲人須向善，訪求大道早參禪
聲音色將皆非道，切勿信邪習外邊

**Xuất thế vi nhơn tu hướng thiện
Phỏng cầu Đại Đạo tảo tham thiên
Thinh Âm Sắc Tướng giai phi đạo
Thiết vật tín tà tập ngoại biên**

Lược dịch :

**Xuất thế tu thân chọn hướng lành
Tham thiên theo đạo chẳng cầu danh
Thinh Âm Sắc Tướng đều là thuyết
Hình thức bên ngoài đối chúng sanh.**

Nội dung bài kệ trên đây cũng đủ giải đáp sự mâu thuẫn từ nội dung đến hình thức. Sự mâu thuẫn đó, chắc chắn không ngoài hoàn

cảnh xã hội có lắm khó khăn, trong thời kỳ Ngài truyền đạo.

Thứ đến là vấn đề thờ tượng **Quan Thánh Đế Quân**, có thể nhờ tượng ảnh này để giảm bớt hình thức cách mạng Tôn giáo hầu tránh giặc nghi ngờ, cũng như để tỏ lòng trung cang bất khuất của Ngài, dầu phải ở dưới sự kiểm chế của giặc nhưng lòng dạ không bao giờ hàng giặc? Căn cứ theo **Đào Viên Minh Thánh Kinh** diễn tả nổi lòng trung cang của **Quan Thánh**, có những đoạn như sau :

精忠沖日月，義氣貫乾坤
面赤心尤赤，鬚長義更長

Tinh trung xung nhật nguyệt

Nghĩa khí quán càn khôn

Diện xích tâm vưu xích

Tu trường nghĩa cánh trường.

Lược dịch :

Lòng trung che lấp ánh Trời

Khí hùng xông suốt trận đời nễ oai

Râu dài nghĩa khí cũng dài

Mặt đỏ, lòng đỏ mới trai anh hùng ...

Kinh **Đào Viên** còn có đoạn diễn tả nỗi lòng trung cang bất khuất của **Quan Thánh Đế Quân** :

降漢不降曹，忠臣不事二
封漢壽亭候，印無漢重鑄
封庫印懸樑，爵祿辭不受

**Hàng Hớn bất hàng Tào
Trung thân bất sự nhị
Phong Hớn Thọ Đình Hầu
Ấn vô Hớn trùng chú
Phong khố ấn quyền lương
Tước lộc từ bất thọ.**

Lược dịch:

**Thờ Hớn ta chẳng thờ Tào
Tôi trung một chúa lẽ nào thờ hai
Tước phong Hớn Thọ Đình Hầu
Không khắc chữ "Hớn" ta đâu có màng !
Treo ấn từ già giàu sang
Hư danh trả lại, lên đàng tìm anh ...**

Có lẽ **Đức Bốn Sư** mượn tấm lòng trung cang bất khuất của **Quan Thánh Đế Quân** để nói lên nỗi lòng ái quốc của Ngài, cũng như khuyên răn người tín đồ thấm nhuần vào tim, óc những điều thương nhà, mến nước ? Hơn nữa vấn đề tu học và giáo hóa chúng sanh, còn phải tùy theo căn cơ của từng lớp người mà hướng dẫn.

Đức Thích Ca Mâu Ni xưa kia khi thuyết pháp những giáo lý Thượng thừa như : **Kim Cang Bát Nhã, Lăng Nghiêm, Lăng Đà, Pháp Hoa** ... là để cho những vị cao đồ của Ngài nghiên cứu và học hỏi. Khi thì Ngài chỉ thuyết những giáo lý phổ thông như **Bác Dương Di, Đà Hồng Danh, Vu Lan** là để cho đại đa số tín đồ dễ học và hiểu .v.v...

Vì thế, nên việc **Đức Bốn Sư** sáng tác và giáo hóa nhiều kinh điển cho nhiều lớp tín đồ, cũng không ngoài ý nghĩa đã nêu trên. Vả lại, còn tùy từng giai đoạn, theo thời cơ mà quyền biến. Ngài có dạy rằng:

Học thời phải xét cho mình Phật, Nho cũng cứ thơ kinh mà quyền

Thời gian **Đức Bốn Sư** truyền đạo cũng đồng thời với cuộc kháng chiến Cần Vương chống Pháp. Tại chiến khu Bảy Thưa, hàng ngũ của vị anh hùng **Trần Văn Thành (Đức Cố Quán)** vừa tan rã, những nghĩa sĩ này kẻ thì biến dạng với hình thức nông dân, người thì vào thâm sơn cùng cốc mà ẩn lánh. Do đó mà Hệ phái **Tứ Ân Hiếu Nghĩa** được thâm nhận tín đồ mới quy y nhập đạo rất đông, họ quyết núp dưới bóng từ bi để chờ cơ hội quật khởi chống Pháp.

Một bằng chứng khác, dầu ai có khó tánh thế mấy cũng không thể phủ nhận vấn đề tu **Quốc Vương Thủy Thổ** của **Đức Bốn Sư**. Trong những quyển kinh của người đạo nhật tụng, thường vô đầu những câu:

**“Hoàng Đồi củng cố đế đạo hà xương,
Phật nhứt tăng huy, Pháp luân thường chuyển”**

Có nghĩa là: “Nguyên cho non sông bền vững, nước nhà được thanh trị. Bánh xe **Phật pháp** được chuyển xoay, tạo lại cuộc đời chói ngời xán lạn cho mọi người cùng hưởng .v.v...”.

Cũng như trong thời kỳ này, trật tự xã hội quá đảo điên. Làng, Tổng hoành hành hiếp đáp dân chúng khiến cho Ngài phải tỏ ra buồn bực, thống trách:

**Làm Tổng chẳng kể trẻ già
Người nào nhiều bạc vậy mà hỏi han
Còn sự mấy chú làm Làng
Dân là báu nước, chẳng màng tới dân ...**

IV. HỆ PHÁI TỬ ÂN HIẾU NGHĨA VỚI NHỮNG LẦN PHÁP NẠN

Đức Bốn Sư hướng dẫn tín đồ vào núi Tượng, thiết lập chùa miếu, phá rừng, khai hoang, thành lập thôn ấp vào năm Bính Tý (1876). Cách bốn năm sau, nhằm năm Tân Ty (1881) vào dịp lễ Trung Nguyên (rằm tháng 7)

Ngài sửa soạn trần thiết một cuộc Đại lễ, gọi là "**Đại Trai Đàn**" để cầu siêu cho những vong linh Vị Quốc vong thân và các oan hồn thoát khỏi đường súc sinh, ngạ quỷ. Cuộc lễ Đại Trai Đàn kéo dài đến ba ngày. Tín đồ bốn phương đến dự lễ đông hàng vạn.

1. PHÁP NẠN LẦN THỨ NHỨT

Vì sự quá đông đảo đó, nên nhà cầm quyền Pháp sanh nghi, chúng thả bọn mật thám theo dõi từ buổi đầu. Trong số bọn tay sai này có tên **Ý** với chức vụ là **Vệ** (Theo chức vụ trong đội thân binh của Pháp). Tên **Vệ Ý** thấy Ngài thiết lập Đại Trai Đàn, dân chúng hưởng ứng quá đông và hết lòng tin tưởng vào **Đức Bốn Sư**, nên hấn lập tức về báo cáo cho nhà cầm quyền Pháp.

Lúc bấy giờ quân Pháp đóng tại Châu Thành An Giang (Châu Đốc) rất ít, nên **Vệ Ý** phải đáp tàu thẳng về Tân An. Vì nơi đây là Tổng hành dinh của Pháp chỉ huy 6 tỉnh Miền

Nam nước Việt lúc bấy giờ. **Vệ Ý** tố cáo **Đức Bốn Sư** là “Gian đạo sĩ” dạy cho dân chúng luyện phép phù để chống Pháp! Trong giảng của Ngài có đoạn nói về hành động của **Vệ Ý** như sau :

Bẩm cùng quan lớn nhiều lời
Tượng sơn dữ thiệt chẳng chơi đâu là
Quả là tu luyện phép tà
Xin quan tới đó coi mà sẽ hay ...

Nghe báo cáo xong, vị quan Pháp (không rõ tên) lập tức tập trung binh lính xuống tàu chạy đi Châu Đốc. Đến nơi, tên quan Pháp này thúc hối tên đại diện ở Châu Đốc phải cấp tốc điều tra và cấp thêm binh thuyền. Khi vào tới Tịnh Biên, bọn chúng đổ bộ kéo vào bao vây núi Tượng, giữa lúc canh ba. Lúc đó, Đại Trai Đoàn cũng gần xong. Bá tánh, bốn đạo hay tin Pháp bao vây thì hết sức lo sợ!

Khi ấy, **Đức Bốn Sư** đang đứng trên đàn cao, có rất nhiều đệ tử kề cận. Trong số đó có

một người đàn bà còn trẻ, người ta thường gọi là chị **Bóng Thị**. Người này rất giỏi võ và sức mạnh phi thường. Trong cơn nguy cấp, bà này nhảy lên đàn cấp ngang nách **Đức Bốn Sư** chạy đi tìm đường lánh nạn!

Tất cả bốn đạo kẻ chạy ngược người chạy xuôi tìm phương trốn lánh, không còn thiết chi đến nhà cửa chùa chiền. Lúc ấy, nhiều người mới vỡ lẽ, rõ tên **Vệ Ý** là Điem chỉ viên:

Tín đồ xem thấy hãi hùng
Nào hay kẻ ấy đem lòng hại dân
Mã tà, Mã kỵ rần rần
Phá làng phá xóm vang rền tứ vi
Nhớ xưa lời Thánh còn ghi
"Thiệt xà thôn Tượng" đến ni mới tường
Kẻ chạy người ở thêm thương
Cám nỗi đoạn trường chua xót đắng cay...⁽⁸⁾

(8) Đến đất Miên tại Vườn Dầu trong pháp nạn này, có 1.800 tín đồ nam, nữ, trẻ già theo Đức Bốn Sư tỵ nạn tại đây 3 tháng.

2. PHÁP NẠN LẦN THỨ HAI

Qua pháp nạn lần thứ nhất, nhà cửa tiêu tan, chùa miếu cháy rụi. Khi quân Pháp rút đi, thì bốn đạo cũng trở về nền xưa, xây cất nhà cửa, tái thiết chùa miếu lại. Tuy gian khổ về vật lực, tốn kém tài sản, nhưng lần này lại sung túc hơn, đông đảo hơn lần trước. Như thế đủ thấy lòng người mến đạo, trì chí tu hành, chứng tỏ họ không hề khiếp sợ trước bạo lực của ngoại nhân.

Cách bốn năm sau, vào ngày 16 tháng 4 năm Ất Dậu (1885) quân Pháp lại mở cuộc tấn công vào núi Tượng lần nữa. Mục đích lần này chúng quyết bắt cho kỳ được **Đức Bốn Sư** và giải tán đạo **Tứ Ân Hiếu Nghĩa**. Hay tin chẳng lành, **Đức Bốn Sư** cùng số đông bốn đạo diu dắt **Đức Bà** (thân sinh **Đức Bốn Sư**) chạy sang Vườn Dầu thuộc đất Cao Miên mà lánh nạn.

Tuy thời gian pháp nạn này rất dài, Ngài phải ở lại đất Cao Miên, nhưng không bao giờ Ngài lãng xao giáo hóa tín đồ tu hành theo

thuyết **Tứ Ân Hiếu Nghĩa**, và thiết lập tại đây một cảnh chùa, để thập phương bá tánh đến chiêm bái. Ba tháng sau, Ngài mới hướng dẫn tín đồ trở về núi Tượng nhằm ngày 14 tháng 7 cùng năm.

Về đây nhìn lại nền xưa, một cảnh tượng điêu tàn thê thảm. Nhà cửa của tín đồ còn toàn là những đống tro than. Bảng tiền, bảng phái và những vật dụng quan trọng của đạo, tất cả đều bị giặc chở đi.

Dẫu đứng trước cảnh tang thương đó Ngài vẫn không hề thối chí ngã lòng. Vẫn khuyến khích tín đồ che lại mái lá chòi tranh tại những nền cũ thờ phượng và tạm ở mà tu hành ⁽⁹⁾.

⁽⁹⁾Sau khi Pháp tấn công Núi Tượng chúng đốt phá nhà cửa, chùa, miếu tiêu tan. Nhưng khi chiêu an và hợp thức hóa thôn An Định thì chỉ tạm lập được 3 ngôi chùa và đình An Định. Chùa Tam Bửu cũng được tạm che bằng tranh lá để thờ phượng.

3. PHÁP NẠN LẦN THỨ BA.

Đến năm Đinh Hợi (1887), Thiên tín khắp nơi về đây theo Ngài rất đông. Dĩ nhiên trong số đông tín đồ này, có người quyết tâm trì chí **Học Phật Tu Nhân**, có người được Ngài mật truyền kinh chú, thuốc Nam để trị bệnh cứu đời, cũng có người lợi dụng sự cứu đời để làm sinh kế. Trong số đó có tên **Tám Qui**.

Tám Qui lợi dụng sự đi cứu đời mà làm sai lạc tôn chỉ của **Đức Bổn Sư**. Khi ông ta đến **Cái Dừng** (thuộc xã Long Khánh, quận Tân Châu, tỉnh Châu Đốc ngày nay) ghé nhà của ông **Ba Lê** nghỉ nhờ. Nhìn thấy ông **Ba Lê** tin tưởng vào **Đức Bổn Sư**, nên tên **Qui** kêu gọi ông **Ba Lê** phải về núi mới đặng toàn thân. Bằng không thì khi *đời tới* Trời long Đất sụp và tránh không khỏi cảnh hùm tha sấu bắt .v.v...

Ngoài ông **Ba Lê** ra, còn có nhiều người nghe theo **Tám Qui** bỏ gia đình sự nghiệp mà lên núi để tránh nạn *đời tới* cũng không ít ...

Khi lên núi gặp phải sự sinh hoạt khó khăn, còn bị nhà cầm quyền Pháp nghi kị, sơn lâm chướng khí gây ra bệnh tật. Lâu dần, người hao của hết mà vẫn chưa thấy *đời tới*. Phần đông những người này họ nghe theo **Tám Qui** để tránh nạn *đời tới*, chớ không phải thật tâm đi tầm đạo. Vì thế, có người căm hận **Tám Qui**, đem câu chuyện tường thuật cho mọi người nghe để hả hơi tức giận **Tám Qui**. Do đó, mới lọt vào tai bọn mật thám Pháp.

Bọn chúng sẵn được tin này, lập tức báo cáo đến viên Đốc Phủ người Việt là **Trần Bá Lộc**⁽¹⁰⁾. **Lộc** lập tức hạ lệnh bắt **Tám Qui** kết tội cho hắn là "gian đạo sĩ", **Lộc** ra lệnh tra tấn thẳng tay. **Qui** chẳng những không can đảm nhận chịu, mà đổ trút tất cả tội lỗi cho ông **Chánh Hưng** (một vị cao đồ của **Đức Bốn Sư**). Khi giải hắn đi giữa đường hắn lại khai cho

(10) Trần Bá Lộc thuộc hàng ngũ thân Pháp hạng nặng khi quân Pháp mới đặt chân lên mảnh đất Miền Nam nước Việt này (Theo Việt Sử tân biên quyển 5 tập thượng của Phạm Văn Sơn).

Đức Bổn Sư , và lãnh hướng đạo **Trần Bá Lộc** về núi Tượng để bắt Ngài!

Trần Bá Lộc cầm đầu một toán thân binh rất đông, kéo đến núi tượng vào lúc nửa đêm, do **Tám Qui** hướng dẫn. Trước hết bọn chúng vây nhà bắt ông **Chánh Hưng** trói lại. Kế đến vây nhà ông **Trần Tịnh** ⁽¹¹⁾ (cùng là cao đồ của **Đức Bổn Sư**) ở gần bên Chùa **Tam Bửu** để lục xét:

Nửa đêm quân đến rần rần

Chánh Hưng bị bắt trói khiêng vào chùa

Áp Triều, Hương Tịnh bắt đưa.

Khảo tra tấn vấn, hơn thua khá bày ?

Lúc ấy **Đức Bổn Sư** đang ngồi trì niệm trong Chùa **Tam Bửu** tin đồ vào báo hung tin nhưng Ngài vẫn điềm nhiên không chút nao

(11) Ông Trần Tịnh là vị cao đồ của Đức Bổn Sư, là người được Ngài phái vào xem xét địa hình vật ở Núi Tượng trước nhứt, khi Đức Bổn Sư còn truyền đạo ở Cù Lao Ba. Lúc đến khai đạo ở vùng Núi Tượng, Ngài cũng thường cư trú tại nhà ông Trần Tịnh.

lòng, **Trần Bá Lộc** chỉ huy bao vây chặt chẽ Chùa **Tam Bửu** nhưng chưa hạ lệnh lục xét .

Các đệ tử thấy Ngài ngồi thản nhiên như không chuyện gì xảy ra, ai nấy thấy đều lo sợ cho Ngài sẽ bị bắt. Khi trời sáng trông rõ mặt quan quân. **Đức Bổn Sư** bình tĩnh, tay cầm cây móc vót (Ngài dùng để vạc thuốc Nam hằng ngày) đi thẳng ra cửa giữa. Nhưng lúc ấy không phải là hình dáng của Ngài, mà là một cụ già râu tóc bạc phơ, cầm cây móc từ trong chùa đi ra rất tự nhiên như không hay biết chuyện gì. Bọn thân binh lên cò súng nạt vang : “*Ông già! đi mau chỗ khác, lảng vảng đó, ông lớn đập chết bây giờ!*”. **Đức Bổn Sư** lặng lẽ đi về hướng Bắc rồi thẳng đường lên núi.

Trần Bá Lộc hạ lệnh trói tất cả những vị cao đồ, dẫn vào chùa tra tấn buộc phải kiếm thầy cho được:

Trói kẻ tất cả đôi tay

Buộc phải kiếm thầy cho được mới nghe.

Chúng lục soát trong chùa kiếm không được **Đức Bổn Sư**, bèn bắt tín đồ lên núi lục soát tất cả các điện các hang cũng không ra tông tích của Ngài. Chúng bèn trở về chùa tịch thu tất cả những vật dụng cần thiết của Ngài truyền đạo. Và bắt những người có tên tuổi trong đạo mà giải về Sài Gòn ⁽¹²⁾.

4. PHÁP NẠN LẦN THỨ TƯ.

Khi pháp nạn lần thứ nhất xảy ra, **Đức Bổn Sư** có hướng dẫn số đông tín đồ lánh nạn ở Vườn Dầu (Cao Miên). Đến lúc ở núi Tượng an ninh được vắng hồi, Ngài trở về xây dựng cơ sở lại, có số người vì sinh kế, hoặc hoàn cảnh nên xin ở lại đất Cao Miên, trong số đó có tên **Thập**. **Thập** ở lại, được quan Miên phong cho làm trưởng toán một đội quân Miên có võ trang. Ngày qua, lúc ấy quân Pháp đã chiếm trọn đất Cao Miên. Mẹ của **Thập** sợ rằng Miên

(12) Lần pháp nạn này một trong số lớn những vị cao đồ bị bắt giam ở khám lớn Sài Gòn, hoặc bị đày đi Côn lôn. Trong số đó có ông Trần Tịnh.

đầu Pháp sẽ giết mẹ con bà. Bà khuyên **Thập** nên trở về Nam, và chọn một nơi hiểm yếu của vùng Bảy Núi chiếm làm căn cứ mà đợi thời cơ. **Thập** vâng theo lời mẹ hấn, đồng thời cũng xin phép quan Cao Miên cho về xứ sở.

Vào khoảng tháng 5 Đinh Hợi (1887) toán quân Miên đưa **Thập** đến bờ kinh Vĩnh Tế. Một số trở lại đất Miên một số tình nguyện theo **Thập** chiếm cứ vùng Xuân Tô, quận Tịnh Biên làm căn cứ. Số quân này vì thiếu người tài đức chỉ huy, thiếu sự huấn luyện tranh đấu chống Pháp, nên trở thành toán quân ô hợp, phá xóm phá làng gây cho lòng người thán oán. Lúc **Thập** về đến Xuân Tô cũng liên lạc vào núi Tượng, nhận mình là tín đồ **Tứ Ân Hiếu Nghĩa** của **Đức Bản Sư** nhưng không mấy ai tin **Thập**, nên không dám liên lạc với hấn.

Vì hành động của tên **Thập** quá thất nhân tâm, làng xã ở đây sợ họa lây, nên báo với nhà cầm quyền Pháp ở Châu Đốc, quân Pháp kéo vào vây chặt và bắn giết vô số kẻ, chúng còn

bắt sống một số tù binh, trong đó có tên **Phú**, người ta thường gọi hấn là lão **Trùm Phú**. **Trùm Phú** khai y có liên lạc với đạo **Hiếu Nghĩa** ở núi Tượng và đồng đảng của hấn cũng có ở đây. Quân Pháp lập tức kéo vào núi Tượng:

Quan quân kéo đến Tịnh Biên

Trùm là tên Phú đem liền Vĩnh Thông

Quan quân binh mã dùm dùm

Trát đòi An Định, kiết hung không tường ...

Pháp kéo binh đến núi Tượng, truyền tập trung dân đến tại nhà làng, lấy bao bố phủ kín đầu hấn lại để hấn nhìn mặt. Nhìn kỹ tất cả dân làng. **Trùm Phú** chỉ ngay mặt một người tên **Bường**, y gọi là người đồng đảng (có lẽ **Trùm Phú** cũng được ít nhiều đạo căn nên Pháp ép buộc y nhiều lần mà y không chỉ thêm ai nữa). Người Pháp không mấy hài lòng với cuộc hành quân tốn kém, công phu như vậy mà bắt đặng có một tên, chúng quay sang hỏi làng những nhà bỏ trống không người ở:

**Gọi làng lớn nhỏ dường bao
Mấy nhà dân trốn đường nào biết chẳng?
Làng thưa ông lớn hay rằng:
Nó nghèo, nó trốn làm ăn xứ người
Quan truyền tỏ nỗi âm hao
Dẫn cho quan đốt nhà nào dân đi!
Truyền cho dân chúng tức thì
Ở đâu về đó kịp kỳ làm ăn
Đừng theo những đảng lằng loàn
Ở ăn ngay thẳng chớ mang việc đời ...**

5. PHÁP NẠN LẦN THỨ NĂM.

Cuối năm Đinh Hợi (1887) có người Miên thân Pháp, mạnh thế lực , người ta gọi y là **Phủ Miên** , gốc ở Tri Tôn , thường lui tới cờ bạc với bọn du thủ du thực người Việt ở vùng núi Tượng. Một hôm **Phủ Miên** cờ bạc gian lận sao đó, nên bị bọn kia đánh cho một trận nên thân. Từ đó **Phủ Miên** thù hận , quyết tìm cách phao vu để trả oán, hấn mượn người làm sắc bằng giả của **Đảng Cần Vương** , trong sắc bằng giả

này có danh sách 8 người, hấn đến tố cáo với nhà cầm quyền Pháp là 8 nhân vật hiếp đáp người Miên và âm thầm chống lại Chính phủ Pháp .

Quan Pháp ở Tri Tôn kéo binh lên, bảo làng tập trung lại cho chúng điểm danh. Dân chúng ở núi Tượng nào hay biết chuyện gì sắp xảy ra, nên tề tụ đủ mặt. Chúng bắt tất cả 13 người, nhưng các gia đình nạn nhân hết sức van xin nên chúng kiểm điểm còn đủ 8 tên trong sắc bằng giả đem ra xử bắn và chôn chung một hầm, còn bao nhiêu được thả ra!

Thân nhân của 8 nạn nhân này đầu đơn kêu oan đến Tòa án tối cao ở Sài Gòn, người Pháp hứa sẽ minh oan vụ án. Nhưng ... kết quả ngược lại, chúng tập trung thuyền tàu vào núi Tượng giải tán đạo **Hiếu Nghĩa** , và ra lệnh chở tất cả tín đồ, ai ở xứ nào chúng chở đưa về xứ nấy! Trong giảng có đoạn diễn tả như sau:

Ba ngày giấy lại cảm thương

Ngoài ghe Tham biện ghe thuyền thẳng vô

**Truyền rao dân chúng soạn đồ
Xứ nào ghe nấy dừng cho lộn vào
Tham biện viết giấy trao tay
Người ở vùng nào đường ấy ra đi
Ghe, tiền quan trả một khi
Người đưa, tiền của quan thì trả cho
Ra đi biết mấy chiếc đò
Kẻ than người khóc reo hò như mưa
Quan trên kêu mắng ghe đưa
Mỗi người một gánh cho vừa mà thôi
Ô hô sự nghiệp đã rồi
Kêu Trời soi xét, thương người thẳng ngay
Ai xui trò lại gặp Thầy
Tiếc công dựng nghiệp ngày nay rã rời ...**

Lần pháp nạn này, không phải riêng một vụ tên Miên vu oan mà hậu quả tai hại nhất là do Phòng Nhì Pháp nhiều lần báo cáo, ví như dân chúng nô nức tín ngưỡng đạo **Hiếu Nghĩa**, sự linh diệu của **Đức Bốn Sư**, đã nhiều lần vây bắt không được Ngài .v.v... Do đó, chúng đâm ra sợ sệt, không muốn cho đạo **Hiếu Nghĩa**

trưởng thành và hợp pháp. Chúng đã thả mật thám trà trộn vào đạo rất đông, trong đó có ông **Nguyễn Thanh Liễu** (có biệt hiệu là **Năm Củi**) là một trong số mật thám đó.

Năm Củi là một nhân viên mật thám đặc lực nhất của Pháp, ông ta lãnh lệnh của Quan Thầy vào núi Tượng xin gia nhập đạo **Hiếu Nghĩa** để theo dõi hành động của **Đức Bốn Sư**, khi tìm đầy đủ bằng cứ Ngài là "Giáo Đạo sĩ" thì ông ta trợn quyền bắt Ngài. Nhưng ... khi đi sâu vào giáo lý **Học Phật Tu Nhân**, và những lời truyền đạo của **Đức Bốn Sư**, ông **Năm Củi** lần lần giác ngộ về lẽ đạo. Ông nhìn nhận thuyết **Tứ Ân Hiếu Nghĩa** chẳng những là cứu cánh cho cuộc đời ông mà luôn cho cả mọi người. Từ đó ông khinh thường danh lợi phù du của thực dân đã ban cho ông. Trái lại, ông còn xem nó là kẻ thù chẳng chung đội Trời, cũng vì nó mà ông và một số người khác đã giày đạp lên sự đau khổ của đồng bào ruột thịt. Do đó, ông **Năm Củi** thú thật việc làm tàn nhẫn của

ông, và việc lãnh lệnh của Pháp để theo dõi Ngài, nhứt nhứt ông trình bày hết với **Đức Bốn Sư**. Từ đây ông xin tự nguyện hết lòng vì đạo pháp, vì đồng bào để đền trả lại những tội lỗi ông đã lỡ lầm trong thời gian qua.

Những người có tánh hăng say và cương nghị như ông **Năm Củi**, khi làm tay sai cho giặc là một nhân viên đắc lực nhất, đến khi ông tin tưởng vào sự nhiệm mầu, say sưa với lẽ Đạo thì ông là người tích cực bảo vệ cho Đạo nhứt!

Nhưng từ việc tích cực bảo vệ Đạo pháp đi đến sự cuồng tín, quá khích cũng chẳng bao xa. Từ ngày ông thấy thái độ vô nhân đạo của Đốc Phủ **Lộc**, với việc ruồng bố tàn sát người đạo **Hiếu Nghĩa**, ông hết sức căm giận, nên bạch cùng **Đức Bốn Sư** cho phép ông tổ chức giết Đốc Phủ **Lộc** để cứu họa cho đồng bào và đồng đạo.

Đức Bốn Sư trầm ngâm giây lâu bèn dạy rằng:

– “Không nên đâu, tôi khuyên các anh, mình là người thụ giới thì không nên sát giới. Người tu thì phải trải qua nhiều gian truân cay đắng. Sự cay đắng ngày hôm nay chỉ nhỏ nhặt, tầm thường thôi, sau này anh chị còn phải gánh chịu nhiều khó khăn hơn nữa! Bởi vậy, tôi khuyên anh chị cố chịu đựng và nhịn nhục cho tròn bổn phận người tu hành, để khỏi phạm giới”.

Dầu cho **Đức Bốn Sư** cố giảng giải, dạy rằng như vậy, nhưng lòng hăng say diệt bạo của ông **Năm Củi** đã đến lúc dừng chẳng đặng, nên ông lén **Đức Bốn Sư** và bá gia bốn đạo, mượn một người Miên gan dạ phục kích khoảng giữa lộ Lạc Quới, Tịnh Biên để ám sát Đốc Phủ **Trần Bá Lộc**. Một mặt ông báo cáo về cho Đốc Phủ **Lộc** hẹn ngày vô núi Tượng để sắp đặt việc bắt **Đức Bốn Sư**! Nhưng ông cũng không quên căn dặn **Lộc** nên hóa trang thường nhân hẹn gặp nhau nơi trạm Lạc Quới.

Đúng ngày giờ hẹn, tên Miên thấy hai người mặc đồ nhà binh Pháp từ Tịnh Biên đi vô

Lạc Quối, hấn xả súng bắn chết cả hai. Thi hành xong nhiệm vụ, hấn trở về trả súng và lãnh tiền thưởng của ông **Năm Củi**. Không ngờ vì bận việc, nên **Trần Bá Lộc** đi vô trễ sau giờ hẹn, khi đến Tịnh Biên ông ta nghe tin có hai xác người bị bắn chết, còn bỏ nằm bên lộ, ông ta lập tức trở về Châu Đốc. Vỡ lẽ ra hai người này là Lục Lộ đi coi làm đường cho Sở Kiều Lộ của Pháp! Tên Miên không biết nên bắn lầm.

Vì những lẽ nêu trên, nhà cầm quyền Pháp mới hạ lệnh giải tán đạo **Hiếu Nghĩa**, và đem ghe thuyền đến tận nơi, chở đưa người tín đồ, ai ở tỉnh nào đưa về tỉnh nấy. Sự kiện này xảy ra tại thôn An Định (núi Tượng). Lúc bấy giờ, **Đức Bổn Sư** đang mở Làng mới và truyền đạo tại thôn An Thành (nay thuộc xã Lương Phi, quận Tri Tôn, tỉnh Châu Đốc).

6. PHÁP NẠN LẦN THỨ SÁU.

Mặc dầu nhà cầm quyền Pháp giải tán đạo **Hiếu Nghĩa** và cho đưa tất cả những người theo

đạo về quê. Nhưng có nhiều người trốn ở lại theo Thầy, cũng có người được Pháp đưa về quê, rồi tìm cách trở lại núi. Thành ra sự bạo hành của Pháp không đem lại kết quả theo chúng mong muốn .

Tại thôn An Thành, **Đức Bổn Sư** nghe tin chẳng lành xảy ra nơi thôn An Định, tin đồn xôn xao lo sợ tai họa ấy sớm muộn sẽ đến cho thôn An Thành. Trong số đó, có hai anh em người hầu cận bên Ngài: Người anh tên **Năm Đôn**, người em tên **Sáu Lũy**. Hai anh em sợ quân Pháp đến bắt Ngài, nên khuyên Ngài lánh mình một thời gian. Nhưng **Đức Bổn Sư** vẫn điềm nhiên khuyên mọi người nên yên lòng. Bởi quá sợ chuyện xảy ra, nên hai ông **Đôn** và **Lũy** khiêng Thầy xuống xuống chở đi lánh nạn! Trong lúc quá gấp rút quên đem cơm gạo theo, đến lúc xuống chống ra không quá 7 cây số vừa mệt lại vừa đói, mới sực nhớ đến việc quên đem cơm gạo theo. Hai anh em đành ghé lại

Sóc người Miên nói dối rằng đi lỡ đường, xin cơm ăn đỡ.

Hai anh em ăn hấp tấp cho đỡ đói rồi vội vã ra đi, do đó mà gây nghi ngờ cho Sóc Miên này, họ cho rằng hai người là kẻ cướp bắt người cho chuộc nên họ hùng hổ đuổi theo. Trong tình thế cấp bách, hai ông **Đôn** và **Lũy** bèn lấy chiếc mền gói kỹ chiếc ấn **Bửu Sơn Kỳ Hương** lại đem giấu dưới trấp (đến nay chỗ ấy còn có tên kỷ niệm gọi là bưng ông Bửu, cách núi Dài khoảng 8 cây số). Khi giấu xong cái ấn, hai anh em chống đi chẳng bao xa, bị bọn người Miên theo kịp bắt lại:

Mắt xem còn cũng chẳng xa
Bửu Sơn mền gấm đập ngay xuống sình
Cao Miên theo dõi bắt mình
Dẫn người đem lại về trình Huyện quan.

Khi ba thôn (An Định, An Hòa, An Thành) hay tin Thầy bị bắt, đều xôn xao than khóc. Những người bình tĩnh thì hội hợp lại để bàn thảo kế hoạch giải cứu. Trong số đó có ông

Hương Đệ là người có nhiều mưu trí, ông kêu gọi những nhà khá giả chung đậu một số tiền để hối lộ Quan Huyện người Miên. Kết quả lời kêu gọi của ông được số tiền là 50 đồng , người trong đạo giao quyền cho ông **Hương Đệ** đi lo lót cho Huyện quan. Ông **Hương Đệ** đến nơi cũng nói khéo rằng mấy ông già này là người làm ăn đi lạc đường, xin cho ông lãnh ra, với số tiền trà nước cho quan Huyện. Quan Miên ưng thuận không giải người đi, nhưng phải chờ chạy tở ra quan Tham biện Châu Đốc coi dạy lẽ nào, chừng ấy sẽ cho lãnh ra .

Không ngờ Tham biện khi được tin liên tập trung binh lính kéo vô Tri Tôn, để xem mặt người bị bắt cho tường tận, chừng đó quan Miên mới được phép thả! Đến Tri Tôn, Tham biện truyền dẫn mấy người bị bắt ra cho hấn nhìn mặt. Nào ngờ trong số người bị bắt đó có một ông già khoảng chín mươi tuổi, mặt mày tái mét, mũi dãi lào thào, trong như người mắc

bệnh hủi⁽¹³⁾. Người Pháp họ rất sợ truyền nhiễm, khi thấy ông già mang chứng bệnh hiểm nghèo ấy, liền khoát tay bảo hương chức thả ngay.

**Quan xem thương tiếc ông già
Một hai chờ chết, sống mà được đâu
Hối làng gấp gấp mau mau
Dem về thang thuốc may hầu sống chẳng!**

Được tin **Đức Bốn Sư** được người Pháp trả tự do, tất cả tín đồ đều vui mừng không xiết kể, đãi cơm bầu nước đến Tri Tôn rước Ngài về An Thành. Khi Ngài về đến chùa **Châu Linh** (An Thành), Hương xã **Đẹt** vào lạy **Phật** xong, bèn trở ra bàn cùng những vị cao đồ của đạo, đóng một cái hòm, giả trá ra một cuộc tang chế và công bố rằng. Ông già bệnh hôm qua đã chết để che mắt người Miên. Cổ quan tài này cũng khiêng đi chôn như thật và vô bộ khai tử đảng hoàng:

(13) Lúc này Đức Bốn Sư vận dụng thần lực hóa mình thành một ông già mang bệnh hủi (cùi)

Áo quan ai dễ biết chi

Đãi đàng Làng Xã ra đi táng hàng

Kim Lăng mộ táng An Thành

Mai danh ẩn tích lánh mình núi non ⁽¹⁴⁾

Từ đó, các đệ tử đưa **Đức Bổn Sư** lên núi Dài mà ẩn nấu, không ai được đến gặp Ngài kể cả sự viếng thăm. Chỉ trừ một số ít người thân tín chăm sóc Ngài mà thôi.

7. PHÁP NẠN LẦN THỨ BẢY

Sau khi Pháp giải tán Đạo **Hiếu Nghĩa** và chở tín đồ đưa về nguyên quán. Chúng còn sợ những người trốn ở lại sẽ theo **Đức Bổn Sư** mà xây dựng lại cơ sở chùa chiền, nên chúng quyết định "trảm thảo trừ căn" làm cho Ngài không còn nơi nương tựa mà qui tụ tín đồ nữa.

Bởi thế, cách đó không bao lâu, một hôm Pháp tập trung binh lực, bất thần kéo vào núi

(14) Ngôi mộ giả chôn Đức Bổn Sư tại doi Hai Ký (Núi dài) thuộc thôn An Thành, nay là xã Lương Phi. Hằng năm đến xuân sang tín đồ Hiếu Nghĩa vẫn đến làm lễ Tảo mộ.

Tượng, triệt hạ tất cả chùa chiền đốt phá hết nhà cửa của tín đồ, thu thập tất cả những vật cần thiết cho đời sống, và chở đi những vật thiêng liêng của đạo mà tín đồ hết lòng sùng bái và tín ngưỡng: ⁽¹⁵⁾

**Quan quân xem thấy kinh hồn
Chùa cao cột lớn mới ôm đặng nào?
Quan rằng liệu tính làm sao
Dùng dây mà buộc giựt nhào ngã lăn
Tràng phan, cột phướn nhỏ quăng
Còn bàn hương án bắt dân khiêng rày
Kìa là long trụ hai cây
Truyền dân khiêng vác xe ngay xuống tàu ...**

Trong cuộc càn quét chùa chiền, đốt phá nhà cửa của Đạo **Hiếu Nghĩa** lần này, chúng đốt phá tất cả, chỉ còn sót lại ngôi miếu Bồng Lai (không biết dụng ý của chúng hay vì quá mệt mỏi mà bỏ sót?).

(15) Trong cuộc càn quét này, người Pháp có chở đi một cái khánh vị (Hương án) và cặp Long Trụ chạm trổ rất tốt để thờ tại chùa Tam Bửu. Chúng chở đem về Sài Gòn hiện còn một ít di tích tại Bảo tàng viện Sài Gòn.

Lần pháp nạn này, có thêm một kỷ niệm chua xót đáng buồn cho người đạo, vì lần này Pháp có qui tụ theo một số đồng bọn du thủ, du thực ở các Làng khác và bọn người Miên vào đây vơ vét những vật dụng cần thiết:

**Các làng mừng chạy bôn chôn
Kéo vô An Định coi còn vật chi
Kẻ thời chở ghé lấy nghi
Dỡ nhà vác cột một khi đem về
Bạc tiền lấy hết bọn bê
Bắt bò xúc lúa đem về rất đông.**

Quân lính của Pháp lo triệt hạ chùa miếu đốt phá nhà cửa của đồng bào, còn bọn người "con hôi" thì vơ vét của cải, lừa bò bắt heo không một món nào mà chúng chừa. Khi vơ vét hết những món cần thiết, họ lại bứng luôn các thứ cây ăn trái mà chở về!

Tóm lại người Pháp quyết "dọn lán" cơ sở đạo, nên sau khi bọn chúng rút đi, thôn An Định trở thành một cảnh tượng tiêu điều, nhà tan của mất! Nhà cầm quyền Pháp chở những

vật dụng quan trọng của đạo đem về Châu Đốc đồng thời phúc báo cho dinh Toàn Quyền ở Sài Gòn hay:

**Tham Biện chạy giấy liền tay
Tòa trên nghị luận việc nay thế nào?
Giấy tờ chạy xuống rất mau
Tàu đò một chiếc chở về Thủ đô
Long trụ , Hương án hai đờ
Chở đi cho khéo để vô Bảo Tàng ...**

8. TÁI THIẾT CHÙA MIẾU.

Từ năm Bính Tý (1876) **Đức Bổn Sư** dìu dắt tín đồ vào núi Tượng, mở mang thôn ấp, truyền bá giáo lý **Tứ Ân Hiếu Nghĩa** đến năm Mậu Tý (1888) tất cả là 12 năm. Trong 12 năm đó có đến 7 lần pháp nạn, 3 lần bị triệt hạ chùa miếu, nhà cửa bị đốt phá, nên đạo bị giải tán⁽¹⁶⁾.

(16) Sấm Ngũ Giáo có đoạn Đức Bổn Sư than về trường pháp nạn :

Bây giờ mới hết trường nhì
Niệm Trời lại Phật mấy khi cho tường,
Lời thầy nói gẫm thêm thương !
Nào ai có biết mấy trường mà lo !...

Những lần pháp nạn này đều do giặc Pháp và bọn thân Pháp chủ mưu, còn nạn người Miên hiếp đáp, giết người cướp của không sao kể xiết! Dầu bị nhiều tai kiếp gian khổ, **Đức Bổn Sư** vẫn đi thẳng một đường giáo hóa chúng sanh, canh tân Phật Pháp, trước nạn bạo hành của người dị chủng.

Chịu đựng mãi như thế đó, cho đến ngày rằm tháng 2 năm Mậu Tý (1888), nhà cầm quyền Pháp thấy rằng chính sách bạo tàn máu lửa không đàn áp được lòng tín ngưỡng cao độ của tín đồ Hệ Phái **Tứ Ân Hiếu Nghĩa** nên chúng cho phép Ngài trở về núi Tượng tái thiết chùa chiền, giáo hóa tín đồ hành đạo. Nhưng phải chịu kỷ luật chúng kiểm soát, những thôn ấp của Ngài mới mở do chúng sắp đặt và tổ chức Hội Tề. Do đó, kể từ lúc này thôn An Định chịu sát nhập vào xã Ba Chúc của người Miên. Thôn An Thành sát nhập vào xã Lương Phi, trở thành ấp An Thành .v.v...

Sự dễ dãi của Pháp đối với đạo **Tứ Ân Hiếu Nghĩa** đều nằm trong một chương trình chung rất thuận lợi cho họ. Vì tình thế nước Việt Nam lúc bấy giờ đã gần như xuôi thuận một chiều, trọn Miền Nam nước Việt đã nằm gọn trong bàn tay thực dân Pháp. Vua **Hàm Nghi** vừa bị bắt ⁽¹⁷⁾. Đàng Cần Vương và Văn Thân cũng dần mòn, không còn cuộc chống đối nào đáng kể đối với họ. Nên người Pháp lần lần thay đổi đường lối bạo hành bằng lối chính trị mị dân để tiện việc đặt nền móng đô hộ ⁽¹⁸⁾.

Mặc dầu bị Pháp đuổi đi, đốt chùa phá nhà nhiều lần, nhưng những người trung kiên với Đạo vẫn lén lút về đây, che tạm những chiếc chòi tranh nho nhỏ mà thờ phượng và đùm bọc nắng mưa. Khi hay tin nhà cầm quyền Pháp cho trở về, thì:

⁽¹⁷⁾Vua Hàm Nghi bị bắt vào ngày 25.09.1888, theo Việt Nam sử lược của Trần Trọng Kim.

⁽¹⁸⁾Ngày 15.11.1887 Pháp đặt Phủ Tổng Đốc toàn quyền tại Sài Gòn. Vị toàn quyền Pháp đầu tiên tại Sài Gòn tên là Constant, theo Việt Nam sử lược của Trần Trọng Kim.

**Bổn đạo các xứ hay liền
Kẻ ghe người bộ đồng thuyền thẳng lên
Kẻ thời phát cỏ dọn nền
Đốn cây tranh lá đôi bên soạn làm ...**

Kẻ đến trước thì dọn nền, cắt tranh đốn cột để tạo lại nhà cửa, thương hại cho người đến sau, khi ghe vừa đến vàm kinh Vĩnh Tế thì lính Mã Tà ở đây xét hỏi và mắng chửi không cho vào núi Tượng:

**Vĩnh Ngươn đồn đóng ngoài vàm
Mã Tà canh thủ, ai toan lẽ nào?
Ghe thuyền tra giấy gát gao
Ai về núi Tượng ào ào đuổi ra ...**

Mặc dầu chúng đàn áp, cấm không cho vào núi Tượng. Nhưng vì thương Thầy mến Đạo, bằng cách này hay cách khác, cũng có một số người thoát khỏi màn lưới canh phòng mà đi vào núi an toàn. Kẹt lại một số đông thiếu phương tiện, đành đậu lại vàm kinh mà chờ cơ hội.

Đến tháng ba cùng năm, bệnh thời khí nổi lên hoành hành khắp vùng An Giang, Châu Đốc, người và vật hao hốt rất nhiều. **Đức Bản Sư** hay tin chẳng lành này, bèn cấp cho mỗi tín đồ một đạo bùa, nên ác bệnh không hề xâm phạm đến.

Ác bệnh càng hoành hành, bọn lính gác ở đồn Vĩnh Ngươn càng sợ hãi, không màng đến việc cản trở ghe thuyền lui tới. Nhờ đó mà những người bị kẹt tại đây được đi vào núi Tượng thông thả.

Đức Bản Sư động mỗi từ tâm, Ngài bèn cấp lệnh phù, dạy thuốc điều trị. Và phân công cho các vị cao đồ về những vùng có xảy ra ác bệnh mà cứu thế độ nhơn. Đến tháng 6 cùng năm, các vị cao đồ mới chặn đứng được chứng bệnh Thiên thời truyền nhiễm:

**Tháng năm, tháng sáu mới bình
Nhân dân khỏe mạnh giữ gìn làm ăn ...**

V – NHỮNG ĐIỀU LINH ỨNG VÀ HUYỀN DIỆU

Mỗi vị **Hoạt Phật** trong Giáo Hệ **Phật Giáo Bửu Sơn Kỳ Hương** khi chứng đắc Đạo quả, thường tiên tri những việc vị lai, nhắc lại quá khứ và chữa trị cho người đời những chứng ác bệnh nan y. **Đức Bốn Sư** là một vị đã chứng tỏ điều đó.

Chúng tôi xin ghi lại những mẫu chuyện ứng nghiệm đã xảy ra khi **Đức Bốn Sư** còn tại thế và sau khi Ngài viên tịch. Thêm vào đó còn có những Sấm ngữ chưa xảy ra, để cho môn đệ nhìn vào đó mà răn mình, hoặc theo dõi những biến chuyển của thế cuộc và tương lai trong nền Đạo .v.v... Góp nhặt những mẫu chuyện sau đây căn cứ đủ mọi hình thức: Truyền khẩu cũng có, ghi vào Lịch sử truyền Đạo của Ngài cũng có, chép ra thành kinh giảng cũng có.

Chúng tôi cố gắng ghi trung thực ra đây không hề thêm bớt.

1. TIÊN TRI VIỆC DỜI SAI NỀN CHÙA.

Vào năm Nhâm Ngọ (1882) **Đức Bổn Sư** hướng dẫn đệ tử đến triền núi Dài, Ngài xem Địa hình Địa vật để mở thôn An Hòa. Trước khi phá rừng mở đường sá để dời tín đồ về đây, Ngài xem phong thổ để chọn một địa điểm cất chùa làm trung tâm truyền bá giáo pháp cho thôn mới.

Khi cắm trung tâm nền chùa xong, Ngài chỉ phương hướng cho các đệ tử đến đó làm lễ trảm thảo, đắp nền. Nền đắp xong, Ngài đến xem xét lại. Khi Ngài xem hết chu vi nền chùa, Ngài bèn than rằng: Anh Chị đắp nền này đã sai trung tâm của tôi cắm rồi. Thôi lỡ rồi, số phận định sao hay vậy. Sau này họ "**Mao**" nó ở chỗ không sao.

Tuy Ngài nói vậy, nhưng vẫn đốc thúc tín đồ dựng xong ngôi chùa. Ngài đặt tên là "**Phổ**

Đà Tự". Ngôi chùa này là trung tâm của thôn An Hòa. Còn họ **Mao**? Tín đồ vẫn không biết Ngài ám chỉ vào người hay vật gì ? Nhưng sau khi Ngài viên tịch một thời gian, quân Pháp kéo vào Chùa **Phổ Đà** mà đóng đồn, và chuyển qua tay quân đội khác đóng đồn mãi cho đến ngày nay ...

2. TIÊN TRI VIỆC PHÁP KHỦNG BỐ CHẠY LOẠN VƯỜN DẦU.

Người Pháp đã nhiều phen tổ chức bắt **Đức Bốn Sư**, để dân chúng không còn tụ tập vào nơi chúng khó kiểm soát nữa. Chúng thường sai những người trung thành với thực dân, len lỏi vào hàng ngũ của Đạo mà thi hành việc này, trái lại, những người lãnh lệnh bắt Ngài lại là người quy y theo Đạo rất trung kiên, như trường hợp ông **Nguyễn Thanh Liễu** tức **Năm Củi** là một. Do đó, chúng càng khó chịu và lưu tâm đến đạo **Hiếu Nghĩa** càng nhiều hơn.

Tháng giêng năm Ất Dậu (1885) Ngài truyền cho tín đồ lập trường đá gà. Nhưng gà không được thiến tích, không được phép nói tiếng ăn thua. Lớn nhỏ cũng đá, không cần vai chạn chi cả, chỉ để đá chơi mà thôi. Ngài còn dạy đệ tử sửa soạn để đi du hồ:

**Thầy rằng truyền dạy vậy thì
Mai chiều nam nữ phải đi du hồ ...
Phong trần đều đủ phải cho
Suối tiên tắm mát gậy dò thuốc linh.**

Tuy Ngài bảo làm như vậy, nhưng tín đồ vẫn ngơ ngác không hiểu việc lập trường đá gà và sửa soạn đi du hồ ý nghĩa ra làm sao? Ngài còn cho biết thêm: Hôm nay có đủ mặt anh chị ở đây, tôi sẽ cho anh chị một bài kệ để đời. Kệ rằng :

**Cửa Thiên rày đã bật hơi bon
Huê hạc hương bay cảnh vẫn còn
Trống sấm năm canh nghe lặng lẽ
Kèn kêu muôn dặm hơi còn non
Dưới hồ mưa lấp Sen tươi tả
Trên đỉnh sương sa đá chẳng mòn**

Ngành thuở gìn vàng ghi dạ ngọc

Chín trùng non nước biệt tôi con⁽¹⁹⁾

Các Đại đệ tử của Ngài chép bài kệ này, mỗi người bàn một ý. Không ai dám quả quyết Ngài muốn cho tín đồ biết việc gì sắp xảy ra?

Tương truyền rằng: Lúc **Đức Bổn Sư** đang chứng một lễ cúng, bỗng có tín đồ của **Đức Phật Trùm** từ núi Tà Lôn đến, Ngài cho mời người ấy vào. Người ấy vào xá **Đức Bổn Sư** và dâng lên cho Ngài 4 đòn bánh tét và nói rằng: "Thầy tôi sai đem 4 đòn bánh tét này cho ông Đạo ở núi Tượng". Các đệ tử hỏi Ngài, **Đức Phật Trùm** cho bánh tét với ý nghĩa gì? Ngài đáp: "Ấy là Ngài **Trùm** ngạo ta rằng đến tháng tư thì chạy tét!". Ngài nói sao hay vậy, chớ tín đồ cũng không hiểu ra làm sao?

Đức Bổn Sư bèn gửi trả lễ cho **Đức Phật Trùm** 3 trái Thơm. Các đệ tử cũng hỏi về ý nghĩa 3 trái thơm? **Đức Phật Trùm** đáp: "Ông

(¹⁹) Người tín đồ Hiếu Nghĩa sau lấy 8 câu thi này tạc vào cột gạch trước chùa Phổ Đà thuộc thôn An Hòa.

Đạo trả lời rằng: Tuy phải chạy tét vào tháng tư, nhưng thời gian 3 tháng sẽ trở lại và được danh thơm".

Quả nhiên đến tháng 4 giặc Pháp khủng bố tàn nhẫn, Ngài phải diu dắt tín đồ chạy loạn đến vườn Dầu (Cao Miên). Chừng ấy tín đồ mới vỡ lẽ cuộc đối thoại đã nêu trên và tháng tư là tháng Dậu cùng năm Dậu (chỉ Dậu là gà) một đôi gà cùng đá .v.v...

3. CHUYỆN ÔNG CỬ ĐA.

Lúc bấy giờ, vùng Bảy Núi là nơi hoang vu, nhiều hổ lang ác thú. **Đức Bốn Sư** vào khai hoang mở Đạo tại đây cùng với lúc Đảng Cần Vương tan rã. Quân Pháp đã chiếm trọn Miền Nam nước Việt. Do đó mà cơ sở Đạo **Hiếu Nghĩa** như là một tàng cây cổ thụ, dùng để cho các cánh chim giang hồ về đây đục nắng, mưa. Hay nói rõ hơn, cảnh rừng núi Thất Sơn dễ làm nơi ẩn lánh và qui tụ của những nhà chí sĩ **Cần Vương**, khi chống Pháp sa cơ thất thế, trở về

đây núp bóng chờ đợi thời cơ. Trong số đó có ông **Cử Đa** là một.

Tương truyền rằng: Ông **Nguyễn Văn Đa**, người đời gọi là **Cử Đa** (chưa rõ "Cử" là ông Tú, ông Cử hay là một biệt hiệu?) cùng với ông **Trần Văn Thành** mở chiến khu Bảy Thưa (Nhà Láng) để chống Pháp. Khi thất bại, ông Cử chạy về đây thụ giáo với **Đức Bổn Sư**, Ngài đổi danh hiệu cho ông **Cử** là **Thủ Tọa Trực**.

Sau một thời gian, Ông **Cử** ẩn mình trong lớp áo người Cư sĩ của đạo **Tứ Ân Hiếu Nghĩa**, ông nghe tin giặc Pháp khủng bố nơi này, cường hào ác bá hoành hành nơi khác, máu anh hùng của ông bùng sôi trong huyết quản, mối hờn vong quốc sống dậy trong lòng ông. Lúc ấy, cũng có những vị Đạo sĩ ở núi Tà Lơn luyện bùa phép, biết phi kiếm, phi đao cũng về ở vùng Bảy Núi để chờ cơ hội đánh Pháp. Các vị Đạo sĩ này hằng ngày kêu gọi lòng yêu nước của ông **Cử**, và rủ ông cùng lên đường chống giặc.

Hoàn cảnh cũng như thân thể của ông nó không cho phép dừng một nơi, miệng niệm **Di Đà**, tay lần tràng hạt, nên ông vào bạch với **Đức Bổn Sư** cho ông lên đường chống giặc. **Đức Bổn Sư** bảo rằng: “Lòng yêu nước của ông **Cử** tôi đâu dám cản, nhưng thời cơ chưa đến, khí số Pháp còn dài. Đến chừng Trời định thì đàn bà gõ đũa bếp lên đầu, nó cũng không nói⁽²⁰⁾”. Ngài nói tiếp: “Anh hãy về đóng một cái cối xay lúa đem lại đây, nếu tôi gõ ba tiếng chuông mà cối không bể, thì cuộc chiến chống Pháp của anh sẽ thành công”.

Ông **Cử** nghe lời về đóng cái cối xay với ba niềng sắt. Đóng xong, ông bèn đem đến trình với **Đức Bổn Sư**. Không cần xem xét, Ngài liền đi thẳng đến bàn kinh đánh lên ba tiếng chuông, tức thì cái cối của ông **Cử Đa** liền rã ra làm bốn mảnh!

(²⁰)Việc này ứng nghiệm vào năm 1945 Pháp bị Nhật rượt chạy vào thôn quê đói khát, vào nhà dân xin cơm, đàn bà Việt Nam không cho mà còn đuổi đi.

Mặc dầu thất vọng, nhưng ông **Cử Đa** cương quyết chống Pháp cho đến kỳ cùng. Ông âm thầm kết hợp những đồng chí cũ, và các vị Đạo sĩ ở núi Tà Lơn, kéo binh ra đột kích đồn Cây Mít của Pháp (ở mé kinh Vĩnh Tế). Vì binh ít, vũ khí thô sơ nên đành thất bại, hàng ngũ lớp chết lớp rã tan. Ông **Cử** không trở về núi Tượng nữa, nhờ những vị Đạo sĩ hướng dẫn ông và một số thủ hạ thẳng đường về núi Tà Lơn. Nghe đâu sau này ông chứng đắc đạo quả.

4. CHỨNG QUẢ NGƯỜI TỰ THIÊU:

Nhiều cuộc chống Pháp xảy ra dồn dập, như vấn đề ông **Cử Đa**, tên **Thập**, ông **Nguyễn Thanh Liễu** .v.v... những người này họ võ trang bạo động, riêng đại đa số tín đồ **Hiếu Nghĩa** thì "Bất bạo động, bất hợp tác". Do đó, người Pháp mới đi đến quyết định giải tán Đạo và triệt hạ chùa miếu để tránh những hậu quả sâu xa về sau.

Ngày 15 tháng tư năm Ất Dậu (1885) quân Pháp tấn công vào càn quét núi Tượng. Trong chuyến đại bố này có rất nhiều người Miên. Miên thân binh cũng có, Miên "con hôi" cũng có. Khi hay tin chúng kéo đến Vĩnh Thông (cách núi Tượng khoảng 4 cây số). Tất cả tín đồ đều xôn xao không biết chạy đi đâu. Họ bèn bu quanh theo **Đức Bốn Sư**:

**Thôi thôi chẳng biết chạy đâu
Tự ra Tam Bửu mà cầu Phật Tiên
Đua nhau lớn nhỏ đi liền
Trẻ già tự hết gần miền canh hai
Mãn còn than vắn thở dài
Người đều tha thiết ai hoài thảm thương
Gẫm trong sanh tử lẽ thường
Nội làng Đại, Tiểu nấu nướng trong chùa ...**

Trong lúc tín đồ tự đến chùa đông nức, kẻ khóc người than, thì quân Pháp kéo đến bao vây chùa. **Đức Bốn Sư** rất bình tĩnh như không việc gì xảy ra. Ngài hợp tất cả tín đồ lại mà nói rằng: “Việc đã đến thế này, anh chị đã

gom hết vào chùa để cùng tôi nổi lửa đốt chùa hầu đi theo **Phật**, còn hơn là để cho bị giặc bắt!”. Mọi người nghe Ngài nói vậy, không ai dám tự thiêu, chỉ yêu cầu Ngài dắt dẫn cho đi trốn giặc mà thôi.

Tuy nói vậy, nhưng Ngài đi thấp hương và van vái đều đủ các bàn **Phật** đoạn Ngài trở ra dắt tín đồ đi về hướng Tây Bắc núi Tượng. Tất cả già trẻ bé lớn là 1800 người vẫn đi công khai ra cửa. Quân Pháp và Miên không ngăn cản hay xét hỏi điều chi! Ngài hướng dẫn tín đồ qua kinh Vĩnh Tế, lội băng đồng, nhắm thẳng địa điểm Vườn Dầu (Cao Miên) mà đi.

Không ai đoán việc Ngài dắt tín đồ đi tị nạn trên đất Miên có tác dụng gì? Tại sao Ngài không đến núi Dài mà ẩn náu? Vì hiện giờ Ngài đã mở ra hai thôn An Hòa và An Thành. Thôn An Thành cách nơi xảy ra ngót 8 cây số, rừng núi chập chùng có thể chứa hàng trăm ngàn người, Pháp cũng không làm sao tìm ra tông tích. Tại sao Ngài phải khổ sở đến tá ngụ

trên đất Cao Miên? Chuyện ấy thuộc về huyền vi, đời sau này ai muốn bàn thế nào cũng được.

Khi đi giữa đường, Ngài bảo tín đồ dừng lại để cầu kinh siêu độ cho hai người tự thiêu vì đạo pháp! Toàn thể tín đồ cũng tuân theo lệnh Ngài, chớ không hiểu ra làm sao. Đến sau mới biết ra, trong ngày giờ đó có hai vợ chồng người tín đồ già vừa liễu đạo tại núi Tượng.

Nguyên có hai vợ chồng người tín đồ già, nhà ở cách chùa khoảng 500 thước, khi hay tin giặc Pháp vào đốt phá chùa miếu và giải tán Đạo. **Đức Bốn Sư** đã nói những lời lẽ thống thiết với tín đồ. Khi Ngài hướng dẫn họ ra đi, vợ chồng ông Lão tự nguyện ở lại để làm đúng theo lời Ngài đã nói "Tự thiêu để về với **Phật**, không thể để cho giặc bắt".

Do đó, ông chờ Ngài đi xa, mới bàn với bà nên tự thiêu để không còn nhìn cảnh thống khổ trước mắt. Đồng thời, cũng tỏ thái độ phản đối sự vô nhân đạo của giặc Pháp! Bà đồng ý, nên hai ông bà bèn bế cửa mà tự thiêu! Khi ngọn

lửa tàn, thân xác của hai ông bà cũng cháy tiêu theo sự nghiệp. Có lẽ, hai vợ chồng người tín đồ **Hiếu Nghĩa** này, đã mở kỷ nguyên vấn đề tự thiêu vì Đạo pháp tại Việt Nam?

5. TIÊN TRI CUỘC PHẢN THANH PHỤC MINH CỦA NƯỚC TÀU.

Như chúng tôi đã nói ở những chương trước, người vào đạo **Tứ Ân Hiếu Nghĩa** thờ tượng **Quan Thánh** và cúng dường bằng chuông mõ, nên người Trung Hoa họ thừa cơ hội đó mà bán những vật đạo cần thiết rất đắt giá, như : Kinh điển, tượng **Quan Thánh**, chuỗi **Bồ Đề**, chuông mõ .v.v... thay vì lúc đầu họ cho thỉnh không.

Từ việc cho thỉnh không để quảng cáo, đến biến thành khách hàng để thương mãi là việc chuyên nghiệp của người Tàu. Các tín đồ vào bạch với **Đức Bổn Sư** về việc thương mãi của họ. Lúc ấy, Ngài đang tham thiền tĩnh tọa, bỗng nhiên Ngài ứng khẩu : "*Trước ngày đi tôi*

đã dặn nó: Bò đê, Chuông mõ thì phải ấn tổng không, bây giờ nó cãi lời tôi mà bán, tôi sẽ trở về bắt chóp nó".

Sau khi Ngài viên tịch một thời gian, cuộc cách mạng phản đế của Trung Hoa thành công (Tân Hợi – 1911) Chính Phủ Lâm Thời của họ ra lệnh "*Cắt Đuôi Chệt*" của người Mãn Thanh. Chừng đó tín đồ Đạo **Hiếu Nghĩa** mới biết sự ứng nghiệm theo lời tiên tri của Ngài.

6. CUỘC MỞ ẾM Ở THỦY ĐÀI SƠN.

Khi **Đức Bản Sư** hướng dẫn tín đồ từ Cù Lao Ba vào núi Tượng, lúc đến Vĩnh Thông (cách núi Tượng 4 cây số) Ngài truyền tin tín đồ dừng lại, tạm trú nơi bờ kinh.

Một hôm, Ngài cùng một số Đại đệ tử lên núi Tượng để xem phong thủy, và chọn căn cứ làm trung tâm truyền đạo. Khi Ngài đến hòn **Thủy Đài Sơn** (tục gọi là núi Nước) Ngài bèn cản các đệ tử lại không cho đi tới nữa. Ngài cho biết, nơi đây có làn độc khí và 5 vị hung Thần.

Vì độc khí phát hiện từ hang Thuồng Luồng nơi trũng phía Tây, còn năm vị hung Thần ở 5 góc bọng cây Da nọ, do người Tàu sai khiến giữ năm cây ếm của họ.

Ngài còn cho biết thêm: Người Tàu họ có một phái Phù Thủy rất lợi hại, bọn này chuyên đi ếm đối khắp xứ, nhưt là các nước láng giềng, khi họ thấy có xứ nào phong thủy đẹp, có thể xuất Thánh, hoặc hào Vương Tướng có lợi cho kẻ khác, nếu họ chiếm làm chủ không được thì họ cũng ếm trừ cho lụn bại!

Giải thích xong, Ngài dắt đệ tử trở về. Hôm sau, Ngài ra một kiểu khăn bùa màu vàng, vẽ trên nhiều điều. Và một kiểu khăn khác để bịt đầu rìu cho thợ mộc. Ngài cùng chư đệ tử trở lại **Thủy Đài Sơn** để lấp hang Thuồng Luồng, hạ cây Da và đào lấy ếm của người Tàu, công việc xong đâu đó, các đệ tử vẫn bình yên mà trở về.

Những kiểu khăn này, Ngài truyền lại cho vị Đại đệ tử là ông **Trần Tịnh**, pháp danh là **Ngô Thiện Căn**, hiện nay con cháu của ông

Trần Tịnh vẫn còn cất giữ. Ngoài những kiểu khăn kể trên, Ngài còn cho ông **Trần Tịnh** một đồng xu bằng vàng, công dụng của đồng xu này dành để khi hạ những cây cổ thụ nào nghi có tinh quái, lập tức tung đồng xu này lên thì hạ cây rất dễ dàng.

Người Trung Hoa kiêu ngạo ở Hà Tiên, hay tin Ngài đã lập hang Thuồng Luồng và mở ếm, họ bèn báo cáo với Pháp rằng: "Tại kinh Vĩnh Tế có một người cách mạng, đang chiêu tập đồ chúng để chuẩn bị chống Pháp".

Từ đó nhà cầm quyền Pháp hết sức lưu ý đến những hành động của Ngài. Điều này cũng là một trong những vấn đề khởi nguồn cho việc khủng bố đạo Hiếu Nghĩa.

Tuy biết vậy, nhưng Ngài vẫn không lùi bước trước bạo lực, Ngài vẫn hướng dẫn tín đồ đến phía Đông núi Tượng khai hoang mở đạo, lập thôn ấp, cất chùa miếu lưu truyền cho đến ngày nay.

7. HỔ CỬ SÁT SANH.

Theo lời lưu ngôn của các vị tiền bối: Khi ông **Nguyễn Văn Thoại** phụng chiếu chỉ đến đốc suất đào kinh Vĩnh Tế, từ Châu Đốc xuyên Hà Tiên. Cuộc làm xâu này, dân chúng vô cùng khốn khổ, kẻ thì trốn về xứ phải lội ngang sông Hậu Giang, nhưt là khoảng Vàm Nao, bị cá mập ăn không biết bao nhiêu người. Phần lớn bị sơn lâm chướng khí đau ốm nằm dựa bờ kênh, ban đêm bị Cọp, Beo từ Bảy Núi xuống đây hạ sát vô số kể!

Người lúc bấy giờ thường nói: **Đức Bản Sư** dất tín đồ vào đây mở rừng, lập Làng mới, không khác nào dất dẫn người vào đây để hiến cho Cọp, Beo! Nhưng trái lại, từ khi Ngài vào đây mở rừng, lập giáo cho đến ngày nay không hề xảy ra nạn tai về Hổ lang ác thú. Trong ấy có những điều ứng nghiệm khiến cho người đời lưu ý.

Khởi đầu cho cuộc khai mở thành lập thôn An Định, khi đến phía Nam ngọn đồi lớn của

núi Tượng, bỗng gặp một đống xương cao nghệu, xương người có, xương thú có. Mọi người trông thấy đều hãi hùng! **Đức Bốn Sư** bèn truyền bốn đạo đào huyệt mà chôn đống xương ấy, đồng thời Ngài truyền dọn nền tại đây mà thiết lập một ngôi miếu, tên là: **Mã Châu Miếu**.

Một hôm, có ông Lão từ núi Dài đến núi Tượng, xin ngủ nhờ nhà một người ở xóm núi Nước. Ông nói là đợi khuya đón người đi chợ Lạc Quới để gửi mua thịt heo dùm. Liên tiếp hai đêm, ông Lão đều đến xin ngủ nhờ và làm y như vậy. Chủ nhà sanh nghi nên dò xét chỗ ông Lão ngủ, xem có gì lạ không? Bỗng người chủ nhà kinh ngạc, khi biết ông già ngủ chỗ nào là đái dầm chỗ đó! Qua đêm thứ ba, chủ nhà cố thức rình xem kỹ hành động của ông già quái lạ này.

Đến khuya, ông già ngủ say, bỗng nhiên hiện nguyên hình là một lão Cọp bạch nằm ngủ ngáy vang như sấm! Chủ nhà không dám ngủ,

thức trắng đêm tâm niệm thần chú "Giáng Long phục Hồ" của **Đức Bốn Sư** truyền thọ, và cố cắn răng lẳng lặng mà chờ sáng. Mặc dầu ông chủ nhà thường nghe **Đức Bốn Sư** giảng giải: "Những loài ác thú ở đây đều có quy y với Tôi cả. Nếu anh chị có đi rừng núi, rủi gặp họ thì cứ xem như là đồng đạo và niệm chú **Giáng Long Phục Hồ** thì không có chuyện gì xảy ra".

Tuy biết vậy, nhưng ông cũng không dám tin tưởng trọn vẹn, vẫn phập phồng lo sợ từng chập, đôi mắt không rời chỗ "Ông già Cọp Bạch" đang ngủ!

Trời vừa mờ đất, ông phóng nước đại đến Chùa **Tam Bửu**, vừa gặp **Đức Bốn Sư**. Người liền mỉm cười hỏi:

– Chắc đêm nay anh không ngủ được?

Ông chủ nhà vừa run rẩy vừa trả lời:

– Bạch Sư có ông Cọp Bạch đến ngủ nhờ nhà đệ tử trong ba đêm liền, để gởi mua thịt heo.

– Vậy anh không thấy đống xương to lớn ở miếu **Mã Châu** sao? Ngài lại nói tiếp: Lão

Bạch Hổ đó là Chúa sơn lâm ở đây, đã quy y **Phật Pháp** rồi, nên ông ta phải đích thân đi mua thịt cho đồng loại ăn để khỏi phạm sát giới. Đồng đạo mà anh sợ nổi gì!

8. CHÚNG ĐẠI TRAI ĐÀN.

Người tu theo **Tứ Ân Hiếu Nghĩa** mỗi khi cúng kiến cầu siêu phải sắm đủ hai phần: Phẩm vật và Kinh Pháp. Ngoài hương đăng trà quả ra, các phẩm vật khác có chi cúng nấy. Kinh Pháp mới là phần chánh, phải tụng niệm đầy đủ đúng theo nghi thức của đạo.

Có một hôm, **Đức Bốn Sư** ra đứng nhìn Trời giây lát Ngài bèn trở vào chùa, hối đệ tử làm Sớ điệp gấp để đi chứng một đám Đại Trai Đàn. Các đệ tử của Ngài lấy làm lạ, nhưng vẫn tuân theo lệnh của Ngài chớ không dám hỏi.

Thông thường theo sự cúng kiến trong Đạo, bá gia phải trình giấy trước, trễ lắm cũng ba ngày, nay **Đức Bốn Sư** bảo phải làm một hai giờ cho xong phần sớ điệp, chuyện ấy chưa

từng xảy ra. Mặc dầu biết quá gấp, nhưng anh em Cư Sĩ cũng hợp lại để làm theo ý Ngài.

Giấy điệp xong, Ngài gọi các đệ tử theo Ngài đi cầu siêu lễ Đại cúng. Lúc ấy, vào khoảng nửa đêm, ai nấy chỉnh tề khăn áo cùng đi theo Ngài, chớ chưa biết lễ Đại cúng ở đâu? Khi đến một túp lều tranh, Ngài liền dừng lại và cho biết: Nhà này sắp làm Đại Trai Đàn. Các đệ tử thấy nhà quá nghèo, nhưng phân thiết lễ cũng rất trang nghiêm và sạch sẽ, bốn bên nhà đều có trồng hoa hương thơm bát ngát. Cửa tuy đóng, nhưng từ đằng trước có thể nhìn suốt tới sau bếp. Bàn thờ lót vạt tre, kê trên những gốc cây làm chân. Trên bàn đã đặt sẵn những phẩm vật cần thiết, khói hương bay nghi ngút.

Người Cư Sĩ vào gõ cửa và gọi nhỏ:

– Bà Hai, Bà Hai ra mở cửa có thầy đến.

Người đàn bà chạy ra mở cửa và rất kinh ngạc khi nhìn thấy **Đức Bốn Sư**, Ngài ung dung bước vào nói.

– Tôi nghe Chư Vị nói lại đêm nay chị cử đàn Đại cúng nên tôi và các anh chị đây đến chứng lễ và cầu siêu.

Người đàn bà quì xuống thưa:

– Bạch Thầy, gia đình đệ tử quá thiếu kém, không lo đủ phẩm vật, nên đệ tử không dám trình đến Thầy. Ngày qua, đệ tử có đi ra đồng bắt được một mớ cua, đợi đến tối mới nướng mà dâng cúng. Chỉ có phần Kinh Pháp là đệ tử lo đủ.

Đức Bốn Sư dùng lời lẽ đạo đức mà an ủi, đồng thời Ngài cho Bà biết tiếp :

– Lễ cúng của chị có ba điều mà người đời khó làm đủ được: Thứ nhất là niệm Kinh Pháp chính chắn. Thứ nhì là lòng thành. Thứ ba là cảm động đến mười phương chư **Phật**.

9. QUÀ Y CHUỐI CƠM NON.

Ngoài sự cúng kiến Tam Nguơn Tứ Quý ra. **Đức Bốn Sư** còn dạy tín đồ luân phiên nhau

mà tụng niệm tại chùa mỗi tháng ba lần (mùng chín, 19 và 29) gọi là phiên vọng U minh. Lúc ấy, Ngài còn cư ngụ tại nhà ông **Trần Tịnh**. Nhà này cũng thực hiện đúng theo quy tắc của chùa.

Một buổi sáng ngày 29, chị **Hai Đuộm** (dâu của ông Trần Tịnh) đi chợ về quên mua phẩm vật để dâng, cúng, chị Hai sợ cha mẹ chồng quở trách, nhưng vì chợ thì xa, đường thì vắng vẻ không dám đi một mình, để mua phẩm vật đã quên.

Bỗng chị nhớ ra, ngoài vườn có trồng một ít chuối cơm. Chị bèn cầm dao ra vườn, miệng van vái lâm râm, cầu cho gặp được một quày chuối gì để thay vào việc thiếu sót của mình. Nhưng không được toại nguyện, vì trợn vườn chuối chỉ có một quày chuối cơm non. Rốt cuộc, chị phải đốn và không quên khẩn vái cho quày chuối trở nên già, chín để khỏi bị quở trách. Đốn xong, chị chặt ra từng nải, rửa sạch

đem sắp lên bàn theo nghi thức đã có từ trước nhưng vẫn hồi hộp lo sợ không yên.

Đêm ấy chị không hề chớp mắt. Đến khuya chị thức dậy để lo đi chợ mua bán. Trước nhứt, chị ra xem những nải chuối mà chị hằng lưu tâm cầu nguyện thâu đêm. Bỗng chị hết sức vui mừng, vì những nải chuối cơm non ấy nó đã chín đỏ gay!

Sáng ngày cúng kiến xong, bà **Trần Tịnh** bưng chuối cho **Đức Bốn Sư** dùng. Ngài vừa lột chuối ăn vừa nói:

– Chị hãy đem ba trái chuối này cho con **Đuộm** nó ăn để được số bá niên trường thọ!

Bà Trần Tịnh không biết át giáp gì, nhưng cũng tuân theo lệnh Ngài, đem cất ba trái chuối của Ngài cho để dành cho nàng dâu.

Khi chị hai **Đuộm** đi chợ về, nghe mẹ chồng thuật lại như vậy, bèn quì xuống mà kể rõ sự thiếu sót của mình. Cả nhà nghe qua không khỏi lấy làm lạ.

10. GIỚI TỬU – RĂN UỐNG RƯỢU.

Người vào đạo **Hiếu Nghĩa** cũng kiêng cử Ngũ giới cấm, nghĩa là: Cấm sát sinh, cấm trộm cướp, cấm tà dâm, cấm nói dối, cấm uống rượu như giáo điều của Thiên Tông. Riêng phần giới tửu, **Đức Bản Sư** vẫn tùy theo cơ duyên của người tín đồ chớ không tuyệt đối cấm hẳn. Ngài thường khuyên răn tín đồ nên lánh xa rượu chè, nhưng lỡ chén khi tiệc tùng thì phải nghỉ ba ngày không nên tụng niệm kinh chú và trị bệnh⁽²¹⁾. Trong số Đại đệ tử của Ngài có ông **Sáu Đôn** rất trung thành với đạo và giỏi tài trị bệnh tà cho bá tánh, nhưng ông mắc phải chứng nghiện rượu rất nặng, không thể bỏ được.

Một hôm, có người nhà của ông Bảy (bá gia của đạo **Hiếu Nghĩa**) đến bạch với **Đức Bản Sư** rằng: ông Bảy thọ bệnh rất lâu uống

(²¹) Đây cũng một phương pháp giảm thiểu tửu giới cho người tu Hiếu Nghĩa tại gia. Nhưng thường hành công phu tụng niệm mà nghỉ đi 1 ngày là đường công phu bị thối chuyển. Nên không thể nghỉ công phu ngày nào giờ nào. Muốn công phu trì tụng liên tục thì không thể uống rượu.

thuốc chi không lành. Căn bệnh ông nay đến hồi nguy kịch, chỉ còn thêm thiệp trên giường mà chờ chết. **Đức Bốn Sư** bảo: Về thỉnh anh **Sáu Đôn** trị cho thì mạnh chớ chết chóc gì.

Người nhà của bệnh nhân đến thỉnh ông **Sáu Đôn**. Ông đến xem bệnh xong, bèn lấy thanh sắt trong túi ra (thanh sắt này là đồ nghề trị bệnh của ông), bắt từ đầu của bệnh nhân mà gõ dài xuống. Khi gõ đến bụng, bệnh nhân bỗng la lên: Chết tôi đi!

Ông **Sáu hỏi**: Mi là giống gì mà dám phá quấy bệnh nhân? Hãy nói mau.

– Bạch Thầy, tôi gốc là con chó Mực, trước kia oan gia này giết tôi mà ăn thịt, nên bây giờ tôi đến mà đòi mạng!

– Thôi, nhà người cho ta xin đi. Hồi trước người này khác, hôm nay đã tu hành rồi, hãy tha cho người ta. Muốn gì ta bảo gia chủ trả lễ cho.

– Tôi chỉ cần Thầy tụng cho ba đêm kinh siêu độ để được hóa kiếp.

– Tha cho người khỏi bệnh. Ta hứa giữ lời mi đòi hỏi.

Ông Sáu vẫn giữ lời hứa, tụng cho oan hồn ba đêm kinh siêu độ. Quả nhiên bệnh nhân giảm hết chín phần mười, Qua đêm thứ ba, ông Sáu dùng rượu phun vào bệnh nhân để khử tà. Không ngờ, sau khi ông Sáu phun rượu xong, bệnh nhân trở chứng gấp đôi khi trước. Ông Sáu bèn lấy thanh sắt mà làm y như trước, bệnh nhân vẫn la lên. Ông Sáu bèn hỏi:

– Tại sao mi dối gạt ta? Còn ở lại giễu hại bệnh nhân ?

– Vì kinh ông tụng cầu siêu cho tôi đã cháy hết rồi.

– Mi nói dối, lý do nào mà kinh cháy?

– Tại ông uống rượu nên kinh cháy hết!

– Ta uống rượu hồi nào?

– Hồi ông phun rượu chưa hết, lại nuốt vào bụng nên cháy kinh ông đã tụng.

Nguyên ông **Sáu Đôn** vẫn tuân theo lời **Đức Bốn Sư** mà cử rượu trong thời gian đi trị

bệnh, không ngờ đã đến lúc ông quá ghiền, nên khi ngậm vào là "con sâu rượu" nó bò thẳng vào bụng ông hết phân nửa ly! Báo hại ông Sáu phải giới tửu luôn ba hôm nữa để tụng kinh siêu độ cho hồn ma chó, thì bệnh nhân mới bình phục hẳn.

11. THỬ THẦY TRỞ THÀNH ĐỆ TỬ.

Đức Bốn Sư lập thôn ấp, giáo hóa người đời tu học tại nơi thâm u vắng vẻ, không cạnh tranh và đụng chạm đến quyền lợi của người khác. Tuy mỗi đạo bị người Pháp nghi kỵ và khủng bố, người Miên ganh ghét, nhưng chẳng bao lâu tiếng Ngài đồn vang dội khắp nơi, nhưt là về phương diện trị bệnh cứu đời.

Lúc bấy giờ có ông Đội đồn điền ở Cái Tàu Thượng, tính tình rất ngang bướng, ngạo mạn. Ông nghe người ta đồn về sự linh ứng của **Đức Bốn Sư**, chẳng những ông không tin, mà còn cười mấy người đồn đãi là mê tín dị đoan, ông hứa sẽ đi thử ông đạo ấy một bữa cho biết chánh tà.

Ông Đội nói là làm. Cách mấy hôm sau ông Đội đích thân vào núi Tượng để thử **Đức Bốn Sư**. Khi ông vừa bước chân vào cửa Chùa **Tam Bửu, Đức Bốn Sư** bước ra tiếp kiến ông Đội, và Ngài mỉm cười:

– Ông được mạnh giỏi chớ? Muốn thử tôi bằng cách nào đây?

Ông Đội nghe qua thất kinh, nghẹn lời không biết phải nói sao. **Đức Bốn Sư** bèn nói tiếp:

– Thôi để tôi cho ông một nghề, về nhà nằm ngựa mà ăn tới già cũng không hết, khỏi phải đi tới đi lui mà thử người ta làm chi cho thất công!

Ông Đội đồn điền trở về nhà, từ đó nổi lên nghề coi bói rất giỏi. Đặc biệt là khi có thân chủ đến coi bói, ông liền quay mặt vào vách mà nói mớ chuyện không sai một. Từ đó tiếng đồn vang dội, ai có việc gì cũng đến coi bói với ông. Ông không hề ăn tiền ai, chỉ bán

món thuốc **Lục Nhứt Hoàn**, kiếm chút ít lời để nuôi sống qua ngày.

12. GIỚI THAM – RĂN LÒNG THAM.

Lúc khởi công dựng ngôi Chùa **Phi Lai** (ngôi chùa chánh của Đạo). Tín đồ tỵ đến làm công quả rất đông. **Đức Bổn Sư** bèn kêu một người thợ rừng (người chuyên sống bằng nghề đốn cây trên rừng) đến mà bảo rằng: Anh hãy đi lên núi Dài mà hạ cây **Cam Đàn** nơi tôi chỉ đây, đem về có nhiều việc xài cho chùa. Ngài vừa nói vừa phác họa một sơ đồ đi đến cây Cam Đàn ấy. Mặc dầu Ngài chưa đi đến đấy một lần nào.

Khi ông thợ đi đến vị trí cây **Cam Đàn** ấy thì không khỏi kinh ngạc, thấy một cây **Cam Đàn** quá lớn, không biết mọc tự bao giờ. Bỗng ông ta khởi động lòng tham, bèn suy nghĩ nếu cây này thưa ra mà làm riêng cho gia đình thì tiền bạc rất dồi dào, nghĩ như vậy, ông thợ bèn trở về mà bạch với **Đức Bổn Sư** rằng: Cây ấy

có, nhưng bị người khác hạ đã từ lâu rồi. Nghe ông ta nói như vậy Ngài vẫn thản nhiên không nói gì.

Ông thợ trở về nhà rủ anh em đồng nghiệp đi hạ cây ấy để chia nhau đóng ghế tủ mà bán riêng. Đến nơi, họ hè nhau mà hạ cây **Cam Đàn** ấy, rủ cho ông thợ bị sợi giây chằng giựt vào tàng cây, nên bị cây đập vào mình đập xương chết tốt!

Các đồng nghiệp khiêng xác ông thợ về nhà, vợ con ông ta khóc kể lể với xóm làng. Có người vào bạch với **Đức Bốn Sư** tự sự, Ngài bảo: Hãy khiêng xác nó vào đây, tôi cứu cho. Mọi người nghe qua không khỏi lấy làm lạ, người đã chết nát thân rồi làm thế nào mà cứu được? Tuy vậy cũng không dám cãi.

Khi khiêng thân ông thợ vào đến chùa, Ngài liền bảo tín đồ đi hái lá cây **Cù Dầu** (một thứ cây có rất nhiều ở miền núi) về đâm dập nát ra, đoạn khiêng xác ông thợ để vào một chiếc xuống lấy lá **Cù Dầu** phủ lên và đổ nước

ngập xác nạn nhân. Ngài mới nói trỏ một mình: Thôi, chư vị cho tôi xin, răn nó bằng một vết thẹo cũng đủ rồi. Giây lát, ông thợ rừng liền sống lại, nhưng ông ta tê liệt nửa thân mình, không cử động được. Từ đó ông chỉ lê la kiếp sống thừa để báo vợ con.

13. LÀM THẦY ĂN THỊT TƯỞNG.

Ông **Bảy Dươn** là một vị cao đồ của **Đức Bản Sư**, ông được Thầy truyền phép cho đi chu du khắp nơi mà trị bệnh cứu đời. Một hôm, ông **Bảy** vào bịch với Ngài cho về tỉnh Định Tường để điều trị một bệnh điên, vì ở vùng này có một bệnh điên, các Thầy phù Thầy pháp đều thúc thủ.

Khi gia chủ rước ông **Bảy** đến, ông tụng một thời kinh trừ tà xong, bèn bảo gia chủ kiếm một mọt măng tre, ông **Bảy** dùng làm cốt tượng, khiễn lên mà trị bệnh. Ba hôm sau, bệnh lành. Ông **Bảy** cho cúng trả lễ bằng một con

gà. Săn mọt măng (cốt tướng) ông biểu gia chủ hầm luôn với con gà!

Ăn uống xong, ông Bảy giã từ gia chủ để trở về núi, dọc đường không xảy ra việc chi. Khi về đến đầu lộ Vĩnh Thông (cách núi khoảng 4 cây số). Ông Bảy phát lên đau bụng dữ dội, không thể đi được nữa, người nhà của ông phải khiêng ông Bảy về chùa, **Đức Bổn Sư** bước ra nhìn ông Bảy với vẻ phiến trách:

– Cơ khổ không, anh Bảy trị bệnh giỏi quá, dám ăn tới thịt tướng. Tại sao không trị bệnh cho mình ?

Tuy Ngài nói vậy, nhưng cũng cầm tay ông **Bảy Dươn** mà nói thình không rằng: Thôi chừ vị cho tôi xin một lần, vì anh Bảy chưa biết nên phạm giới sát.

Ngài nói xong, ông Bảy liền hết chứng đau bụng ngay. Ông ngồi dậy lạy tạ ơn Ngài cứu mạng, và cam kết tự hậu không dám tái phạm.

14. MỘT BÀI THƠ NHIỀU CHỮ "BẮT".

Có một năm vào khoảng tháng 9 âm lịch, nước ngập đến chân núi. Thập phương thiện tín đi chùa quy y thọ giáo, được lưu thông bằng ghe thuyền đến tận chân núi dễ dàng.

Trong số này có vị Hương Cả quê ở Cần Thơ, nghe đồn ở núi Tượng có ông Sư đang truyền bá một giáo thuyết rất hợp với căn cơ của chúng sinh và chữa khỏi nhiều bệnh nan y. Ông Cả rất mộ đạo, nhưng cũng không dễ tin, ông sắp đặt đến thử một lần cho biết.

Khi thuyền ông đến núi, ông sửa soạn khăn áo chỉnh tề đi đến chùa lạy **Phật** và có mang theo một chiếc hộp 3 lớp, mở đến lớp trong cùng mới đến vật ông thử **Đức Bổn Sư**. Trước khi đi, ông xem xét kỹ chiếc hộp lại lần chót, mới đến chùa ra mắt Ngài. Khi chủ khách chào hỏi xong, **Đức Bổn Sư** liền ứng khẩu ngâm:

不長安不故鄉，不仕不農不工商
富貴有情皆不不，不求名利不求傷

Bất Trường an bất cố hương
Bất Sĩ bất nông bất công thương
Phú quý hữu tình giai bất bất
Bất cầu danh lợi bất cầu thương

Sau khi Ngài ngâm xong bài thơ bèn mỉm cười nói với ông Cả: "Tôi có sẵn bao nhiêu chữ "Bất" còn ông có một chữ Bất mà thử tôi làm chi?".

Ông Cả nghe Ngài nói xong, bèn sụp xuống lạy Ngài mà quy y thọ giáo. Chừng ấy mới biết trong ngăn hộp thứ ba của ông Cả có một chữ "Bất" chính tay ông vẽ và tạo ra cái hộp để thử **Đức Bốn Sư**.

15. CHUYỆN ĐI ĐẦU THAI.

Ngoài giờ giáo hóa đệ tử, chứng những lễ cúng ra, **Đức Bốn Sư** thường ngồi Thiền định thì chỉ còn một thể xác cứng đờ, hơi thở rất nhỏ. Sau khi Ngài tỉnh lại thì có nhiều điều khác lạ để giáo hóa tín đồ. Do đó mà người đời thường gọi Ngài là "**Ông Năm Thiếp**".

Một hôm, có người tín đồ xin dắt dẫn cho cùng Ngài đi thiếp. Ngài dắt hồn người ấy lìa khỏi xác đi đến một ngã ba. Ngài bảo hồn người ấy đứng tại đây chờ Ngài tiếp chuyện với **Diêm Vương**. Người tín đồ vâng lệnh, đứng tại ngã ba chờ Ngài. Bỗng ông ta thấy 5 thiếu nữ rất xinh đẹp đi qua mặt ông ta, liền chạy theo trêu ghẹo, năm cô gái bèn rủ ông ta theo chơi cho vui. Đi đến một nơi, năm nàng vừa dừng lại thì ông ta cũng vừa đi tới. Bỗng từ phía sau như có người xô nhập ông ta vào mình năm thiếu nữ.

Khi **Đức Bốn Sư** xuất tỉnh, mà người tín đồ nợ vẫn còn nằm thêm thiếp như một xác chết. Trái tim đã ngưng đập, ngực chỉ còn nóng đôi chút. Người nhà của ông ta khóc lóc đền mạng với **Đức Bốn Sư**. Ngài vẫn thản nhiên mà rằng: "Ở xóm trên có con heo nái mới sanh ra một bầy heo con, trong ấy chỉ có một con đực. Vậy anh chị hãy đến đó nài mua cho được con heo đực ấy, bất cứ giá nào cũng phải mua".

Người nhà của ông ta vâng lời đi thẳng đến xóm trên, quả đúng theo lời Ngài nói. Ông chủ nhà đó có nuôi một con heo nái vừa đẻ một bầy heo con, năm con cái, chỉ có một con đực. Người chủ heo tính để giống, nên không bán. Người nhà nạn nhân năn nỉ hết lời và thuật rõ chuyện nhà, thêm vào lời **Đức Bốn Sư** chỉ dạy, nên ông chủ heo buộc lòng phải bán con heo đực.

Khi đem con heo về. Ngài bảo đem con heo đến bên xác nạn nhân, vật heo cho chết đi. Giấy lát người đi thiếp tỉnh lại. Anh ta bỗng nói lớn rằng :

– Người ta đang đi chơi vui quá, tại sao kêu triệu về đây chi mà gấp vậy?

Người nhà chỉ xác con heo và kể rõ đầu đuôi, anh ta mới vỡ lẽ ra và thuật chuyện đi chơi cùng 5 thiếu nữ, cho đến lúc anh ta được người nhà gọi tỉnh dậy. Anh ta bèn vào chùa lạy **Đức Bốn Sư** mà tạ ơn cứu mạng.

16. Ý NGHĨA CHUYỆN ĐỜI TỚI.

Một hôm, **Đức Bổn Sư** gọi vị đệ tử của Ngài tên là **Hai Lộc** đến mà bảo rằng: Anh nhớ khi nào con đường chung quanh núi Tượng làm xong, xe cộ được chạy thông thương thì chừng đó *đời tới!*

Sau khi **Đức Bổn Sư** viên tịch, đến năm Tân Mão (1891) nhà cầm quyền Pháp vào đây làm đường chung quanh núi Tượng vừa xong. Ông **Hai Lộc** chống gậy ra ngã ba đường nhìn xe cộ qua lại, đoạn ông Hai chấp tay niệm ba tiếng **Phật hiệu** và nói với người chung quanh rằng: Hồi **Chị Năm** (gọi **Đức Bổn Sư**) còn tại thế có dặn tôi, khi nào đường chung quanh núi làm xong thì *đời tới*. Trở về nhà, trong đêm đó ông Hai ngủ luôn một giấc ngàn thu!

Lại một chuyện khác, một hôm **Đức Bổn Sư** gọi ông **Hương Chủ Sách** (người tín đồ) vào bảo rằng: Ít hôm nữa có trát của Hội Tề ở Năng Gù gọi anh về cho phục chức xã trưởng (trước

kia ông làm xã trưởng tại đây). Cách ít hôm sau, ông chủ được trát đòi đúng theo lời **Đức Bổn Sư** đã nói.

Khi ông **Chủ Sách** được trát đòi, bèn vào thuật tự sự và xin Ngài chỉ dạy việc sắp tới? Ngài bảo rằng: "Anh hãy về làm việc với người ta đi, nhưng nên nhớ khi mãn khóa phải trở về đây, chớ ở dưới chừng "*Đời tới*" thì về không kịp".

Ông **Chủ Sách** vâng lời về làm việc cho tới mãn khóa vẫn bình yên, ông vẫn nhớ lời **Đức Bổn Sư** căn dặn, nhưng thấy thời cuộc vẫn yên ổn, nên ông đăng thêm một khóa ba năm nữa. Nào ngờ ông mới lãnh tờ cử khóa thứ nhì được ít hôm thì ông thọ bạo bệnh mà qua đời! Chừng đó mới biết ý nghĩa của **Đức Bổn Sư** nói *đời tới* là đời của người đó tới, chớ không phải *đời tới* là Trời long Đất lở như người ta tưởng.

17. ÔNG CẢ "CỌP".

Sau khi dựng Đình **Phi Lai** xong, **Đức Bốn Sư** cho xây trước cửa Đình hai ngôi miếu nhỏ. Miếu phía bên trái thờ Ngũ Hành, miếu bên mặt thờ **Bạch Hổ Sơn Quân**.

Ngũ Hành tức là thờ Thần Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Còn thờ **Bạch Hổ Sơn Quân** có điều lạ hơn các ngôi Đình Thần khác, mỗi năm khi đáo lệ cúng kỳ yên, Ngài cho viết ra 1 tờ cử. Nội dung tờ cử là sắc phong cho **Bạch Hổ Sơn Quân** làm Hương Cả. Người đời thường gọi là **Ông Cả Hổ**

Ngài cho đem tờ cử này dán dưới lư hương và đồ phẩm vật tặng cho ông Hương Cả Cọp này. Tín đồ của Ngài cũng bán tín bán nghi, nhưng qua đêm cúng Kỳ yên, người ta ra ngoài miếu thì thấy dấu cọp đi vào quàu quấu chung quanh miếu, tờ cử và đồ phẩm vật cũng mất hết. Mỗi hai năm đáo lệ một lần cúng cử như vậy, thét rồi thành lệ qua hai năm là bá gia biết

đã đến kỳ đổi tờ cử cho vị Hương Cả Hổ. Có điều đặc biệt là khi ông "Hương Cả" này nhận tờ cử mới thì trả tờ cử cũ lại.

Sau ngày **Đức Bốn Sư** viên tịch, các vị cao đồ vẫn noi theo Ngài mà tạo tờ cử và làm y như cũ, nhưng tờ cử và phẩm vật vẫn còn y nguyên Ông Cả Cọp không bao giờ nhận!

Đọc chuyện này, có nhiều người cho rằng là điều huyền thoại khó tin. Nhưng cũng không khỏi lấy làm lạ là từ ngày **Đức Bốn Sư** phong cho Cọp Bạch làm Hương Cả đến nay đã gần 100 năm, tại núi Dài, núi Tượng nói riêng, vùng Bảy Núi nói chung, không hề xảy ra một vụ Hổ lang ác thú hại mạng người. Và xã Ba Chúc cho đến ngày nay trong hương chức chỉ có chức Hương Chủ, còn vị Hương Cả vẫn giữ nguyên cho Hương Cả Cọp!

18. NÚI TƯỢNG KHÔNG CÓ CHIM SẺ.

Trước ngày **Đức Bốn Sư** viên tịch, chim Se Sẻ bay lượn khắp nơi, làm chuyện ô uế và

xây tổ sanh con đẻ cái trong Chùa Miếu bất kể chỗ nào. Các vị đệ tử phàn nàn giống chim quái ác này. Ngài bèn nói với bá gia rằng: Anh, Chị đừng lo, tôi sẽ cấm loại chim này không cho nó bén mảng đến núi Tượng nữa!

Sau khi Ngài viên tịch, người ta không khỏi lấy làm lạ cả vùng núi Tượng không hề thấy bóng con chim Sẻ nào, cho đến ngày nay, núi Tượng vẫn không có loài chim Sẻ.

Căn cứ theo thực tế, có người cho rằng đây là chuyện huyền hoặc khó tin, bởi loại chim này thường tụ đến nơi nào có lúa gạo, còn vùng núi là nơi kém khuyết về kho lẫm chứa lúa gạo, nên nó không đến chỗ không có chi là lạ.

Thực tế là vậy, nhưng nếu ai lưu tâm thì sẽ gặp loại chim này khắp các vùng núi khác, nhất là núi Dài cách xa núi Tượng không quá một cây số ngàn, cũng không thiếu chi loài chim Sẻ. Cách nay hai năm, có một hôm chim Sẻ về đây rất đông, nhưng trong một thời gian không lâu

chúng kéo nhau đi hết, không hề lưu lại núi Tượng một con nào. Các vị tín đồ của **Tứ Ân Hiếu Nghĩa** đều bàn rằng: "*Có lẽ đây là dấu hiệu, Tổ đi rồi Tổ "Sẽ" về?*"

19. CHUYỆN CỬ NỪNG.

Khi **Đức Bốn Sư** hướng dẫn tín đồ đến khai mở thôn An Thành từ núi Tượng đến đây khoảng 7 cây số ngàn đường rừng. Khi đi giữa đường, Ngài thấy các tín đồ ra dáng đói khát, Ngài bèn bảo rằng các anh chị đói sao không nhổ củ Nừng nướng mà ăn cho đỡ đói (loại củ Nừng thường mọc ở rừng núi, bò như dây khoai ngọt).

Các vị đệ tử lấy làm lạ, loại củ Nừng rừng này tánh nó rất độc và ngứa còn hơn củ Môn nước, hơn nữa chất nó rất kỵ lửa, người ta muốn ăn nó, phải nấu cho thật chín, rồi vắt và đập cho ráo nước, nấu đi nấu lại như vậy cho đến bảy tám lần ăn mới được, nếu nướng nó vào lửa, ăn vào có khi chết không kịp trời! Nhưng

Ngài bảo thì tin đồ không dám cãi, vẫn đốt lửa lên mà nướng củ Nừng, khi Nừng chín, người ta vẫn còn dè dặt, ăn thử từ miếng nhỏ, khi ăn thử xong thấy mùi vị rất ngon, nên từ từ ăn đến no bụng, không thấy xảy ra việc gì.

Một trong những người này thấy Nừng không còn ky lửa nữa, bèn kiếm về một mớ nướng cho con ăn. Không ngờ khi ăn vào khỏi cổ thì đứa nhỏ bỗng nhiên á khẩu (câm). Ông này hoảng hồn chạy đến nhờ **Đức Bốn Sư** giải cứu. Ngài nghe qua bèn mỉm cười, bảo múc vào một tô nước đoạn Ngài làm phép, bảo người ấy đem về cho con uống thì hết. Ông này đem tô nước về cho con uống, quả đúng như lời.

Mấy hôm sau, mấy người đồng đạo cùng đi với ông bữa trước hỏi đùa rằng: Sao anh không nướng Nừng cho con anh ăn nữa?

Ông ấy bèn trả lời:

– Không dám! Nừng bây giờ ky nước rồi!

20. LỜI DẶN SAU CÙNG.

Trước ngày **Đức Bốn Sư** viên tịch. Ngài gọi một số cao đồ tín cẩn đến mà dặn rằng: Sau khi tôi đi Ta-bà anh chị ráng cố gắng đem nhục thể của tôi về núi Tượng (lúc đó Ngài còn ở tại các thôn bên núi Dài). Vì sau này chỉ có núi Tượng còn giữ nguyên được di tích. Núi Dài là nơi tranh Hùng tranh Bá, nhân vật đều xác xơ hết không được yên ổn đâu.

Mấy mươi năm sau khi Ngài viên tịch, quả y như lời Ngài dặn, núi Dài giặc giã triền miên kéo dài cho đến ngày nay, nhân vật đều tiêu điều xác xơ, không có một ngày yên ổn ...

21. QUẬT MỒ THÂN SINH THẦY CAI TỔNG.

Trong số các Đại đệ tử của **Đức Bốn Sư** có ông **Hà Trình** ⁽²²⁾ người đời thường gọi là ông **Tám**. Ông là một trong những vị được Ngài

(²²) Ông Hà Trình là Tăng Tổ của người biên soạn sách này.

giáo truyền bí pháp để đi chu du trị bệnh cứu đời.

Ông **Tám** về quê nhà tại Thốt Nốt (Long Xuyên) chữa trị lành cho nhiều bệnh nan y, nhất là chứng bệnh điên, đau tà. Những bệnh nhẹ ông **Tám** chỉ dùng một cây roi dâu mà quất vào thì tà xuất ngay. Bệnh nặng thì ông truyền lấy chiếu bó bệnh nhân lại, để trên bè chuối thả trôi theo dòng nước, bệnh nhân trôi xa chừng 500 thước, ông **Tám** làm phép trục bè chuối ấy chạy ngược nước trở về! Tiếng đồn lan rộng ra, bệnh nhân khắp nơi chở đến rất nhiều.

Có lúc ông **Tám** đang làm công việc, bỗng nhiên xách mác vót lội qua sông (một chi nhánh sông Hậu Giang, khoảng rộng độ 300 thước) nhắm thẳng hướng Bảy Núi mà đi. Đường sá lúc bấy giờ (vào khoảng năm 1888) chưa có, vẫn còn rừng bụi đầm lầy. Từ Thốt Nốt đến núi Tượng trên 100 cây số đường rừng, mà đến chiều hôm đó, người quen đã gặp ông

Tám tại núi Tượng. Không ai biết ông đi bằng cách nào? Không ai biết ông nhớ núi mà đi vội vã như vậy, hay có lệnh Thầy đòi mà đi? Chính bà **Tám** cũng không biết chừng nào Ông đi, và đi chừng nào về?

Ông **Tám** ở rất có hiếu với cha mẹ, khi cha mẹ còn thì ông dâng cơm và nước, lúc cha mẹ qua đời, ông cư tang quý hiếu trọn đời, ăn chay nằm đất, sống kham khổ, không hề sửa soạn bản thân.

Một hôm, có người nhà của vị Cai Tổng đương thời (tại quận nhà của ông Tám) rước ông Tám trị bệnh cho vị Cai Tổng. Ông Tám đến tòa nhà nguy nga của thầy Cai Tổng, sau khi chủ khách chào hỏi xong, ông Tám kéo đèn lên coi chứng bệnh của vị Cai Tổng (đốt ngọn đèn sáp lên, lấy tờ vàng bạc lên đưa bên kia ngọn đèn mà coi) xem xong, ông Tám liền nói: "Thầy Cai mắc bệnh nan y, nếu không làm một việc lỗi, thì khó mong chữa lành bệnh". Thầy Cai Tổng không hiểu làm sao, bèn hỏi ông Tám:

– Việc chi mà ông gọi rằng lỗi? Dầu phải hao tổn hay khó khăn thế mấy tôi cũng chịu, miễn hết bệnh thì thôi.

– Muốn cứu bịnh cho Thầy thì phải quật mô ông thân Thầy lên thì căn bệnh mới lành! Bằng không tôi xin chạy. Ông Tám trả lời.

Thầy Cai Tổng tái mặt hỏi gặng ông Tám:

– Tại sao phải đào mô cha tôi? Thầy nói rõ lại nghe coi?

– Tại vì khi phụ thân của thầy chết, người ta liệm xác của ông, quên lấy quan tiền dằm trên bụng⁽²³⁾ nếu nay đã đúng thời kỳ nên Thầy phát bệnh đau ngay chỗ dằm quan tiền đó!

Thầy Cai Tổng hỏi gằn :

– Thầy dám bảo đảm đúng như vậy không?

– Nếu không thì tôi chịu tội. Vì tôi vẫn ở lại đây để chứng kiến cuộc quật mô này chớ đi đâu. Ông Tám trả lời.

Người nhà ông Tám nghe ông cam kết như vậy thì thấy đều rụng rời, nếu việc này mà không có y như vậy thì ông Tám sẽ mang tội

(²³) Tiền ta là đơn vị tiền tệ thời xưa, 40 đồng tiền ta kể là một quan.

không thể lường được. Ai đời đi cam kết đào mồ cha của thầy Cai Tổng đương thời, là việc làm hết sức liêu lĩnh.

Một cuộc huy động dân làng đến đập phá cái mã đá của cha thầy Cai Tổng cũng rất lâu (vì mồ mả của người giàu lớn thường xây rất chắc). Khi đập phá xong, bèn cạy nắp quan tài lên. Quả nhiên quan tiền còn nằm trọn trên bụng của tử thi, có khác chẳng là tiền kẽm đã vón cục không còn nguyên. Mọi người trông thấy đều lắc đầu lè lưỡi!

Từ đó, bệnh của thầy Cai Tổng lần lần thuyên giảm, Thầy Cai thưởng cho ông Tám một số bạc rất lớn, nhưng ông Tám không nhận, chỉ khuyên thầy Cai thi ân bố đức để tránh những hậu quả về sau.

22. PHÁ ÁM CHO NGƯỜI TÍN ĐỒ.

Ngày rằm tháng 5 năm Kỷ Sửu (1889) **Đức Bản Sư** truyền cho tất cả tín đồ Nam cũng như Nữ, phải cố gắng học cho thuộc mặt chữ 24 bộ kinh, để một ngày nào đó Ngài sẽ mở

trường thi. Tất cả Thiện tín nghe vậy thấy đều lo học đêm ngày.

Trong số tín đồ của Ngài có Bà **Năm Dội** cũng gắng công học tập không ngừng, nhưng tâm tánh của Bà rất tối, dạy đằng trước thì Bà quên đằng sau, rốt cuộc Bà không nhớ được chữ nào. Người dạy dùm cũng có ý khinh khi không dạy nữa.

Một hôm tan giờ học, các tín hữu ai về nhà nấy, riêng bà nằm ở lại tự học một mình, bà cầm chổi ra quét sân chùa, nhớ lại mình tối dạ bị người khi dễ, nên bà vừa quét vừa khóc.

Đức Bổn Sư trong chùa bước ra nhìn thấy:

– Sao Chị Năm chưa về? Ủa sao Chị Năm lại khóc?

– Bạch Thầy, trò buồn cho thân mình quá ngu tối, học hoài không thuộc, nên tủi thân mà khóc.

Đức Bổn Sư bèn an ủi bà Năm :

– Thôi, chị đừng buồn nữa, để tôi dạy cho.

Ngài dạy cho bà Năm Dội trong ít phút đồng hồ bà Năm liền đọc thuộc lâu, chẳng những bà

Năm đọc được chiều dọc mà đọc cả chiều ngang và chiều ngược của trang kinh!

Đến ngày 19 cùng tháng, là ngày đổi phiên vọng U Minh của những người Cư sĩ, có đủ mặt các vị Đại đệ tử. Ngài bảo bà Năm cầm dùi mõ để hướng dẫn Cư sĩ tụng kinh, bà Năm đọc không vấp một chữ nào. Khi cúng xong, bà Năm lại còn tụng ngược một quyển kinh, khiến cho các Cư sĩ vô cùng kinh ngạc!

Đức Bốn Sư cho tín đồ biết rằng: Khóa thi này bên phái Nữ đạo hạng nhất. Ngài còn khuyến khích các tín đồ:

– Anh, Chị ráng cố gắng, bằng không sẽ còn rất nhiều.

Bởi Ngài biết đa số tín đồ hiện giờ, người thì chấp nê văn tự, tâm chương trích cũ. Kẻ thì chấp nê hình tướng, chớ ít người trì tâm tưởng niệm. Do đó Ngài ngâm lên bài kệ sau đây để răn bảo tín đồ:

**Phật dạy lý chơn không
Vì sợ người chấp có**

**Bằng người lại chấp không
Như chụp Thỏ buông Ó.**

**Người chấp vô thường tướng
Phật nói hữu thường tâm
Chẳng dè phương tiện pháp
Ao xuân hiện lỗi lầm.**

**Ta nay công chẳng vụng
Phật tánh hiện rõ ràng
Chẳng nhờ Sư chỉ giáo
Không đắc đạo cao thâm.**



B – PHẦN HIỆN TẠI

I. NHỮNG DI TÍCH VÀ GIÁO LÝ ĐƯỢC LƯU TRUYỀN.

Sau ngày **Đức Bốn Sư** viên tịch, Hệ phái **Tứ Ân Hiếu Nghĩa** tuy không phổ biến được rộng thêm ra nhưng căn bản hành đạo và sự tín ngưỡng vẫn được duy trì, những điều giáo hóa của Ngài, tín đồ vẫn noi theo.

Tuy nhiên, không thể tránh khỏi một vài bất đồng nhỏ của các ông Trò, ông Gánh. Những bất đồng giữa các ông Trò tuy không bộc lộ bằng hành động, nhưng sự hòa hợp không được đồng nhất như thuở **Đức Bốn Sư** còn tại thế.

Cũng chưa ai biết nguyên nhân nào mà sau ngày **Đức Bốn Sư** viên tịch, nghi thức hành đạo của mỗi thôn có những điểm khác nhau? Nếu hỏi những ông có trách nhiệm tại mỗi thôn, thì được nghe trả lời gần giống nhau:

– Những điều đó không phải đời sau dám cãi sửa, mà làm đúng theo lời **Đức Tổ** đã dạy hồi Ngài còn tại thế đấy chứ! Ngài giáo hóa mỗi thôn một khác nhau mà!

Nghe trả lời thế đó, chắc không còn ai lấy lý gì mà hỏi thêm nữa được. Vì căn cứ theo lời của các ông thì **Đức Tổ** đã tùy theo phong hóa của từng địa phương mà dạy dỗ kia mà. Nhưng chúng tôi không khỏi hoài nghi với tính chất không đồng nhất của một mối đạo cùng một nguồn gốc, cùng một thời gian truyền bá giáo lý, chớ có dịp thuận tiện, chúng tôi sẽ tìm hiểu thêm xem có đúng như vậy chăng?

1. NHỮNG DI TÍCH CHÙA MIẾU XƯA VÀ NAY.

Như những phần trước đã nói, **Đức Bốn Sư** hưởng dẫn tín đồ vào núi Tượng khai hoang truyền đạo và Ngài thành lập ra được bốn thôn: An Định, An Hòa, An Thành và An Lập.

Ngài sắp đặt tín đồ đến đâu thì việc đầu tiên của khu định cư là thiết lập Chùa miếu. Vì

căn bản tu học phải có nơi thờ phượng, tàng trữ kinh điển, tụng niệm lễ bái. Chùa miếu cũng là nơi tập trung tín ngưỡng và truyền bá giáo lý .v.v...

Tính theo thứ tự thời gian, kể từ Ngài đến núi Tượng vào ngày 19 tháng giêng năm Bính Tý (1876) đến năm Ngài viên tịch : 13 tháng 10 năm Canh dần (1890). Trong 14 năm đó, Ngài thiết lập được những ngôi chùa miếu sau đây:

- Ngày 19 tháng 11 năm Đinh Sửu (1877) dựng Đình và **PHI LAI TỰ**.
- Ngày 20 tháng 02 năm Kỷ Mão (1879) dựng ngôi **THANH LƯƠNG TỰ**
- Ngày 01 tháng 06 năm Canh Thìn (1880) dựng ngôi **MÃ CHÂU MIẾU**.
- Ngày 19 tháng 06 năm Canh Thìn (1880) dựng ngôi **SƠN THÂN MIẾU**.
- Ngày 15 tháng 02 năm Nhâm Ngũ (1882) dựng ngôi **PHỔ ĐÀ TỰ**.
- Ngày 26 tháng 06 năm Nhâm Ngũ (1882) dựng ngôi **TAM BỬU TỰ**.

- Ngày 29 tháng 10 năm Quý Mùi (1883) dựng
ngôi **CHÂU LINH TỰ**.
- Ngày 19 tháng 01 năm Giáp Thân (1884)
dựng thêm **PHI LAI TỰ**.
- Ngày 30 tháng 4 năm Giáp Thân (1884) dựng
ngôi **LONG CHÂU TỰ**.
- Ngày 09 tháng 06 năm Giáp Thân (1884)
dựng ngôi **LINH BỬU TỰ**.
- Ngày 29 tháng 08 năm Giáp Thân (1884)
dựng ngôi **TỨ DƯƠNG MIẾU**.
- Ngày 19 tháng 10 năm Ất Dậu (1885) dựng
ngôi **VẠN BANG MIẾU**.
- Ngày 19 tháng 04 năm Bính Tuất (1886) dựng
ngôi **MỘC HƯƠNG** (Phi Lai)
- Ngày 19 tháng 02 năm Mậu Tý (1888) dựng
ngôi **MIẾU BÀ**.
- Ngày 16 tháng 4 năm Kỷ Sửu (1889) dựng
ngôi **TAM BỬU TỰ** (An Hòa).
- Ngày 27 tháng 04 năm Kỷ Sửu (1889) dựng

ngôi **KIM TRA, MỘC TRA.**

Chúng tôi chỉ ghi lại những ngôi Chùa Miếu lớn, còn những ngôi Miếu nhỏ ở rải rác khắp bốn thôn rất nhiều, chưa tiện biên hết ra đây. Những ngôi Chùa Miếu đã nêu trên, chỉ một ít còn giữ nguyên bản chất cũ của Ngài đứng ra thiết lập. Kỳ dư đã bị giặc Pháp và Miên đốt phá, hủy hoại, có ngôi Chùa phải tái thiết đến ba lần! Nhìn vào thời gian xây cất Chùa Miếu, chúng ta không khỏi thắc mắc, tại sao có năm xây cất rất nhiều (như năm 1884) có năm lại không xây cất ngôi Chùa Miếu nào?

Sự kiện nêu trên, không phải **Đức Bốn Sư** dựa vào ngày lành tháng tốt, hoặc vật liệu xây cất chưa đủ, mà những thời gian ấy là lúc gặp pháp nạn, nếu không bị giặc khủng bố, đốt phá Chùa Miếu, thì cũng bị chúng theo dõi bắt Ngài. Tín đồ lớp thì trốn chui, trốn nhủi, lớp thì lo bảo vệ Ngài, có rảnh đâu mà lo cất Chùa Chiền !

2. TỔ CHỨC HỘI CHÙA VÀ PHÂN PHỐI TRÁCH NHIỆM.

Sau khi **Đức Bổn Sư** viên tịch, các vị cao đồ của Ngài nhóm hợp lại, thành lập một tổ chức để bảo vệ Chùa Miếu, phân công mỗi vị có tên tuổi trong đạo thầy đều có trách nhiệm rõ ràng, để tránh vấn đề "*nhiều Sãi không ai đóng cửa chùa*".

Do đó các ông Trò công cử ra sáu vị có trách nhiệm quản trị tất cả Chùa Miếu, hội này gọi là "**Lục Viên**" Hội Lục Viên đề cử ra mỗi Chùa Miếu có một Ban Quản Tự. Trong Ban Quản Tự có ba vị: Một vị Thủ Tự (ông Từ) có trách nhiệm hương khói thường xuyên, quét dọn Chùa Miếu, tiếp khách thập phương, sắp xếp các vụ lễ lộc, dâng cúng. Một vị Thông Tin coi sóc mọi chi tiết lễ nghi, thông báo, chỉ dẫn cho tín đồ những điều cần thiết và phụ trách với ông Thủ Tự trong những ngày cúng Tam Nguơn Tứ Quý. Nhiều vị Cư Sĩ luân phiên nhau vấn đề công phu, tụng niệm, sơ điệp cúng kiến và

kiểm soát toàn bộ công việc chùa miếu. Nếu có điều gì quan trọng thì các vị này phải lập tức thông báo và trình bày cho Hội Lục Viên hay, để kịp thời sắp xếp và lo liệu.

3. TRUYỀN NHÂN HAY CÁC ÔNG TRÒ, ÔNG GÁNH KẾ TIẾP.

Phật Giáo Bửu Sơn Kỳ Hương nói chung, không có vấn đề truyền thọ Y Bát như Thiên Tông (thực tế cũng không có y bát). Kể từ **Đức Phật Thầy Tây An** đến **Đức Bổn Sư** đều tùy theo hoàn cảnh, tâm thành, khả năng, đức hạnh của người tín đồ mà truyền thọ **Phật Pháp**. Các Ngài cũng không truyền lại cho một người toàn quyền quyết định vận mạng của đạo, mà tất cả tín đồ ai cũng được tiếp tục truyền bá giáo lý **Học Phật Tu Nhân** của **Phật Giáo Bửu Sơn Kỳ Hương**. Nhưng người tín đồ ấy phải là hạng tâm thành tôn thờ **Tứ Đại Trọng Ân, Sử Thập Điều**, phụng hành nghi thức của Đạo.

Căn cứ theo bộ **Siêu Thăng Kinh** ⁽²⁴⁾ có liệt kê danh sách của những vị cao đồ và bá gia đã từng gian khổ với Đạo pháp, khi Ngài còn tại thế, cộng tất cả là 360 vị. Trong đó chia ra nhiều đẳng cấp: 216 vị hết lòng vì đạo pháp, 72 vị Dật Sĩ Sư (như Ưu Bà Tắc của nhà **Phật**), 36 vị Nữ Bồ Tát (như Ưu Bà Di của nhà **Phật**), 36 vị Cô Phòng niệm (những Nữ Tu sĩ đã ly gia cắt ái).

Trong 360 vị được nêu danh trong **Siêu Thăng Kinh**, hiện nay được đọc tụng danh sách thường xuyên trong những ngày Vía, ngày cúng lớn tại các Chùa Miếu. Bộ kinh này không được tụng niệm tại nhà riêng. Người đời thường gọi 360 vị này đã được vào **Bảng Phong Thần** của Đạo **Tứ Ân Hiếu Nghĩa**.

(²⁴) Một trong Bộ Kinh Bàn Đào Kinh Siêu Thăng có ý nghĩa về cầu siêu, trì niệm để cứu độ vong linh của các đấng tiền nhân; lập thành bản danh sách những người tín đồ trung kiên của đạo **Hiếu Nghĩa**.

Sau khi **Đức Bốn Sư** viên tịch, những ông Trò⁽²⁵⁾ có uy tín và lập căn cứ tại bốn thôn Ngòi đã thành lập, được thay Ngòi mà nắm giữ giềng mối Đạo Pháp, xin liệt kê danh sách sau đây (danh sách này không phân biệt thứ tự, chỉ ghi theo tài liệu):

- Ông **Trần Tịnh**, pháp hiệu là **Thiện Căn**.
- Ông **Ngô Tự Nhiên**, pháp hiệu là **Phụ Tăng**.
- Ông **Nguyễn Thập, Nguyễn Pháp, Nguyễn Huấn, Nguyễn Qui** tức là **Chánh Hưng** bốn ông này cùng một pháp hiệu là **Nguyễn Siêu Phàm**.
- Ông **Nguyễn Mẫu** pháp hiệu là **Thương Tín Hạ Thành**.
- Ông **Tư Tồi**, pháp hiệu là **Chí Thành**.
- Ông **Nguyễn Văn Tàng** pháp hiệu là **Viễn Đạt Sở Thành**.

(²⁵) Ông Trò là những vị đệ tử thường theo bên thầy và phát huy ý tưởng của thầy. Ông Gánh là người được giao trách nhiệm trông nom việc đạo thay Thầy. Ông Gánh cũng từ trong hàng ngũ Ông Trò mà ra.

- Ông **Nguyễn Nhựt**.
- Ông **Nguyễn Thanh Liễu** tức là ông **Năm Củi** pháp hiệu **Tín Thành**.
- Ông **Lương Nhàn**.
- Ông **Ngô Đồi** tục gọi là **Nguyễn Nhiều**.
- Ông **Hương Hào Kim**.
- Ông **Nguyễn Vui**.
- Ông **Nguyễn Văn** tức là **Hương Chủ Sách**.
- Ông **Lê Dưỡng** còn gọi là **Đình Dưỡng**.
- Ông **Phạm Tôn**.
- Ông **Nguyễn Dươn**.
- Ông **Bộ Phước** tức là **Nguyễn Lệ**.
- Ông **Chủ Triệu**.
- Ông **Hai Đăng** pháp hiệu là **Chân Tăng**.
- Ông **Cao Đôn** pháp hiệu **Chánh Quả**.

Đây là những vị có căn cơ trong bốn thôn (An Định, An Hòa, An Thành, An Lập) nắm giữ giềng mối của Đạo, còn nhiều vị khác được **Đức Bốn Sư** phái đi khắp nơi truyền Đạo và trị

bệnh cứu đời, chúng tôi chưa tìm ra tông tích. Riêng những vị cao đồ đã nêu trên, khi qua đời trong hàng con cháu có người nào rành nghi thức hành đạo, theo qui tắc của Đạo thì thay vào địa vị Trưởng Gánh. Bằng không, tín đồ trong Gánh đó xem xét trong hàng Cư Sĩ có vị nào đầy đủ đức hạnh, đạo pháp, người ấy sẽ được cất nhắc lên mà thay thế. Cứ như thế mà kế tục cho đến ngày nay. Những vị nắm giềng mối Đạo sau này, tuy không phổ biến đạo pháp xa hơn, nhưng họ cũng cố gắng gìn giữ Đạo pháp rất tròn. Hiện nay có nhiều Gánh tín đồ rất sung túc và đông hơn lúc trước. Có Gánh ở nhằm vị trí giặc giã, bị đạn bom tàn phá nên gây ra lắm cảnh điêu tàn xơ xác.

Phần này, chúng tôi xin hứa khi tìm được thêm tài liệu của những vị đi truyền Đạo hoặc trị bệnh cứu đời phương xa (như Ông **Trần ở núi Nứa**. Ông **Sư ở Cù Lao Ông Hồ**, Bà **Hà Thị Hương** tức Bà **Năm Dội ở Cỏ Lao** và có một vị Đại đệ tử ở Cao Miên, nhưng chúng tôi chưa tìm ra tài liệu. Nhờ Thiện tín giúp tài liệu

của vị này). Nếu có thêm tài liệu xác đáng, chúng tôi sẽ ghi thêm vào kỳ tái bản.

II. CÁC PHÁP MÔN CỦA ĐỨC BỐN SƯ GIÁO TRUYỀN.

Đức Bốn Sư cũng giáo hóa người Tín đồ **Tứ Ân Hiếu Nghĩa** theo **Phật pháp** Thiền Tịnh song tu và nhập thế gian **Tu Nhân Học Phật** như **Đức Phật Thầy Tây An** . Ngoài căn bản đã nêu trên Ngài còn dạy tính đồ trau dồi thêm công quả để bỏ tấc vào sự quá dễ dãi của thuyết **Học Phật Tu Nhân** và phải rèn luyện cho đúng nghĩa câu: “**Phật Thánh Tiên Tam Giáo đồng nguyên**”.

1. TRÌ NIỆM THEO THIÊN TÔNG.

Ngoài sự trì niệm pháp trường (108 hột) để phụng kính Chư **Phật**, và cầu siêu cho những vong linh quá vãng ra, người Cư sĩ tại gia còn phải liên niệm pháp tay (18 hột) để cho Tâm, Ngữ, Ý không rảnh rang mà vọng động, tà thuyết không có chỗ trống mà nhập vào.

2. XỬ SỰ THEO NHO GIÁO.

Phép xử thế của người tín đồ **Tứ Ân Hiếu Nghĩa** phải cư xử đúng theo tinh thần Nho Giáo, ví như Kính Trời Đất, Trọng Thần Thánh, Thờ phụng Tổ Tiên, Ở thảo với Cha Mẹ, Giữ phép nước Trọng Thầy, Yêu mến anh em, Giữ chữ Tín với bạn bè, Có nghĩa với bà con, Hòa thuận và giúp đỡ xóm làng .v.v...

3. RÈN LUYỆN TINH KHÍ THẦN THEO LÃO GIÁO.

Ngoài việc tu thân xử thế theo **Phật, Thánh** ra, Ngài còn giáo hóa cho tín đồ rèn luyện **Tinh Khí Thần** theo phương pháp của **Lão Giáo**. Sau đây chúng tôi xin trích một đoạn trong **Tam Mao Chơn Kinh**:

谷虛應聲心虛應神神虛應氣
氣虛應精虛極則明明極則瑩
超乎精神而無死生精從內取
氣自外生以氣取精可以長生

... Cốc hư ứng tinh, Tâm hư ứng Thần, Thần hư ứng khí. Khí hư ứng tinh, hư cực tắc minh, minh cực tắc quỳnh, Siêu hồ tinh thần, nhi vô tử sanh, Tinh tùng nội thủ, Khí tự ngoại sanh, dĩ khí thủ Tinh, khả dĩ trường sinh.

Lược dịch :

Cái hang trống thì gió luồng vào có tiếng kêu. Tâm mà đặng trống không thì sẽ ứng đến Thần. Thần mà trống không thì sẽ ứng đến khí huyết. Khí huyết mà đặng trống không thì ứng đến tinh thần. Nếu luyện đến Tinh, Khí, Thần đều trống không (Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc) thì mọi nẻo tối tăm đều sáng láng, khi sự sáng đến cùng tột thì ánh sáng ấy sẽ tỏa ra ngoài (hào quang). Tinh thần đến bậc siêu việt như vậy, thì không còn luẩn quẩn trong vòng sanh tử nữa ...

4. ẤN KHUYẾT, THẦN CHÚ THEO MẬT TÔNG.

Ngài cũng chú trọng việc truyền thọ Ấn Khuyết Thần Chú như Mật Tông của nhà **Phật**, nên ngoài vấn đề tụng niệm ra tiếng, người Cư

Sĩ niệm thâm và tập rèn Ấn Khuyết hết hai phần mười những giờ giấc tu học.

Truyền rằng: Khi Ngài còn tại thế. Ngài khuyên tín đồ gắng công luyện rèn Ấn Chú, để đến chừng lập **Hội Long Hoa**, những người có duyên dự Hội không thể nói bằng lời, chỉ sử dụng Ấn Chú mà thôi. Và những Câu Chú, Tay Ấn sẽ biến hóa theo từng việc.

Phải chăng, trong 14 năm giáo truyền, **Đức Bốn Sư** đã rút tĩa các pháp mà dạy tín đồ từ cấp Sơ đẳng cho đến Cao đẳng, để bổ túc vào sự quá giản dị của **Đức Phật Thầy Tây An** ? Nhưng sau khi Ngài viên tịch thì các pháp của Ngài có đôi phần sai lạc. Ví như, phần rèn luyện **Tinh Khí Thần** có người biến nó ra thành bí quyết tu luyện độc thân nơi am cốc, cầu kỳ với bản ngã, coi như mình đã đắc pháp với Tiên gia, thể xác lập dị, không còn hòa hợp với người đời hoặc các tôn giáo khác! Phần Ấn Khuyết Thần Chú theo Mật Tông, thì có người đã biến ra thành ấn khuyết bùa chú của Thầy

Phù Thủy để sỏi đậu thành binh, điều Thần khiến quỷ .v.v...

Tuy nhiên, vì hoàn cảnh, thời cuộc, người tín đồ dẫu có muốn đi xa hơn thế nữa cũng chưa hẳn có một thời gian cho phép, một không gian thuận tiện để nghiên cứu các pháp môn của Ngài cho tinh tường hơn. Và cũng chưa ai dám hy sinh bản ngã mà thực hiện đường lối tu học của Ngài cho đến nơi đến chốn.

Do nếp sống hiện tại và sự sinh hoạt xã hội, gần như bắt buộc người tín đồ vẫn còn giữ đúng theo căn bản đạo đức, giới luật đại khái, không làm ngược lại tôn chỉ **Tứ Ân Hiếu Nghĩa**. Về nghi thức hành đạo thì họ vẫn thực hiện những điều dễ dàng của người Cư Sĩ tại gia. Về các bí pháp cao siêu chỉ thể hiện theo thông lệ đã có từ trước, chớ chưa có vị nào đeo đuổi mà nghiên cứu các pháp cho tinh tường hơn.

5. KINH CHÚ, GIẢNG VÀ SÁM NGŨ.

Kinh giảng của Hệ phái **Tứ Ân Hiếu Nghĩa** rất nhiều, chia ra đủ hình thức, danh xưng. Phần trì tụng ở chùa miếu, phần công phu sám tấu tại tư gia, phần tụng niệm khi cúng dường, phần đặc biệt dành cho ngày lễ, ngày vía. Ngoài ra còn có phần dành để mật niệm (phần này có nhiều ẩn ngữ và Kinh Chú tiếng Phạn).

Nội dung Kinh điển cũng có lắm khác nhau, có quyển luận về pháp Thượng thừa của Nhà **Phật** (như **Kim Cang Bát Nhã**) có quyển luận về xử sự đạo hiếu, báo đáp Tiên linh (như **Kinh Hiếu Nghĩa**, có quyển ghi danh tính của những vị cao đồ hoặc trung thành hoặc tử vì đạo pháp (như **Siêu Thăng Kinh**). Có quyển ghi chép những danh sách của liệt vị **Thánh Hiền Tiên Phật** cổ kim (như **Phổ Độ Kinh**) có quyển ghi danh tính của những **Hung Thần Ác Sát** (như **Tâm Ứng Kinh**). Phần nhiều kinh kệ này, thường có Thần Chú chữ Phạn. Đặc biệt như quyển **THIÊN ĐỒ KINH** có nhiều bài kệ

vần điệu rất điêu luyện, từ ngữ rất văn hoa, nhưng về ý nghĩa rất bí hiểm, lắm khi dùng một địa danh khác, như là địa danh nước Tàu thời cổ để ám chỉ vào một tai họa sắp xảy đến, hoặc thời thế biến thiên vào một không gian cũng như thời gian nào đó, khó mà đoán chắc được. Xin trích một vài đoạn trong **Thiên Đồ Kinh** làm thí dụ:

Yên Triệu vô nhưn chưởng

Ngô Việt thậm xướng cuồng

Có nghĩa là:

Nước Yên nước Triệu không người gieo giống

Nước Ngô nước Việt rất khờ dại .v.v...

Cũng có đoạn nói về các cuộc binh biến, giặc giã hỗn loạn rất ghê gớm, nhưng không biết những sự kiện đó xảy ra tại không gian và thời gian nào? Năm tháng thì tính theo Can Chi như phương pháp tính ngày tháng của Tàu, nên không thể dám quyết đoán chuyện đó xảy ra vào một thời kỳ như định nào? Lại những đoạn khác:

**Binh tướng như phong vũ
Xuẩn xuẩn khởi tứ phương
Nam nhi giai khứ tận
Phụ nữ vận y lương**

Có nghĩa là:

**Binh tướng như giông bão
Chen lấn dậy bốn phương
Trai tráng đều đi hết
Phụ nữ phải vận lương.**

Theo bài kệ trên đây, nghĩa đen là vậy, nhưng không biết ẩn ý vào việc gì? Thời nào? Và địa phương nào?

Cũng có đoạn đọc lên thấy rằng trong ấy có ẩn ý chiết tự (nhiều chữ phụ ráp lại thành chữ chánh). Nếu là chiết tự thì không thể giải nghĩa nghe cho được. Nhưng cũng không ai hiểu chiết tự như thế này rồi ráp ra thành chữ gì? Ẩm chỉ vào thời nào? Nhơn vật nào? ví như:

三人兩丁名知否，問姓寸木連三口
吾亦爲之未顯揚，相逢定在寅卯後

**Tam nhờn lưỡng Đình danh tri phủ
Vấn tánh thốn mộc liên tam khẩu
Ngô diệt vi chi vị hiển dương
Tương phùng định tại Dân Mạo hậu?...**

6. TAM SAO THẤT BẢN.

Tất cả kinh điển đã có từ ngày **Đức Bốn Sư** còn tại thế, đến nay đã gần cả trăm năm (1876 – 1971) trong suốt thời kỳ dạy dỗ đó, sao đi chép lại không biết bao nhiêu người viết, nhưng sự sao chép quan trọng ấy chỉ chép toàn bằng tay!

Sự sao chép bằng tay, rất dễ sai lạc với bản chánh, bởi những bản tứ thơ đó chưa hẳn là người rành chữ Hán, chẳng những cho một thời kỳ mà qua nhiều thời kỳ sao chép. Lúc đầu còn thận trọng, trong tổ chức sao chép có người giữ đúng vai trò coi sóc việc sao chép (văn hay chữ tốt). Lâu dần, đạo càng phổ biến rộng, có nhiều cơ sở chùa miếu, cúng kiến tụng niệm thường xuyên và nhiều người tụng niệm, nên nề nếp tổ

chức cũ không còn nữa. Ai chép cũng được, miễn có số lượng cho nhiều đủ cung ứng cho nhu cầu thì thôi. Tai hại nhất là những người ham tập viết để biết chép Kinh, viết số điệp .v.v... (trong số kinh điển gần đây, phần nhiều là số người sau này chép).

Hơn nữa, hình thức chữ Hán là lối chữ khó học, khó viết nhất, cho đến cả Thế giới thấy đều chạy mặt sự rắc rối của nó. Mặc dầu người học giả đi nữa khi quên một chữ nào thì ráng mà chịu, chớ không có vần đâu mà ráp lại như chữ La Tinh. Nếu viết sai một phết (/) hay một chấm (.) tức nhiên chữ ấy biến âm và nghĩa khác. Có lắm khi "đồng âm" mà "khác chữ" đọc lên nghe cùng một âm mà viết ra thì chữ và nghĩa khác nhau rất xa.

Do đó, mà sự "**Tam Sao Thất Bốn**" nó đem đến cho nhiều câu Kinh, Kệ chẳng những sai nghĩa, lạc vần mà thôi, lại có lắm câu ý nghĩa trở nên ngớ ngẩn nữa là khác. Chúng tôi xin đưa ra một ít thí dụ để cùng trao đổi và

nhận xét. Trích hai câu Kệ trong **Kinh Siêu Thăng**:

靈魂恰似一孤舟
朝朝日日水上遊

... **Linh hồn hấp tợ nhưt cô "châu"**

Triêu triêu nhưt nhưt thủy thượng du

Có nghĩa là:

Linh hồn của các bậc tiền nhân tợ như chiếc thuyền mô côi, sớm chiều thả trôi theo dòng nước (bập bênh không biết bến đâu mà ghé .v.v...)

Trong hai câu kệ này, chữ "châu" (chiếc thuyền) là Chủ từ, nó Đại danh từ cho Linh hồn. Tam sao thế nào đó, lại biến chữ "châu" ra thành chữ "đơn". Chữ Đơn chỉ khác hơn Châu có một (靈魂) phết nhỏ trên đầu, mà biến ý nghĩa và vần điệu của bài kệ này không còn biết ra làm sao cả! Vì chữ Đơn nghĩa nó là Đỏ (sắc màu).

Một thí dụ khác, như bài kệ trong **Hiếu Nghĩa Kinh** đoạn kể về lịch sử của **Đức Bốn Sư**:

吳本宗所號繼道所成能

... Ngô Bản Tôn (tông) sở hiệu

Kế đạo sở thành năng ...

Có nghĩa là:

Danh hiệu vốn dòng họ "Ngô"

Nổi theo mỗi đạo đã thành đạt

(Bửu Sơn Kỳ Hương)

Có lẽ đây là một trong trường hợp "Đồng âm dị tự" (đồng âm mà khác nghĩa) khi đọc lên âm điệu vẫn giống nhau, mà ý nghĩa khác nhau như đen với trắng. Vì sao chép ra chữ "Ngô" nghĩa là ta, chớ không phải chữ Ngô là họ "Ngô" và chữ "Tôn" nghĩa là cao (Tôn ty : cao thấp) chớ không phải chữ "Tôn" (Tông) nghĩa là dòng họ. Ngô Bản Tôn (吳本尊) : Vốn dòng họ Ngô. Đàng này chép lại Ngô Bản Tôn: Ta vốn cao .v.v... Như thế thì e cho ý nghĩa cách nhau quá xa? Hơn nữa, **Phật** vốn ghét cái "ta" (bản ngã) ở đây chẳng những xưng "ta" mà còn thêm "Tự Tôn Tự Đại" nữa, do đó mà chúng tôi

có thể tin chắc rằng tại Tam Sao Thất Bốn làm sai lạc ý nghĩa, chớ trường hợp này không thể nào xảy ra được.

Còn nhiều điểm tương tự, nhưng trong khuôn khổ quyển sách hạn hẹp, nên không tiện trích lục hết ra đây được, để chúng ta cùng tìm hiểu thêm. Tuy vậy, nhưng hiện giờ tin đồ thấy sao thì đọc vậy, vì họ cùng quan niệm rằng: Hồi trước viết sao thì mình tụng vậy, chớ không dám cãi sửa.

Chúng tôi cũng không dám phê phán ý kiến của quý vị đó là phải hay sai, nhưng cũng xin đóng góp vào mục này một ít ý kiến thô thiển: "Căn cứ theo **Phật sử**, bốn tháng sau khi **Đức Thích Ca Mâu Ni** nhập Niết Bàn, các vị cao đồ nhất là hai ông **A Nan** và **Ca Diếp** triệu tập tất cả những vị Đạo cao Đức dày trong Đạo lại, với mục đích là kết tập những lời giảng dạy của Ngài trên 40 năm mà chép thành kinh điển. Trên 2.000 năm sau, có những vị cao đồ quán thông **Phật Pháp** cổ kim như hai Ngài: **Mã**

Minh và **Long Thọ Bồ Tát** cũng kết tập và sao định **Phật kinh** lại. Nhờ đó ba Tạng: Kinh, Luật, Luận của **Phật** cho đến ngày nay (đã hơn 20 thế kỷ) rất ít sai lạc từ chữ đến ý.

Nếu những vị có trách nhiệm của Hệ phái **Tứ Ân Hiếu Nghĩa** cứ thấy sao đọc vậy, thì chúng tôi sợ e giáo lý của **Đức Bốn Sư** càng ngày càng sai lệch căn bản chân truyền đi chăng?.

III. VẪN CÒN PHÁP NẠN.

Từ ngày **Đức Bốn Sư** viên tịch, tín đồ tại thôn nào thì theo sự hướng dẫn của ông Trò, ông Gánh của thôn nấy, đó là những tín đồ đã lập căn cứ tại bốn thôn, Còn những tín đồ ở nơi khác, vì hoàn cảnh gia đình, thời cuộc và sanh kế mà họ không qui tụ về đây được, nhưng họ vẫn giữ Đạo, mỗi năm đến mùa cúng vào 5 tháng đầu năm, hoặc những ngày Vía, ngày Lễ họ vẫn đến lễ bái mỗi năm ít nhất là hai lần.

Khi người tín đồ từ bốn phương có về núi Tượng, cũng không khác nào người có căn gốc tại đây, nghĩa là ai ở gánh nào do ông Trò hoặc Cư Sĩ của gánh đó lo cho họ. Sinh hoạt giáo sự đều đặn như vậy trong vòng 40 năm.

Đến năm Canh ngũ (1930) các vị cao đồ xét thấy việc cất chùa miếu bằng tranh, lá sẽ gặp nhiều tai kiếp hỏa hoạn, nên cử động tín đồ đóng góp vật liệu và tài chính, xây cất lại tất cả miếu bằng xi măng tráng nền, lợp ngói, vách xây bằng gạch, đá .v.v... Từ đó, những ngôi

chùa miếu không còn mang sắc thái đơn sơ mái tranh vách lá nữa, mà hầu hết đều mang sắc màu vôi ngói, hòa lẫn với màu non xanh rừng thẳm của Thất Sơn huyền bí.

1. PHÁP NẠN LẦN THỨ TÁM.

Đến năm Ất Dậu (1945) nghĩa là 15 năm sau ngày tín đồ chung tay xây cất chùa miếu bằng vật liệu nặng, đất nước Việt Nam trải qua một cơn sốt chiến tranh hãi hùng, vì mục đích đánh đuổi thực dân ra khỏi nước Việt, nên các người hữu trách lúc bấy giờ ra lệnh đập phá tất cả những gì xây cất bằng vật liệu nặng. Viện cứ rằng nếu để những cơ sở này thì giặc Pháp sẽ chiếm làm đồn, bót .v.v...

Do đó, người tín đồ **Tứ Ân Hiếu Nghĩa** phải cẩn rắng đập phá những cơ sở trước đây chính mình đã dày công xây dựng, thành ra những ngôi chùa miếu trước kia cất bằng tranh lá, hôm nay nó cũng trở lại với màu sắc gian khổ của lá tranh. Có điều họ không nỡ hủy hoại

hoàn toàn, nên van xin với những người có quyền lúc bấy giờ, cho phép họ phá tường tôn ngói, khỏi phải triệt hạ đến sườn nhà. Từ đó, chùa miếu mang thể chất mái lá, nền đúc, vách tranh.

Dẫu cho chùa ngói vách gạch, hoặc mái lá vách tranh, người tín đồ vẫn tôn trọng giá trị tinh thần như nhau, vẫn thường xuyên bảo vệ và công phu bái sám ...

2. PHÁP NẠN LẦN THỨ CHÍN.

Phải chăng Hệ phái **Tứ Ân Hiếu Nghĩa** vẫn còn thiếu "quả căn" với người Pháp? Nên vào ngày 24 tháng 7 năm Đinh Sửu (1919) chúng lại tấn công vào núi Tượng, đốt sạch tất cả, chùa miếu và nhà cửa hàng ngàn gia đình của tín đồ, bắn giết rất nhiều người vô tội. Bắt đem đi giam cầm, tra tấn hàng trăm người. Lần này tài sản tiêu hao không kể xiết.

Năm hôm sau, tín đồ qui tụ về cảnh cũ nền xưa, chỉ còn nhìn những đống tro tàn và

dụng cụ cháy bể ngọn ngang. Những nạn nhân tuy phải sống với cảnh màn Trời chiếu Đất, thiếu cơm áo, thuốc men, cũng không quên dựng lại những ngôi chùa cháy đổ và che tạm những túp lều để đỡ nắng che mưa. Từ đó, sinh hoạt giáo sự phần nhiều là lúc về đêm và hạn chế tụ họp đông đảo trong những ngày lễ lộc.

Người tín đồ **Tứ Ân Hiếu Nghĩa** chịu quá nhiều lần pháp nạn, ban đầu họ còn lo sợ tai ách, thét rôi gần như thản nhiên trước sự chết chóc. Cháy mái nhà này che lại mái khác. Giặc triệt hạ ngôi chùa này tái thiết ngôi chùa khác. Họ có thừa đức tính kiên nhẫn trong vấn đề bảo vệ cơ sở của Thầy Tổ.

Chịu đựng như thế đó cho đến năm 1966, các ông Gánh mới hợp cùng tất cả tín đồ, kể công người của dang tay nhau tái thiết lại những ngôi chùa miếu đã bị hủy hoại cũng bằng vật liệu nặng. Nhưng lần này họ xây cất những ngôi chùa miếu – có vẻ tân kỳ và chắc

chấn hơn. Mỗi khi có lễ lộc lớn, thập phương Bản Đạo tề tựu về càng đông hơn.

3. SỰ SINH HOẠT CỦA NGƯỜI TÍN ĐỒ HIỆN NAY.

Như đã nói ở phần trước những vai trò của các ông Gánh và người tín đồ về sinh hoạt giáo sự. Ở đây chúng tôi xin nói đến sự sinh hoạt của người tín đồ ngoài xã hội.

Thôn An Định (hiện nay là ấp An Định xã Ba Chúc, quận Tịnh Biên (Châu Đốc) được coi là trung tâm hay nơi phát nguyên của Hệ phái **Tứ Ân Hiếu Nghĩa**. Vì nơi đây là địa điểm đầu tiên của **Đức Bản Sư** khai sáng nền Đạo. Hai ngôi chùa: **Phi Lai** và **Tam Bửu** là nơi **Đức Bản Sư** cư ngụ và trì niệm. Do đó mà các lễ lộc lớn đều tập trung tại đây.

Sự sinh kế của tín đồ cũng gồm đủ các nghề: Nông nghiệp, Công nghiệp và Thương mại như những nơi khác trong toàn quốc, nhưng với tính cách Thủ Công nghiệp cổ truyền chớ

chưa được Kỹ nghệ hóa hay nhờ sự giúp đỡ Kỹ nghệ hóa. Đặc biệt tại địa phương này là nghề nhỏ Bàng đan Đệm. Khoảng 5 giờ sáng là nghe tiếng giã Bàng từ đầu làng đến cuối xóm. Nguồn lợi Đệm ở đây cũng rất lớn, nếu họ tìm cách thay kỹ nghệ vào thủ công thì chắc chắn nền kinh tế của nước nhà sẽ thêm được một thị trường Đệm đáng kể vậy.

Gần đây nghề nhỏ Bàng cũng bị sa sút rất nhiều, vì những nơi có cây Bàng mọc nhiều và tốt thì an ninh không được bảo đảm, có lắm người phải bỏ xác nơi vùng ruộng Bàng! Do đó mà sự đi lại tìm nguồn lợi thiên nhiên này càng ngày càng gặp lắm khó khăn.

Nếp sống của người tín đồ **Hiếu Nghĩa** cũng không quá đua đòi theo vật chất, vì phần đông đều để tóc dài, nên sự trang phục không đòi hỏi theo thời trang quá tốn kém. Dầu phải lăn lộn, tín đồ vẫn giữ Đạo, mến Đạo, không hề bỏ qua những lễ lộc căn bản của Đạo, dầu phải làm lụng vất vả cũng không bỏ qua một thời lễ

bái công phu trước mọi thực cảnh, dầu an, nguy, tiếng kệ hồi chuông vẫn đều đều theo sớm tối...

IV. HÊ PHÁI "TỨ ÂN HIẾU NGHĨA" TRƯỚC THỜI CUỘC.

Nếu không trình bày đầy đủ trên trang giấy, chắc hẳn không mấy ai hiểu được trọn vẹn nỗi khó khăn, cay đắng của người tín đồ **Tứ Ân Hiếu Nghĩa**. Có nhiều người thường bảo: *Đi tu là tự mình đã chấp nhận mọi thử thách gian nan. Nếu còn vướng bận vật chất xa hoa, tốt hơn đứng ngoài thế tục để đua chen danh lợi.*

Chẳng biết có phải vì thế đó mà **Đức Bốn Sư** mới chọn một không gian đặc biệt, đầy đủ sự khó khăn thử thách để rèn luyện người tín đồ? Hơn nữa, sự kiện khó khăn ấy nó kéo dài không dứt. Thời gian và không gian ấy nó đủ sức gạn lọc những căn bã và tinh hoa trong giới tín đồ, khác nào một cuộc chạy đua đường trường mà không qui định thời gian tới mức hơn

thua. Và loạn lạc nhiều nhường càng kéo dài thì con người rất dễ dàng lộ ra chân tướng: "**Con Phật, Phật dẫn. Con ma, ma dắt**" .v.v...

Căn cứ theo sử liệu, kể từ ngày **Đức Bổn Sư** khai sáng nền đạo **Tứ Ân Hiếu Nghĩa**, đến lúc Ngài hướng dẫn tín đồ vào núi Tượng thì nền Đạo của Ngài phải "hứng trọn" thời kỳ giặc Pháp đánh chiếm miền Nam nước Việt Nam (1860-1876). Trong thời gian 16 năm đó, có nhiều phen Ngài phải ẩn lánh, hóa trang đủ mọi lớp người mà truyền đạo, gian nan không kể xiết.

Khi Ngài vào khai hoang nơi núi Tượng, tuy là tiếng đạn bom đã lảng dịu, nhưng sự lập thành cơ sở để truyền bá một giáo thuyết mới thì hết sức khó khăn. Vì nhà cầm quyền Pháp đang dùng thuyết mị dân đánh lạc hướng cho dân chúng sớm quên cội bỏ nguồn, để họ tổ chức một nền hành chính thực dân theo đường lối chính trị của họ. Do đó, họ rất sợ các cơ sở đảng phái nên chủ trương tiêu diệt đảng phái.

Tình trạng khó khăn kéo dài đến năm 1888, họ tổ chức guồng máy cai trị xong, mới ra lệnh chiêu an. Kể từ đó, Chùa Miếu mới tạm ngưng bị triệt hạ và thiêu hủy. Tín đồ mới tạm sống yên dưới gót giày của Thực dân Pháp hơn nửa thế kỷ!

Đến năm Ất Dậu (1945) Chùa Miếu và nhà cửa của tín đồ bắt đầu chịu tai kiếp trở lại. Lần này còn trầm trọng hơn và kéo dài cho đến ngày nay (1945 – 1971). Ngoài sự gian khổ đã nêu trong 25 năm đó, người tín đồ ở vùng Bảy Núi nói chung, núi Tượng nói riêng, họ còn phải nếm không biết bao nhiêu mùi cay đắng khác, phải nghe không biết bao nhiêu điều lạ tai, hưởng không biết bao nhiêu chiếc bánh vẽ của bên này hoặc bên kia. Nhưng rốt cuộc họ vẫn phải gánh chịu những vất vả gian nan, chung quanh mình thường xuyên toàn là đạn bom máu lửa!

Nhiều thực cảnh quá phũ phàng, nhưng người tín đồ **Tứ Ân Hiếu Nghĩa** vẫn âm thầm chịu đựng. Nguồn hy vọng duy nhất của họ,

không lẽ quá khứ đã chịu lắm cay đắng gian nan, tương lai không có một ngày tươi sáng hay sao? Vì Thầy đã dạy:

**Giữ lòng neo nọc cho bền
Gió lay mặc gió vững thuyền thì thôi ...**

Họ phó mặc cho giông bão nổi dậy trên biển đời, họ vẫn vững tay lái con thuyền **Tứ Ân Hiếu Nghĩa** của **Tổ Thầy** đã lưu lại. Họ chờ đợi ở tương lai có một ngày tươi đẹp hơn. Ngày ấy là "**Hội Long Hoa**".

Căn cứ theo Sấm Ký hoặc Kinh Kệ của **Phật giáo BỬU SƠN KỲ HƯƠNG** có nói đến rất nhiều về **Hội Long Hoa**. Do đó, toàn thể người sùng kính **Phật Giáo Bửu Sơn Kỳ Hương** không hẹn mà gặp nhau cùng một tâm tư tín ngưỡng: "Ráng tu hành chịu khổ, chờ đến ngày "Hội Long Hoa" **Phật** sẽ luận công xử tội". Bởi thế, họ cố chịu những tai họa thâm, thường chối bỏ những lợi danh phù phiếm để chờ hưởng quả phúc ở tương lai.

Thuở **Đức Bốn Sư** còn tại thế, Ngài xử sự đúng theo tinh thần bác ái của nhà **Phật**, Ngài thường làm gương cho tín đồ noi theo mà giữ gìn giới luật. Không kể người ngoài Đạo đã nhiều phen gây cho nền Đạo phải chịu điều đứng gian nan mà thôi, chính trong tín đồ của Ngài cũng có người sớm mai giữ Đạo, chiều lại hưởng dẫn giặc đến bắt Ngài, để rồi lãnh lấy những hậu quả thảm khốc, cũng bởi *tham, sân, si* mà ra. Ngài giảng giải thuyết Nhân Quả và chỉ điểm cho tín đồ những sự kiện đã xảy ra, để làm mục tiêu cho mọi người nhìn vào đó mà tu thân xử kỷ.

Bởi thế, đa số tín đồ rất sợ nhân quả của nhà **Phật**, và thuyết "*tích thiện phùng thiện, tích ác phùng ác*" của Đạo Nho, nên hiện giờ họ vẫn giữ Đạo, làm lành, đoàn kết lo tu thân, tuân phép nước mà chờ ngày **Phật**, Trời thưởng công luận tội.

KẾT LUẬN



Đức Phật Thầy Tây An khai sáng ra **Phật Giáo Bửu Sơn Kỳ Hương** đến nay đã trên 100 năm (1849 – 1971). Trong thời gian dài đằng đẵng đó do thời cuộc hoặc hoàn cảnh mà **Phật Giáo Bửu Sơn Kỳ Hương** chia ra nhiều Hệ phái, nhưng nội dung tu học cũng chỉ là một: Người Cư sĩ tại gia vẫn tôn thờ "**Tứ Đại Trọng Ân**" và nhập thế gian mà "**Học Phật Tu Nhân**".

Dẫu cho thời gian có khác nhau, không gian không giống nhau, nhưng toàn thể các Hệ phái xem nhau cùng một gốc, cũng như có sự truyền cảm tâm linh đồng nhất của các Hệ phái. Trên 100 năm đó, **Phật Giáo Bửu Sơn Kỳ Hương** đã trải qua biết mấy thăng trầm, có lúc giông bão đời sắp cuốn trôi tòa nhà **Bửu Sơn Kỳ Hương**, nhưng lòng người tín đồ vẫn nhớ cội, giữ nguồn, khi qua cơn giông bão thì khác nào những cánh bèo tan rồi lại hợp.

Quá khứ là vậy, hiện tại còn đó. Nhưng tương lai thì sao? Câu hỏi đó chỉ còn chờ đợi ở thời gian. Và những câu trả lời vững chắc nhất không ai bằng người trong cuộc. Tức là toàn thể những người mến yêu tha thiết bốn chữ “**Bửu Sơn Kỳ Hương**” vậy.



Phụng Văn Kính Lễ Đức Bổn Sư

(Tứ Ân Hiếu Nghĩa)

Nhớ lại thuở nào
Bổn Sư khai mở Đạo
Tứ Ân trọng đại
Hiếu Nghĩa vi Tiên
Khắp cõi trời Nam
Vang rền tiếng Sấm
Làng Mới lập nên
Muôn dân no ấm
Lòng trung một tấm
Gìn giữ cõi bờ
Trên **Thánh Minh** hết dạ phụng thờ
Dưới cần cần một lòng roi dẫu
Tết Ngươn Tiêu đèn trời soi thấu
Rằm Thượng Lai **Tam Bửu** lễ cầu
Đất nước thanh bình
Non sông bền vững .

Thành lòng lễ bái **Bổn Sư**
Cúi mong ân đức phúc dư bủa truyền
Đạo đời đều đặn bình yên
Trẻ, già, trai, gái thiện duyên gieo trồng
Người người đẹp ý tâm đồng
Gia gia hưng thới non sông thanh bình
Cúc cung **Sư Bổn** chứng minh
Đèn hoa dâng kính lễ trình Thượng Ngươn.

Kính Bái!

BA CHÚC



Ba Chúc! Trong những ngày thăm viếng đã ghi đậm vào tâm trí tôi, với biết bao kỷ niệm. Nhìn ngôi nhà mồ trước đống xương tàn thiêu rụi, hàng ngàn đồng bào thương yêu đã bị thảm sát do bàn tay của bọn hung tàn khát máu, lòng bùi ngùi xúc cảm. Tôi thành tâm thấp nén hương này khẩn nguyện trước các đấng oai linh còn phưởng phất nơi đây, xin chứng cho tất dạ của người con dân nước Việt và chia sẻ nỗi đau sâu thống thiết đến những gia đình đã bị mất mát trong thảm cảnh vừa qua.

Bằng bài thơ cảm xúc dưới đây:

Ba Chúc ôi! Một ngày đầy thảm trạng
Bao gia đình lâm nạn chịu tóc tang
Lửa quân thù thiêu đốt cả xóm làng
Lũ Pôn-Pốt dã man đầy tội ác
Cảnh bi khổ chia ly người sống thác
Tiếng trẻ đòi sữa mẹ khóc giữa đêm

Ngọn cành dương võ ổ lạc đàn chim
Chùa hoang lạnh hồi chuông im tiếng đờ
Mảnh thi hài chất chồng trên mương lộ
Chịu làm môi lữ kiến bám đầy thân
Ôi! Điều linh như một cuộc tẩy trần
Xương chất đông máu tuôn loang tường nhuộm
Dấu tích để, cho lòng người sâu muộn
Yêu hòa bình hay chuộng cảnh chiến tranh
Vì tham quyền bao kẻ giết dân sanh
Lấy xương máu dựng lên nền thống trị
Trước gương đó chúng nhân mau suy nghĩ
Cảnh tỉnh lòng lập lại cuộc đời tân
Dứt oán thù, xóa bỏ việc tranh phân
Đừng để mất giống dân nào diệt chủng
Hãy mở rộng con đường Bi Trí Dũng
Mà ngàn xưa Tông Tổ đã truyền roi
Dầu hôm nay ta chịu sự thiệt thòi
Cũng quyết chí đứng lên vì cuộc sống
Bởi chủ nghĩa phải bảo tồn nòi giống
Chớ làm cho dân khác chịu tiêu hao
Ta vinh quang mà lắm kẻ khổ đau

Chẳng thể lấy cho mình đây vinh hạnh
Trời có lúc mưa to rồi yên tạnh
Màu xanh kia trả lại với con người.
Làng mới ơi! Ba Chúc nay rạng ngời
Bảng xếp hạng ghi vào trong trang sử
Nọ Phi Lai còn kia Tam Bửu Tự
Trải trăm năm năm trấn giữa làng thôn
Sáng trưa chiều ngân đổ tiếng hồn chuông
Khách lai vãng dập dồn thăm cảnh vật.
Thiên Cấm Sơn tường thành cao chông chất
Cũng là nơi điểm dựa chống xâm lăng
Con kênh dài miền Lạc Quối đón ngăn
Chịu những trận mưa nguồn khi trút đổ.
Xưa cũng lắm trải qua nhiều tai khổ,
Giờ hồi sinh xây dựng lại rất nhanh,
Cánh đồng nay không còn lấp cỏ tranh,
Chỉ tồn tại lúa bông vàng trĩu hạt,
Và tiếng mẹ ru con vang điệu hát,
Mái trường nay nhả nhót trẻ nô đùa,
Bóng tường vân che phủ cả ngôi chùa,
Sự ấm mát bình minh xua tăm tối,

Mưa lành nhuận tháng ngày luôn rửa gội,
Búp măng non vươn mọc hứng sương trời.
Cảm nguyện này thi tỏ chúc đôi lời
Vùng đất Thánh muôn đời luôn đứng vững.

Thi

Ngọn gió **Tân** gieo dậy Đất Trời
Lửa hồng thiêu cháy cả muôn người
Câm gan lữ mọi gây tai ách
Thù bợn rợ man đến vạn đời
Thiên sử chép ghi truyền để lại
Niên niên con cháu vẫn ghi lời
Còn bia tạc đá xương chồng đồng
Mãi nuốt hận lòng dạ khó nguôi.



Văn Diệu Anh Linh

Nhà Tưởng Niệm Xã Ba Chúc



Trước Đài Thiêng khói hương nghi ngút tỏa,
Xin nghiêng mình đánh lễ Các Vị Anh linh
đã tử nạn vì cuộc chiến Pon-Pok đau thương!

Bao đoá hoa xinh, bao tấm lòng tưởng
niệm, Cầu Nguyện Các Anh Linh còn ẩn khuất
đâu đây sớm siêu thoát nường về **Phật Quốc**
Vãng Sanh Tịnh Độ.

Vẫn biết cõi vô thường
Cuộc tử sinh nào ai tránh khỏi
Đứng trước Đài Thiêng.
Lòng ngùi ngùi tưởng niệm.

Cầu nguyện anh linh sớm vãng sanh
Nường về **Phật Quốc** đáo Tây Thành
Mê đồ sáu nẻo không luân chuyển
Giác tận nguồn chơn Đạo hiểu rành
Biển khổ trầm luân bao thống thiết
Sông trần lên xuống cứ vây quanh

Tây Phương tiếp dẫn hồn siêu thoát
Cực Lạc đồng cư đắc quả lành.

Xin thấp nén hương lòng!

Vãng Sanh Quyết Định Chơn Ngôn



Nam mô a di đà bà dạ,
Đa tha dà đa dạ, đa điệt dạ tha,
A di rị đô bà tỳ,
A di rị đa tất đam bà tỳ,
A di rị đa tỳ ca lan đế,
A di rị đa tỳ ca lan đa,
Dà di nị dà dà na,
Chỉ đa ca lệ Ta bà ha.

Nam Mô A Di Đà Phật.

Kính Bái!

TƯỜNG NIỆM NGÀY ĐỨC BỐN SƯ VIÊN TỊCH

(13-10-1890)

Đêm thượng lương, một đêm huyền diệu
trăng sao đầy lấp lánh. **Tam Bửu** uy nghi mầu
kín, tiếng mõ hồi chuông ngân vang như điệp
khúc. Đoàn người quì mọp, đầu trích khăn điều,
xướng lên những dòng kệ thâm u, mùi hương
bát ngát xông lên đến tận trời xanh, những
ngọn tỏ theo chân người thượng đánh chập
chờn hiu hắt trước làn gió nhẹ giữa đêm 13 tịch
mịch. Tôi đứng lặng người hướng vào huyền ảo
lòng hồi hộp làm sao. Ôi! Tín hiệu của người
xưa còn để lại. Tôn Chỉ nghi thức truyền đạt
vẫn còn đây, văng vẳng bên tai như tiếng người
gọi tỉnh!

ĐỨC BỐN SƯ! Một nguồn suối không thể
cạn! Một viên ngọc sáng không thể lu mờ! Dầu
ngày nay có bị chôn vùi theo thời gian đi nữa,
dẫu không lưu dấu hình ảnh, diện mạo của Đức
Ngài, nhưng hình bóng Đức Ngài vẫn còn in
đậm trong lòng người ngưỡng mộ tôn thờ.

THI KỆ

Sơn trung ngọc đảnh hiện chân nhân
Ngô Bốn tùng lai hiệp tụ thần
Giải ngộ đời mê cơn bỉ cực
Nước non tái thế vốc đền ân
Lâm cơ bách biến do Thiên định
Tha nguyện muôn đời quyết lập thân
Mạt hạ đèn Trời chưa tỏ sáng
Chánh, tà không thể tỏ tường phân.

THI

Vô ảnh Chơn Sư ẩn tích kỳ
Nhiệm mầu dấu kín máy Huyền vi
Duy tâm khảo sát thù miên giải
Cổ lão truy tâm chỗ thanh suy
Niên thiếu bất tri di thiện đức
Nãi hồi vọng nguyện tác cuồng thi
Âm dương triết cấu vô cùng tận
Năng sở khôn lường chỗ trí tri.

Thiên khai **Bửu** xuất lập đời tân

Địa Thất **Sơn** danh hiển Phật Thần
Tuần định **Kỳ** linh an trấn thủ
Hườn lai **Hương** vị tại Long Vân
Châu minh **Lộ** vẻ trường quan hiển
Nhi trở **Diện** Thầy hiện hóa thân
Vận nước **Đời** tàn lo chấn chỉnh
Chuyển hồi **Thạnh** trị chánh tà phân.

Thành tâm kính dâng!

Cư Sĩ Thanh Lam

THĂM VIẾNG THỦY ĐÀI SƠN (Ba Chúc)



Thủy Tổ khai hoang ấn lệnh truyền
Đài cơ Phép Bảo cảnh thiên nhiên
Sơn qui vạn pháp trong Tam Giáo
Định quốc an bang mở đạo thiên
Lập đức như hà sông núi rạng
Lôi oanh tảo tận tại ư Thiên
Âm dương cấu kết càn khôn lập
Địa Việt nhân tài tạo định yên.

Đức bủa mười phương máy diệu mầu
Bốn chơn xuất hiện rạng năm châu
Sư truyền Đại Đạo qui căn tánh
Khai Bát Nhã thuyền vạn pháp thâm
Sáng tạo địa danh phong cảnh đẹp
Linh quang chiếu rọi chúng sanh châu
Bửu đài ngọc ấn Kỳ Hương chuyển
Tự giác tâm tu cửa **Phật** hầu.

Tưởng niệm 123 năm
ngày Đức Bốn Sư Viên Tịch
(13.10 Canh Dần 1890-13.10 Quý Tỵ 2013)
Một Tấm Gương Sáng Đời Đời Cho Hậu Thế

NHỚ NGUỒN ƠN

Nhớ công cứu nước mở giang san
Ơn nghĩa ngàn năm tạc đá vàng
Người đã dựng lên bờ cõi mới
Sáng gương hậu thế Việt Nam bang
Khai truyền chánh nghĩa vì dân tộc
Nền tảng niên niên đứng vững vàng
Đại Đức cao dày khôn thể sánh
Đạo lành mở rộng khắp nhơn gian.

Đức hóa nhơn sanh đạo Tứ Ân
Bốn tâm xuất xứ tựu trung thân
Sư Minh kiến tánh viên thông liễu
Danh bất hư truyền đấng Đại nhân

Đời tạc gương hiền soi sáng mãi
Lưu niên thiên kỷ vị lương quân
Hậu lai tôn kính Sơn Kỳ Bửu
Thế giới rạng ngời ngọc báu trân.

Nhớ ơn người có công dài
Mở mang bờ cõi đất này khai hoang
Thuở Tự Đức giang san nghiêng ngửa
Bọn Lang Sa chiếm nửa ba miền
Đất, Trời gió bụi khôn yên
Truân mông hạt bụi, ưu phiền lê dân
Trên Quốc Chánh quân thần rối loạn
Dưới tham quan chiêu bằng cầu hòa
Bắc Nam tang tóc san hà
Kẻ lo bôn tẩu, người ra giải nàn
Ngài là một những trang hào kiệt
Biết thời kỳ nước Việt suy vi
Anh hùng không thể cứu nguy
Trước làn sóng dậy Tây Di súng đồng
Nhưng cũng chẳng ngồi trông giặc đến
Phải làm sao ngộ biến từng quyền

Lòng trung Tổ Quốc không yên
Mượn kinh **Minh Thánh Đào Viên** kết đoàn
Người quyết chí lâm san ẩn trú
Mở rừng sâu phủ dụ dân tình
Ngày ruộng rẫy, tối kê kinh
Tay chuông tay mõ, sự tình cho khuây
Kẻ xa đồn, đến đây đông đúc
Người gần thì chen chúc sống chung
Việt Nam mảnh đất cuối cùng
Giáp ranh biên giới thuộc vùng Cao Miên
Đạo Tứ Ân phổ truyền từ đó
Khắp thôn làng lớn nhỏ đồng theo
Sống hui hức, cảnh khổ nghèo
Mà tâm yêu nước thường treo ngày ngày
Cả nam nữ tóc dài đều để
Không chịu theo thế hệ ngoại bang
Lễ, nhân, trí, tín thuận đàng
Nghĩa ân báo đáp giữ trang thảo hiền
Tiếng lành bay khắp miền đất nước
Bọn Lang Sa hay được tin này
Cho quân lính đến phủ vây

Đốt chùa phá miếu, tìm Thầy chủ trương
 Ngài đoán trước tìm phương ẩn dạng
 Cùng môn đồ thoát nạn Tây Di,
 Bao lần đem đến hiểm nguy
Cũng không nao núng từ bi thương đời
 Lũ giặc biết ý người toan tính
 Đâu cho Ngài bình định nơi đây
 Dò la mật thám đêm ngày
Nhưng không khuất chí, lung lai được gì.
 Chúng đốt phá, kiên trì dựng lại
 Đến khi nào đứng mãi mới nghe
 Bọn Tây thấy vậy kiêng dè
Lần lần cũng bớt nặng nề âu lo.
 Lập tôn chỉ ông **Trò**, ông **Gánh**,
 Miếu **Phi Lai**, chùa chánh **Bửu Tam**.
 Bốn thôn đều có Miếu Am,
Tượng thờ Quan Thánh Già Lam kính sùng.
 Chiều và sớm cúng tận tụy,
 Mỗi kỳ rằm viết chỉ Sớ dâng,
 Hình như tưởng nhớ Quân Thần
Hay là trọng nghĩa hồng ân Phật Đài.

Ngôi **Long Đình** công dày sáng tạo,
Một kỳ quan của Đạo Tứ Ân.
Xưa về tay bọn bất nhân
Nay hồi Chủ cũ tất hoàn lại mau.
Nhớ ơn Ngài biết sao tỏ hết,
Còn nhiều điều đếm xiết cũng chưa
Muốn tầm hỏi lại người xưa
Cháu con **Trần Tịnh** chắc thừa biết dư
Ông là một số người đi trước
Có công theo dấu bước **Đức Ngài**
Võ văn đáng bậc hơn tài
Chắc là xứ sở đàng ngoài vô Nam.
Khi dâng Sớ đứng đầu trước Sớ,
Kỳ Tam ngươn, giỗ Tổ **Bốn Sư**
Luôn luôn đều có tên người
Xứng trang Lương đồng đạo đời ngợi khen
Nhớ ân **Ngài** khai đèn nhật nguyệt!
Mãi sáng soi nước Việt nghìn thu,
Trong đêm tăm tối mịt mù
Nhờ đèn trí rọi khỏi lu tâm hồn.
Nhớ ơn **Ngài** càn khôn khai lối!

Mở nguồn chân rửa gội tâm linh,
Chẳng nài gian khổ nhục vinh
Từ bi hỷ xả đẳng bình dưới trên.
Nhớ ơn **Ngài** lập nền Đạo cả,
Mặc tử sinh vất vả không màng,
Rừng xanh vệt lớp mây tan,
Non cao luyện đá lấp hang thú hùm.
Nhớ ơn **Ngài** bủa trùm nhân đức!
Trải bao đời tận lực vì dân,
Giang san chí vóc xả thân,
Lái thuyền Bát Nhã khuyến răn nhưn quần.
Nhớ ơn **Ngài** kính dâng bút tả!
Xin chứng tri tất dạ tâm thành,
Đời đời ghi tạc gương lành,
Hậu lai bia chếp sử xanh lưu truyền.
Nhớ ơn **Ngài** lòng nguyện noi chí,
Đối non sông chung thỉ vẹn gìn,
Tôn thờ Tổ Quốc sắt đing
Nêu cao nghĩa khí trung trinh Lạc Hồng.
Nhớ ơn **Ngài** tuôn dòng lệ đổ!
Phận con dân tai khổ đập đồn,

Lửa Tần thiêu cháy làng thôn,
Xương phơi chất đồng mồ chôn muôn người.
Nhớ ơn **Ngài** có lời để lại,
Chừng Bô-Đề kết trái đơm bông,
 Quế hương tỏa ngát thơm nồng,
Là ngày Nam Việt chắc ông phản hồi.
Nhớ ơn **Ngài!** Đứng ngồi chi xiết,
Trông đợi chờ rõ biết tin lai,
 Thúc câu thoãn thoát qua ngày
Mỗi mòn canh lụng rút ray tâm lòng.
Nhớ ơn **Ngài!** Để trong báu vật,
Bức **Đồ Thơ** còn mất hay chẳng?
 Đạo đời càng lúc rồi nhẵn,
Không ai chỉ lối lập thân hội nào.
Nhớ ơn **Ngài!** Trước đào yếm huyết,
Của Tàu man muốn tuyệt Thánh tài,
 Ứng diềm **Ngài** mới ra tay,
Tích chùa tên gọi **Thủy Đài Sơn** không?
Nhớ ơn **Ngài!** Chuông đồng nằm đó,
Biết chừng nào được ló trui lên,
 Cung nghinh ba tiếng vang rền,

Phật Tiên hội tụ lập nên **Long Hoa?**

Nhớ ơn **Ngài!** Cách xa năm tháng,
Lòng người nay chênh mảng việc tu,
Ngựa xe lên xuống vông dù,
Chạy theo tiếng huyên lời ru của đời.

Nhớ ơn **Ngài!** Nhớ người nằm xuống,
Tiếng thờm còn mẩn chuộng nơi nơi,
Tâm thư bày tỏ đôi lời
Khúc nôi minh chứng Đạo đời hôm nay.

- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.**
- **Nam Mô Bửu Sơn Kỳ Hương Phật.**

Nhớ lại ngày Thầy mở đạo khai
Nhớ ơn Tông Tổ lắm công dày
Nhớ câu chơn thuyết còn lưu để
Nhớ tiếng từ bi tỉnh giấc say
Nhớ đấng nhưn hiền soi hậu thế
Nhớ người đi trước dẹp chông gai
Nhớ nguồn giếng bạc trong khe chảy
Nhớ gốc Bồ Đề phủ mát thay .

Nhớ buổi Trời Nam nghi ngút mờ

Nhớ **Trương Công Định** dựng cao cờ
Nhớ ai ấn soái **Bình Tây** nắm
Nhớ lại gò rùa tiếng đấu trờ
Nhớ mảnh nguyên nhung còn cắt áo
Nhớ ngày **Gia Định** thất mưu cơ
Nhớ non, nhớ nước tuôn dòng lệ
Nhớ lại người xưa bóng tỏ mờ.

Nhớ lăm mười ba đúng tháng mười
Tín đồ **Bốn Đạo** khắp nơi nơi
Phi Lai lễ bái đông đầy kín,
Tam Bửu hương dâng chảnh chỗ ngồi.
Linh Tự chuông thiền vang lạnh lốt,
Châu Long hương tỏa tận mây trời.
Trẻ già niệm tưởng ngày **Sư Bốn**
Viên tịch mười ba đúng tháng mười.

Nô nức hân hoan trẻ lẫn già
Áo quần tiêm tất lễ hương hoa
Kính dâng trên đấng khai đường Đạo
Phục bái công Thầy sáng tạo ra.
Ba Chúc được mùa trời nắng đẹp,

An Hòa mưa thuận khắp gần xa.
Dưới trên hát khúc câu quyên quản
Trên dưới đồng lo lẽ **Phật Đà**.

Ước được thanh bình khắp mọi nơi
Sông trong, biển lặng máy thuyền bơi,
Bầu trời xanh ngát, đàn chim liệng
Dưới đất người người được hội chơi.
Có thưở như vậy vui biết mấy,
Gặp ngày hoa nọ nở trên môi.
Đàn Chiên vẫy hội vui mừng Chúa,
Bốn Đạo hò reo **Phật** giáng đời.

Kính lạy cầu trên **Đức Bốn Sư**
Bủa truyền pháp tánh chốn chơn như.
Chuông linh khua tiếng tan mùi tục,
Bát Nhã vọng vang thức tỉnh người.
Mặt thế đèn trời soi sáng tỏ,
Hạ ngươn mây muội sớm khai trừ.
Lai hồi cứu độ đời tai ách,
Tái thế lâm phàm rải phúc dư.

Kính bút!

Cư sĩ Thanh Lam

LƯỢC SỬ
NGÔI LONG ĐÌNH CỦA ĐỨC BỐN SƯ
HỆ PHÁI TỬ ÂN HIẾU NGHĨA TẠI NÚI
TƯỢNG
NGÀI LÀ MỘT TRONG BỐN VỊ GIÁO CHỦ
PHẬT GIÁO BỬU SƠN KỲ HƯƠNG



Năm Kỷ Mão (1879) Ngài bảo đệ tử lên “Núi Dài Văn Liên” đốn cây Cam Đàn (một loại gỗ rất hiếm) về cửa ra, chọn thợ khéo trong hàng đệ tử đóng thành Ngôi **Long Đình (Long Vị)** do Ngài vẽ kiểu và cho thước tấc. Đóng xong, Ngài cho khiêng để vào giữa Chùa **Tam Bửu**. Trên đó còn có cặp gổi mặt thụt (loại gổi xưa). Một cặp thước **Lỗ Ban Xích** và **Bản Tiên, Bản Phái**. Trong hàng bá gia tưởng rằng Ngài sẽ dùng để tham thiền nhập định, không ngờ Ngài rất tôn kính như dùng để thờ một Đấng Bề Trên đang vắng mặt.

Bá gia (**Đức Bốn Sư** gọi tín đồ), khắp nơi về đây quy y thọ phái quá đông, trong số này

có rất nhiều dư đảng Cần Vương kháng Pháp. Từ đó, giặc Pháp theo dõi bắt bớ đầy ải, khủng bố đốt chùa miếu nhiều lần. Nặng nhất là lần Pháp nạn năm Ất Dậu (1885). Do đốc phủ **Trần Bá Lộc** hướng dẫn giặc Pháp và Thân Binh vào đây đốt nhà cửa, tàn sát những người mến đạo và yêu nước. Phá hoại hầu hết cơ sở tín ngưỡng, chở đem đi tất cả những gì người Đạo quý trọng. Trong đó có Ngôi **Long Đình**.

Từ đó bá gia không biết vật báu thiêng ấy còn hay đã bị giặc phá hủy, bá gia hợp với nhau đóng Ngôi **Long Đình** khác, tuy không giống hẳn và khéo bằng ngôi trước, nhưng cũng tạm để nơi nền cũ mà phượng thờ (hiện nay còn tại Chùa **Tam Bửu**) như **Đức Bổn Sư** còn tại thế.

Đến năm 1935, không biết vì lý do gì mà **Trần Bá Tư** (con trai **Trần Bá Lộc**) chở Ngôi **Long Đình** đem hiến vào Bảo Tàng Viện Sài Gòn. Từ đó, bá gia thường tới lui chiêm ngưỡng cho đến nay. Nhưng không biết nương tựa vào

đâu mà xin lại. Vì Ngôi **Long Đình** đã biến thành Công Sản Quốc Gia.

Vào ngày 8 tháng 5 năm 1970. Các Hệ phái thuộc **Phật giáo BỬU SƠN KỲ HƯƠNG**, với danh xưng Hội Đồng Liên Phái Trung Ương, lần đầu tiên gửi thỉnh nguyện thư xin Ngôi **Long Đình** về Chùa **Tam Bửu**, đồng thời đăng tải trên Báo Chí kể rõ nguồn cội Ngôi **Long Đình**. Và yêu cầu hầu hết các cơ quan hữu trách về văn hóa, nhờ cứu xét lại trường hợp Ngôi **Long Đình** mà qui hoàn lại cho Tôn Giáo.

Đến ngày 21.11.1970, ông **Trần Văn Ân** phụ tá đặc biệt nghiên cứu chính trị văn hóa Phủ Tổng Thống, trình bày lý do khúc chiết của Ngôi **Long Đình**, nên được Tổng Thống chấp thuận hoàn trả lại cho Chùa **Tam Bửu**, của Hệ phái **Tứ Ân Hiếu Nghĩa** tại núi Tượng Thất Sơn (Châu Đốc).

Vì thủ tục có nhiều khó khăn, mãi đến ngày 06.04.1971 Tổng Thư Ký Phủ Thủ Tướng

mới ký văn thơ ban hành theo lệnh của Tổng Thống.

Đến ngày 11.5.1971 **Giáo Hội Phật Giáo Bửu Sơn Kỳ Hương – Tứ Ân Hiếu Nghĩa** cử hành Lễ cung thỉnh Ngôi **Long Đình** ra khỏi Bảo Tàng Viện Sài Gòn.

– Đại Diện Chánh Phủ có ông **Trần Văn Ân** ký giao hoàn.

– Đại diện **Tứ Ân Hiếu Nghĩa** ký nhận lãnh.

Ngày 12.5.1971 đoàn xe cung nghinh Ngôi **Long Đình** khởi hành từ Sài Gòn về Châu Đốc đặt tại đây một đêm cho Thiện tín chiêm bái.

Ngày 13.05.1971 đoàn xe cung nghinh **Long Đình** khởi hành từ Châu Đốc về núi Tượng Chùa **Tam Bửu**.

Ngày 14, 15.5.1971 (20, 21.05 năm Tân Hợi) Ban Tổ chức **Giáo hội Phật Giáo Bửu Sơn Kỳ Hương – Tứ Ân Hiếu Nghĩa** cử hành đại lễ an vị Ngôi **Long Đình** và khánh thành Chùa **Tam Bửu**.

MỤC LỤC



Lời Giới Thiệu của Giáo Sư Trần Văn Quế	1
Lời Người Biên Soạn	5
Lời Người Tái Bản	8
A. PHẦN QUÁ KHỨ	
I. THỜI KỲ KHAI SÁNG	10
1. Đức Bốn Sư tiếp nối hoằng hóa B.S.K.H với danh xưng Tứ Ân Hiếu nghĩa	19
2. Sự tương quan giữa thời gian dạy đạo và không gian thiết lập Chùa, Miếu	24
3. Hình thức tu học của Hệ Phái Tứ Ân Hiếu Nghĩa	29
a) Tôn Chỉ	30
b) Nghi Thức	30
c) Trang Phục	33
d) Hành Đạo	33
đ) Cúng Dường	36
II. TỨ ÂN HIẾU NGHĨA VÀ HỌC PHẬT TU NHÂN	39

1. Tu Nhân	40
2. Học Phật	42
3. Do đâu có danh xưng Tứ Ân Hiếu Nghĩa	48

III. SỰ LIÊN HỆ CỦA PHẬT GIÁO

BỬU SƠN KỲ HƯƠNG 52

1. Những điểm dị biệt	53
2. Những điểm tương đồng và trùng hợp	55
3. Nguyên do những điểm khác nhau	57

VI. HỆ PHÁI TỬ ÂN HIẾU NGHĨA VỚI

NHỮNG LẦN PHÁP NẠN 64

1. Pháp nạn lần thứ nhất	65
2. Pháp nạn lần thứ hai	68
3. Pháp nạn lần thứ ba	70
4. Pháp nạn lần thứ tư	74
5. Pháp nạn lần thứ năm	77
6. Pháp nạn lần thứ sáu	83
7. Pháp nạn lần thứ bảy	88
8. Tái thiết Chùa Miếu	91

V. NHỮNG ĐIỀU LINH ỨNG VÀ

HUYỀN DIỆU 96

1. Tiên tri việc đời sai nền chùa	97
2. Tiên tri Pháp khủng bố chạy loạn Vườn Dầu	98
3. Chuyện Ông Cử Đa	101
4. Chứng quả người tự thiêu	104
5. Tiên tri cuộc phản thanh phục minh	108
6. Cuộc mở ếm ở Thủy Đài Sơn (núi Nước)	109
7. Hồ cử sát sanh	112
8. Chứng Đại Trai Đàn	115
9. Quày chuối cơm non	117
10. Giới tửu – Răn uống rượu	120
11. Thử thầy trở thành đệ tử	123
12. Giới tham – răn lòng tham	125
13. Làm thầy ăn thịt tướng	127
14. Một bài thơ nhiều chữ Bất	129
15. Chuyện đi đầu thai	130
16. Ý nghĩa chuyện đời tới 1 và 2	133
17. Ông Cả (Cọp)	135
18. Chuyện chim Se Sẻ	136
19. Chuyện củ Nừng (ky lửa và ky nước)	138
20. Lời dặn sau cùng	140

21. Quật mồ thân sinh thầy Cai Tổng 140
22. Phá ám cho người tín đồ 144

B. PHÂN HIỆN TẠI

I. NHỮNG DI TÍCH VÀ GIÁO LÝ

ĐƯỢC LƯU TRUYỀN 148

1. Di tích chùa miếu 149
2. Tổ chức hội chùa 153
3. Truyền nhân hay các ông Trò ông Gánh 154

II. CÁC PHÁP CỦA ĐỨC BỐN SƯ

GIÁO TRUYỀN 159

1. Trì niệm theo Thiên tông 159
2. Xử sự theo Nho giáo 160
3. Rèn luyện Tinh Khí Thần theo Lão giáo 160
4. Ấn khuyết thần chú theo Mật tông 161
5. Kinh Chú, Giảng và Sám Ngũ 164
6. Tam Sao Thất Bốn 167

III. VẤN CÒN PHÁP NẠN 173

1. Pháp nạn lần thứ tám 174
2. Pháp nạn lần thứ chín 175
3. Sự sinh hoạt của tín đồ hiện tại 177

IV. HỆ PHÁI TỬ ÂN HIẾU NGHĨA

TRƯỚC THỜI CUỘC

179

KẾT LUẬN

184

Phụng văn kính lễ Đức Bốn Sư

186

Ba Chúc

188

Văn Điều Nhà Tưởng Niệm Xã Ba Chúc

192

Tưởng Niệm ngày Đức Bốn Sư Viên Tịch

194

Thăm Viếng Thủy Đài Sơn

197

Nhớ Nguồn Ở

198

Ngôi Long Đình

208

HỒI HƯƠNG

Nguyện đem công đức ấn tống điển tích này.
Hồi hướng cho các gia đình Phật tử **Bửu Sơn
Kỳ Hương**, Hệ phái **Tứ Ân Hiếu Nghĩa**,
Chư tai tiêu ách, thân an thọ lạc, giác ngộ tu
hành, vãng sanh **Cực Lạc Quốc**.

Nam Mô A Di Đà Phật.



(Sách biếu tặng, không bán)